



# 2026년 외국인주민 생활안내서

Hướng Dẫn Sinh Hoạt Cho Người Nước Ngoài Năm 2026

"Daily Suwon: 일상의 시작"

"Daily Suwon : Khởi đầu cho cuộc sống hằng ngày"



Chapter

1

**수원시 바로 알기**

Hiểu biết về thành phố Suwon

- 01. 수원시 소개 Giới thiệu về thành phố Suwon ... 01
- 02. 수원시 외국인주민 현황 Hiện trạng người nước ngoài tại thành phố Suwon ... 02

Chapter

2

**수원시 생활 안내**

Hướng dẫn sinh hoạt tại thành phố Suwon

- 01. 체류 안내 Hướng dẫn cư trú ... 04
- 02. 생활쓰레기 처리 Xử lý rác thải sinh hoạt ... 08
- 03. 지방세 안내 Hướng dẫn thuế địa phương ... 09
- 04. 생활법규 안내 Hướng dẫn luật trong sinh hoạt ... 12
- 05. 생활민원 서비스 안내 Hướng dẫn dịch vụ dân sự trong đời sống ... 24
- 06. 사회보장제도 안내 Hướng dẫn chế độ an sinh xã hội ... 26
- 07. 우리아이 보육 정보 안내 Hướng dẫn thông tin nuôi dạy trẻ ... 32
- 08. 수원시 보건 정보 안내 Hướng dẫn thông tin y tế thành phố Suwon ... 40
- 09. 수원시 관광 정보 안내 Hướng dẫn thông tin du lịch thành phố Suwon ... 44
- 10. 기타사항 안내 (전화번호부, 응급실 현황 등) Hướng dẫn thông tin khác ... 46

Chapter

3

**외국인·다문화가족지원 안내**

Chương trình hỗ trợ gia đình đa văn hóa và người nước ngoài

- 01. 수원시 외국인주민 지원사업 소개 Giới thiệu các chương trình hỗ trợ người nước ngoài tại thành phố Suwon ... 52
- 02. 수원시 운영기관 사업 소개 Giới thiệu chương trình của các cơ quan hỗ trợ tại thành phố Suwon ... 60
- 03. 다국어 지원 서비스 Dịch vụ hỗ trợ đa ngôn ngữ ... 66
- 04. 수원시 외국인·다문화가족 지원기관 소개 Giới thiệu cơ quan hỗ trợ gia đình đa văn hóa và người nước ngoài thành phố Suwon ... 69
- 05. 수원시 외국인주민 공동체 소개 Giới thiệu cộng đồng người nước ngoài thành phố Suwon ... 71

# 수원시 바로 알기

Hiểu biết về thành phố Suwon

## 01. 수원시 소개

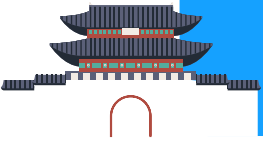
Giới thiệu về thành phố Suwon

## 02. 수원시 외국인주민 현황

Hiện trạng người nước ngoài tại thành phố Suwon



Chapter  
01



# Chapter 01

# 수원시 바로 알기

## Hiểu biết về thành phố Suwon

01

## 수원시소개 Suwon - Thành phố của lòng hiếu thảo

### »» 효의도시 수원 Suwon - Thành phố của lòng hiếu thảo

수원은 조선 제22대 정조대왕이 효와 실학사상을 바탕으로 백성과 더불어 살고자 '수원 화성'을 건설한 계획도시입니다.

수원은 도심 중앙의 팔달산, 북쪽의 광교산, 서쪽의 칠보산이 병풍처럼 둘러 있고 영통과 광교 지역이 신시가지로 조성돼 세계문화유산 '수원 화성'과 함께 자연 속 전통과 현대의 멋이 어우러진 도시입니다

Suwon là thành phố đã quy hoạch xây dựng 'Pháo đài Hwaseong' (Hoa Thành) bởi vua Chính Tổ (Jeongjo) vị vua thứ 22 thời đại Triều Tiên (Joseon) lấy tư tưởng thực học và hiếu đạo làm nền tảng nhằm chung sống cùng nhân dân.

Trung tâm thành phố Suwon là núi Paldal, phía bắc là núi Gwanggyo, phía tây là núi Chilbo, được bao quanh như một tấm bình phong, cùng với khu phố mới thuộc khu vực Yeongtong, Gwanggyo và di sản văn hóa thế giới 'Pháo đài Hwaseong' (Hoa Thành) tạo nên nét đẹp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại trong thiên nhiên.



## 수원시 외국인주민 Người nước ngoài tại TP Suwon

수원시에 거주하는 외국인주민은 73,232명으로 수원시 인구 1,224,979명의 6.0%에 해당

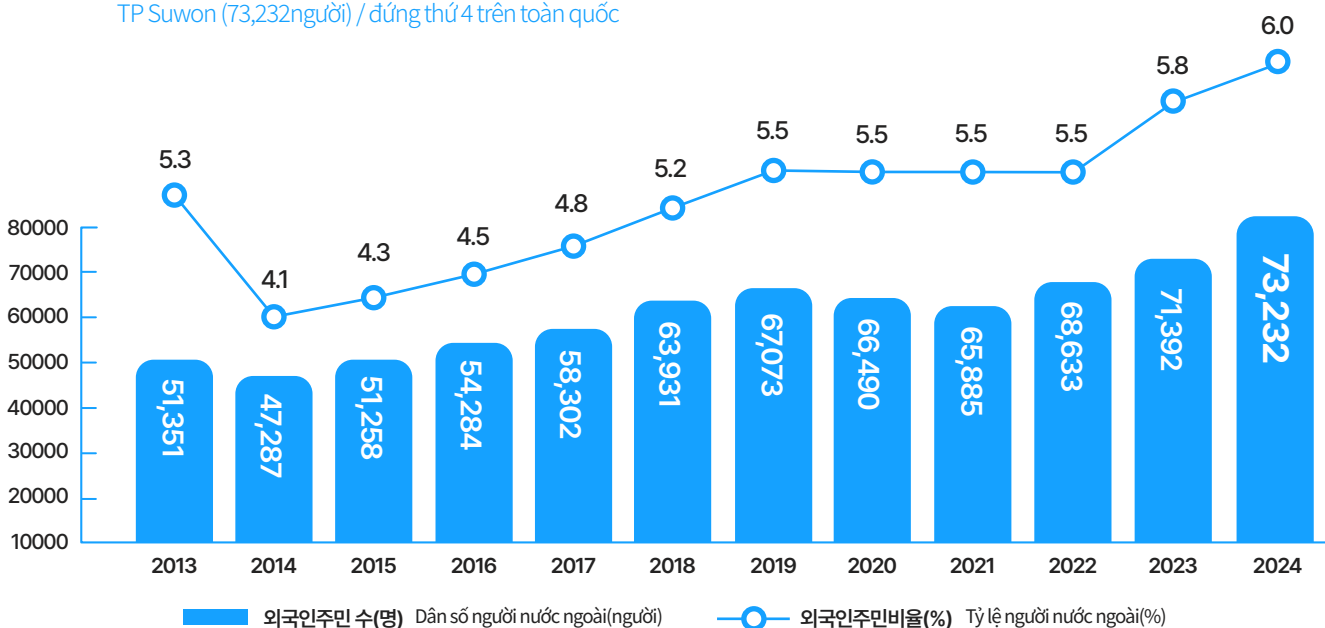
Người nước ngoài đang sinh sống tại thành phố Suwon là 73,232 người, chiếm 6,0% dân số của TP Suwon là 1,224,979 người.

행정안전부에서 2024년 11월 1일 기준 공표(2024.11월)

tháng 1.11.2024 Theo công bố của Bộ hành chính và An ninh ngày 1.11.2024

※ 전국 시군구별 순위 : 안산시(109,872명), 화성시(81,705명), 시흥시(78,444명), 수원시(73,232명)/ 전국 4위

※ Xếp hạng quận, thành phố trên toàn quốc: TP Ansan (109,872người), TP Hwaseong(81,705 người), TP Siheung(78,444người) TP Suwon (73,232người) / đứng thứ 4 trên toàn quốc



## 유형별 외국인주민 Hình thức cư trú của người nước ngoài

결혼이민자 Người kết hôn di trú

5,122 명 6.9 %

외국인주민자녀 Con em người nước ngoài

5,639 명 7.7 %

유학생 Du học sinh

7,121 명 9.7 %

한국국적취득자 Người nhập quốc tịch Hàn

7,598 명 10.3 %

외국인근로자 Lao động người nước ngoài

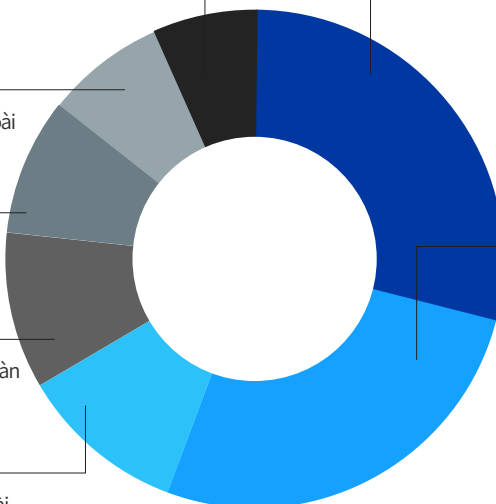
6,805 명 9.2 %

외국국적동포 Kiểu bào quốc tịch nước ngoài

20,693 명 28.2 %

기타 Nước khác

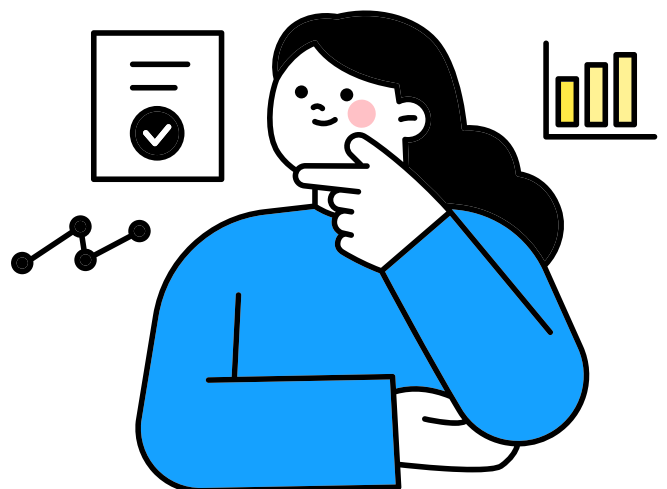
20,254 명 27.6 %



## 국적별 외국인주민 Người nước ngoài cư trú theo quốc tịch



## 외국인주민 집중 거주지역 Khu vực tập trung đông người nước ngoài



# 수원시 생활안내

Hướng dẫn sinh hoạt tại thành phố Suwon

- 01. 체류 안내**  
Hướng dẫn cư trú
- 02. 생활쓰레기 처리**  
Xử lý rác thải sinh hoạt
- 03. 지방세 안내**  
Hướng dẫn nộp thuế địa phương
- 04. 생활법규 안내**  
Hướng dẫn luật trong sinh hoạt
- 05. 생활민원 서비스 안내**  
Hướng dẫn dịch vụ dân sự trong đời sống
- 06. 사회보장제도 안내**  
Hướng dẫn chế độ an sinh xã hội
- 07. 우리아이 보육 정보 안내**  
Hướng dẫn thông tin nuôi dạy trẻ
- 08. 수원시보건정보안내**  
Hướng dẫn thông tin y tế thành phố Suwon
- 09. 수원시관광정보안내**  
Hướng dẫn thông tin tham quan TP Suwon
- 10. 수원시관광정보안내**  
Hướng dẫn thông tin khác



Chapter  
02



# Chapter 02

# 수원시 생활안내

## Hướng dẫn sinh hoạt tại thành phố Suwon

### 01 체류안내 Hướng dẫn cư trú

#### 한국 체류 시 알아야 할 정보 Thông tin cần biết khi cư trú tại Hàn Quốc

담당기관: Cơ quan phụ trách

수원출입국·외국인청 : Cục quản lý xuất nhập cảnh tổng đài ☎ 031-695-3817

준수사항 Những điều cần tuân thủ		처벌내용 Nội dung xử phạt	비고 Ghi chú
<p><b>91일 이상 체류하고자 하는 외국인은 입국일로부터 90일 이내 반드시 체류지 관할 출입국외국인 관서에 외국인등록을 해야 함</b></p> <p>Người nước ngoài muốn cư trú 91 ngày trở lên thì trong 90 ngày phải đến phòng quản lý xuất nhập cảnh trực thuộc nơi cư trú đăng ký</p>		<p><b>범칙금 1개월 미만 20만원 ~2년 이상 1,000만원</b></p> <p>Từ 200 nghìn won hoặc dưới 1 tháng tù ~10 triệu won hoặc trên 2 năm tù</p> <p>※ 가중처벌 있음 * Có thể phạt nặng hơn</p>	
<p><b>체류 기간 연장은 체류 기간 만료일 4개월 전~만료일 이전까지 신청해야 함</b></p> <p>Phải gia hạn thời hạn cư trú khi hết hạn từ 4 tháng trước đến ngày hết hạn</p>		<p><b>범칙금 1개월 미만 50만원 ~7년 이상 3,000만원</b></p> <p>Từ 500 nghìn won hoặc dưới 1 tháng tù đến 30 triệu won hoặc trên 7 năm tù</p> <p>※ 가중처벌 있음 * Có thể phạt nặng hơn</p>	
<p><b>대한민국 체류 중 여권이 변경되면 15일 이내에 신고해야 함</b></p> <p>Trường hợp đổi hộ chiếu khi đang cư trú tại Hàn Quốc phải đăng ký trong vòng 15 ngày</p>		<p><b>과태료 3개월 미만 10만원 ~1년 이상 100만원</b></p> <p>Từ 100 nghìn won hoặc dưới 3 tháng tù đến 1 triệu won hoặc trên 1 năm tù</p> <p>※ 가중처벌 있음 * Có thể phạt nặng hơn</p>	
<p><b>체류지 변경</b></p> <p>Khai báo thay đổi nơi cư trú</p>	<p><b>등록외국인 (F-4 제외)</b></p> <p>Người đã đăng ký người nước ngoài (ngoại trừ visa F-4)</p>	<p><b>15일 이내 신고해야 함</b></p> <p>Phải khai báo trong vòng 15 ngày</p>	<p><b>관할 출입국외국인 관서 또는 시·군·구청 및 동 행정복지센터에서 체류지 변경 가능</b></p> <p>Có thể đăng ký thay đổi nơi cư trú tại ủy ban phường, xã, quận, huyện, thành phố hoặc phòng quản lý xuất nhập cảnh trực thuộc nơi cư trú</p>
	<p><b>재외동포 (F-4)</b></p> <p>Kiểu bào (F-4)</p>	<p><b>14일 이내 신고해야 함</b></p> <p>Phải khai báo trong vòng 14 ngày</p>	
		<p><b>과태료 3개월 미만 10만원 ~2년 이상 200만원</b></p> <p>Trễ hạn dưới 3 tháng từ 100 nghìn won trở lên ~ 2 năm trở lên 2 triệu won</p> <p>※ 가중처벌 있음 * Có thể phạt nặng hơn</p>	

※ 출입국외국인 관서 방문 시, 하이코리아(www.hikorea.go.kr)를 통해 방문 예약

※ Trước khi đến phòng quản lý xuất nhập cảnh phải đăng ký trước tại trang Hi Korea(www.hikorea.go.kr)

※ 관련법령 : 출입국관리법 제25조/ 제31조/ 제35조/ 제36조, 재외동포법 제6조

※ Trước khi đến phòng quản lý xuất nhập cảnh phải đăng ký trước tại trang Hi Korea(www.hikorea.go.kr)

## ▶▶ 불법체류자 자진 출국 전 사전신고제

Chế độ khai báo trước khi người cư trú bất hợp pháp tự nguyện xuất cảnh

불법체류 외국인이 중요범죄를 저지르고 자국으로 도주하는 것을 방지하기 위해 출국일 기준 3일(공휴일 제외) ~15일(공휴일 포함) 전까지 현 거주지 관할 출입국 관서를 방문하거나 하이코리아 온라인 자진 출국 신고를 해야 출국할 수 있도록 하는 제도

Là chế độ bắt buộc phải đến trực tiếp phòng quản lý xuất nhập cảnh trực thuộc nơi cư trú đăng ký tự nguyện về nước, hoặc đăng ký online tại trang web Hi Korea. trước ngày xuất cảnh từ 3 ngày(trừ ngày nghỉ lễ) đến 15 ngày(gồm ngày nghỉ lễ), nhằm ngăn chặn người nước ngoài cư trú bất hợp pháp phạm tội nặng trốn về nước.

### 당일 출국불가

Không thể xuất cảnh trong ngày

### 출국일 3~15일 전 거주지 관할 출입국 관서를 방문하여 직접 자진 출국 신고

Đến văn phòng xuất nhập cảnh trực thuộc nơi cư trú trực tiếp đăng ký tự nguyện về nước trước ngày xuất cảnh từ 3 đến 15 ngày

### 심사강화

Tăng cường sự xem xét

### 사전 신고 시 출입국 관서에서 수배 및 출국 정지 여부를 조회하고 출국 전 공항만 출입국에서 수배 및 출국 정지 여부 재확인

Khi đăng ký trước khi xuất cảnh, sẽ kiểm tra xem có bị truy nã và đình chỉ xuất cảnh hay không, và trước khi xuất cảnh tại sân bay sẽ xác nhận lại việc truy nã và đình chỉ xuất cảnh tại trạm xuất nhập cảnh.

### 자진 출국혜택 축소

Giảm lợi ích xuất cảnh tự nguyện

### 자진 출국자에 대해서도 단계적으로 벌금, 범칙금 부과 및 입국 규제

Đối với những người tự nguyện xuất cảnh cũng bị phạt tiền theo từng giai đoạn và theo quy định nhập cảnh

### 사전 신고 인터넷 접수

Đăng ký trước khi xuất cảnh qua Internet

### 민원인 편의를 위해 법무부 시스템을 개선하여 인터넷 접수 가능

Vì sự tiện lợi của người dân đã cải thiện hệ thống của Bộ Tư pháp để có thể đăng ký qua internet



# ▶▶ 불법체류자 통보 의무 면제제도

Chế độ miễn nghĩa vụ thông báo người cư trú bất hợp pháp

담당기관: Cơ quan phụ trách

경기남부경찰청 치안정보과:

Phòng thông tin an ninh sở cảnh sát khu vực phía nam tỉnh Gyeonggi ☎031-888-2585

구분 Phân loại	내용 Nội dung	
제도개념 Khái niệm	<p>경찰관 등이 수사 과정에서 주요 범죄 피해자가 불법체류자임을 알게 된 경우 출입 관서에 통보하지 않는 제도</p> <p>Là chế độ sở cảnh sát miễn nghĩa vụ thông báo cư trú bất hợp pháp lên cơ quan quản lý xuất nhập cảnh trường hợp phát hiện nạn nhân là người bất hợp pháp trong quá trình điều tra</p>	
적용범죄 Áp dụng tội phạm	<p>형법상 범죄 Tội phạm hình sự</p>	<p>살인죄, 상해/폭행죄, 과실치사상죄, 유기/학대죄, 체포/감금죄, 협박죄, 약취/유인죄, 강간/추행죄, 권리행사방해죄, 절도/강도죄, 사기/공갈죄</p> <p>Tội giết người, tội gây thương tích / bạo hành, tội vô trách nhiệm gây thương tích hoặc chết người, tội bỏ trốn / ngược đãi, tội bắt cóc / tống giam, tội đe dọa, tội say xỉn / xúi giục, tội hãm hiếp / quấy rối tình dục, tội chống lại quyền hành động, tội trộm cắp / cướp, tội lừa đảo / tống tiền</p>
	<p>특별법상 범죄 Tội phạm đặc biệt</p>	<p>폭력행위 등 처벌에 관한 법률, 성폭력 범죄의 처벌 등에 관한 특례법, 교통사고처리특례법, 성매매알선 등 행위의 처벌에 관한 법률, 직업안정법(제46조)</p> <p>Luật trừng phạt các hành vi bạo lực, luật đặc biệt về trừng phạt tội phạm bạo lực tình dục v.v., luật đặc biệt về xử lý các vụ tai nạn giao thông, luật trừng phạt các hành vi mua bán mại dâm và luật bảo vệ công việc (Điều 46)</p>
제외사유 Lý do ngoại trừ	<p>단순 민사사안 Các vấn đề dân sự đơn giản.</p> <p>범죄 피해 사실을 허위 신고하는 경우 Trình báo sai về tội gây thiệt hại</p> <p>생방폭행 등과 같이 피해자이면서 가해자인 경우 면제 대상 아님 Trường hợp hai bên đánh nhau vừa cùng là người bị hại vừa là người gây hại thì không được miễn</p>	
신고방법 Cách trình báo	<p>인터넷 홈페이지 신고    Trình báo qua internet</p> <p>※ 안전 Dream 아동·여성·장애인 경찰지원센터 홈페이지(www.safe182.go.kr) 및 경찰 민원포털 홈페이지(http://minwon.police.go.kr)로 신고 가능</p> <p>※ Trang trung tâm cảnh sát “Ước mơ an toàn” hỗ trợ Trẻ em, Phụ nữ, Người khuyết tật (www.safe182.go.kr) Và có thể trình báo lên cổng thông tin điện tử/chiếu nại cảnh sát (http://minwon.police.go.kr)</p> <p>경찰서(민원실 등) 직접 방문하여 신고 Trình báo trực tiếp tại sở cảnh sát(Phòng khiếu nại, v.v..)</p>	

※ 관련법령 : 출입국관리법 제84조/ 시행령 제92조의2

※ Điều Luật liên quan : Luật kiểm soát xuất nhập cảnh Điều 84/ Lệnh thi hành điều 92-2

## ▶▶ 범죄(피해)예방 교육 및 운전면허 학과 교육 지원

Giáo dục phòng chống tội phạm(nạn nhân)và hỗ trợ thi bằng lái xe

**담당기관:** Cơ quan phụ trách

**경기남부경찰청 치안정보과:** Phòng thông tin an ninh sở cảnh sát khu vực phía nam tỉnh Gyeonggi ☎031-888-2585

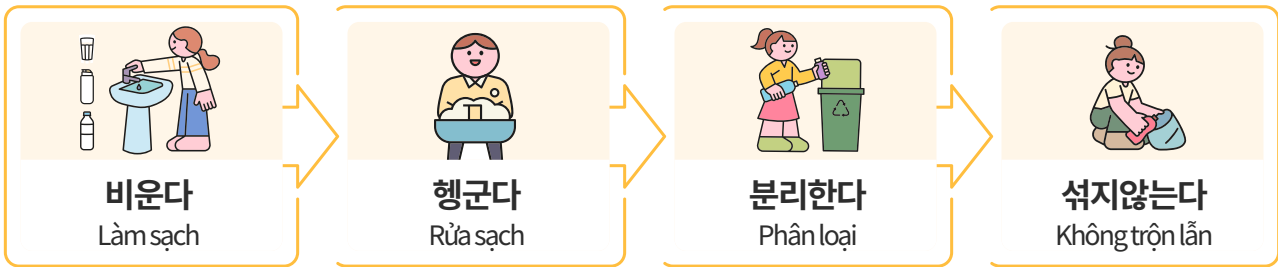
구 분 Thành phần	내 용 Nội dung	
개념 Khái niệm	<b>범죄(피해) 예방 교육</b> Giáo dục phòng chống tội phạm (nạn nhân)	체류 외국인의 안정적인 사회 정착 지원을 위해 다문화가족지원센터·근로현장·NGO 단체 등 외국인들이 모인 장소에 직접 방문, 결혼이주민·외국인근로자·유학생 등 대상별 특성에 맞춰 자주 발생하는 범죄 사례 및 주의해야 할 점 등을 자세하게 알려주고 어려움을 상담해주는 '찾아가는 범죄예방교실' 운영  Để hỗ trợ ổn định xã hội cho người nước ngoài lưu trú, "Lớp học phòng chống tội phạm tìm đến" giúp tư vấn khó khăn và hướng dẫn chi tiết về các trường hợp phạm tội thường xuyên xảy ra phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng kết hôn di trú, lao động nước ngoài, sinh viên du học, v.v.
	<b>운전면허 학과 교육</b> Đào tạo khóa thi bằng lái xe	운전면허 학과시험 지원을 위해 전문강사를 통한 '외국인 운전면허교실' 무료 운영(3개 언어로 교재 제공)  Miễn phí "Lớp học thi bằng lái xe cho người nước ngoài" thông qua giảng viên chuyên môn để hỗ trợ thi lấy bằng lái xe (hỗ trợ sách 3 ngôn ngữ)

- 운전면허시험 관련 문의** Liên hệ khi có thắc mắc về thi bằng lái xe
  - 도로교통공단 운전면허시험장: 1577-1120 ([www.safedriving.or.kr](http://www.safedriving.or.kr))
  - Địa điểm thi bằng lái xe của Tổng công ty giao thông đường bộ
- 학과시험** 3개 언어(영어, 중국어, 베트남어) 응시 가능  
**Khóa thi** Có thể ứng thi trong 3 ngôn ngữ( tiếng Anh, trung Quốc, Việt Nam)

## ▶▶ 생활쓰레기 분리배출 요령 Phương pháp phân loại và thải rác sinh hoạt

- ✓ **배출장소**: 내 집(점포) 앞 **위치** **배출장소**: Trước nhà (cửa hàng)
- ✓ **배출시간**: 20시 ~ 다음날 05시(일요일 ~ 목요일) **Thời gian** **배출시간**: 20:00 tối ~ 05:00 sáng ngày hôm sau (từ chủ nhật ~ thứ 5)

### | 생활쓰레기 분리배출 방법 Phương pháp phân loại và thải rác sinh hoạt



구분 Phân loại	배출방법 Phương pháp phân loại và thải rác
일반쓰레기 Rác thường (Rác đốt)	<b>[타는쓰레기] 휴지, 천조각 등 이물질 묻은 쓰레기</b> Khăn giấy, mảnh vải v.v. khi dính các chất khác <b>흰색 소각용 종량제봉투에 배출</b> Cho vào túi rác trọng lượng, loại đốt màu trắng trước khi thải
음식물쓰레기 Rác thức ăn	<b>수분 제거 후 엷은 황색 음식물 종량제봉투 또는 전용수거용기(RFID)에 배출</b> Sau khi loại bỏ nước, cho vào túi rác thức ăn màu vàng nhạt hoặc thùng rác chuyên dụng (RFID)
플라스틱류 Nhựa	<b>내용물 비우고 압축하여 배출</b> Làm sạch các chất bên trong và nén lại trước khi thải
비닐류 Ni lông (nhựa Fim)	<b>이물질 제거 후 배출</b> Làm sạch các chất dính trước khi thải
종이류 Giấy	<b>신문은 물기에 젖지 않도록 하고 반듯하게 펴서 끈으로 묶어 배출</b> Không để giấy báo bị ướt, trải thẳng ra, cột lại bằng dây trước khi thải <b>책, 상자류는 다른 재질 제거 후 배출</b> Loại bỏ các chất liệu khác trên sách, hộp giấy trước khi thải
유리병 Thủy tinh	<b>이물질 제거 후 병뚜껑 분리하여 배출</b> Làm sạch các chất bị dính, phân loại nắp trước khi thải
스티로폼 Xốp	<b>농축수산물 포장 스티로폼, 컵라면 용기 등 이물질 제거 후 배출</b> Xốp đóng gói nông, gia súc, thủy sản hộp mì v.v. Làm sạch trước khi thải
대형폐기물 Đồ phế liệu lớn	<b>가구, 가전제품</b> Đồ nội thất, thiết bị gia dụng <b>종량제봉투 판매소 또는 대형폐기물 인터넷 시스템(<a href="https://waste.suwon.go.kr">https://waste.suwon.go.kr</a>)에서 스티커 구입 부착 후 배출</b> Mua nhãn dán tại cửa hàng bán túi rác trọng lượng hoặc trên trang web( <a href="https://waste.suwon.go.kr">https://waste.suwon.go.kr</a> ) đồ phế liệu lớn, dán vào trước khi thải

## 수원시 지방세 안내 Hướng dẫn nộp thuế địa phương TP Suwon

### 정기분 지방세 Thuế định kỳ

지방세법에 규정되어 있는 과세기준일에 과세표준 및 납세의무자가 결정되고 부과·고지되는 지방세

Đối tượng nộp thuế, tiêu chuẩn của lịch nộp thuế được quyết định và thông báo· đánh thuế theo quy định của luật thuế địa phương

월 별 Tháng	세 목 Tên thuế	과세기준일 Lịch nộp thuế	납세의무자 Đối tượng nộp thuế	납부기한 Thời hạn nộp thuế
1월 Tháng 1	등록면허세(면허) Thuế đăng ký cấp giấy phép	1. 1.	각종 인허가를 받은 자 Người được cấp giấy phép các loại	1. 31.
6월 Tháng 6	자동차세(1기분) Thuế ô tô (quý 1)	6. 1.	등록원부상 자동차 소유자 Người đăng ký sở hữu xe ô tô	6. 30.
7월 Tháng 7	재산세(건축물, 주택1/2) Thuế tài sản (tòa nhà, sở hữu 1/2 căn hộ)	6. 1.	건축물 및 주택 소유자 Người sở hữu căn hộ và tòa nhà	7. 31.
8월 Tháng 8	주민세 Thuế định cư	7. 1.	관내 주소를 둔 주민 Người dân có địa chỉ trong thành phố	8. 31.
9월 Tháng 9	재산세(토지, 주택1/2) Thuế tài sản (đất đai, sở hữu 1/2 căn hộ)	6. 1.	토지 및 주택 소유자 Người sở hữu căn hộ và tòa nhà	9. 30.
12월 Tháng 12	자동차세(2기분) Thuế ô tô (quý 2)	12. 1.	등록원부상 자동차 소유자 Người đăng ký sở hữu xe ô tô	12. 31.

### 신고분 지방세 Kê khai thuế địa phương

지방세법에 따라 납세의무가 발생할 경우 정해진 기한 내 납세자가 해당 과세 관청에 신고납부해야 하는 지방세

Trường hợp là đối tượng nộp thuế, phải đăng ký nộp thuế tại cơ quan đánh thuế trực thuộc trong kỳ hạn đã định theo luật thuế địa phương

세 목 Tên thuế	납세의무자 Đối tượng nộp thuế	신고납부기한 Thời hạn kê khai nộp thuế	신고처 Nơi nộp thuế
등록면허세 (면허) Thuế đăng ký cấp phép (giấy phép)	각종 인허가를 받거나 변경하려는 자 Người được cấp hoặc thay đổi giấy phép các loại	면허증서를 발급 또는 송달받기 전까지 Trước ngày nhận được hoặc ngày được cấp giấy phép	사업장 관할 구청 Ủy ban quận thuộc nơi kinh doanh
등록면허세 (등록) Thuế đăng ký cấp phép (đăng ký)	등기(등록)을 하는 자 Người thành lập(đăng ký)	등기(등록)하기 이전까지 Trước khi thành lập(đăng ký)	등기 물건 관할 구청 (차량, 이륜차: 전국) Các món đồ đăng ký tại quận trực thuộc (Xe ô tô, xe hai bánh)
취득세 Thuế trước bạ	부동산(차량) 취득하는 자 Người sở hữu bất động sản(xe ô tô)	취득한 날부터 60일 이내 Trong 60 ngày kể từ ngày sở hữu	취득 물건 관할 구청 (차량, 이륜차: 전국) Ủy ban quận có thẩm quyền về món đồ sở hữu (Xe ô tô, xe hai bánh: trên toàn quốc)
주민세 (종업원) Thuế định cư (nhân viên)	종업원 월평균 급여 총액 1억 5천만 원 초과 사업주 Chủ doanh nghiệp chi tổng mức lương trung bình hàng tháng cho nhân viên vượt quá 150 triệu won	급여지급 다음 달 10일까지 Đến ngày 10 sau tháng trả lương	사업장 관할 구청 Ủy ban quận thuộc nơi kinh doanh
주민세 (사업소본) Thuế định cư (khu vực kinh doanh)	매년 7월 1일 현재 관내 대통령령으로 정하는 일정한 규모 이상의 사업소를 둔 개인 및 법인 Các tư nhân và pháp nhân sở hữu cơ sở kinh doanh trực thuộc khu vực ngày 1/7 hiện tại, vượt quy mô nhất định theo lệnh tổng thống	매년 8.1.~ 8.31. Ngày 1/8~31/8 hàng năm	사업장 관할 구청 Ủy ban quận thuộc nơi kinh doanh

세 목 Tên thuế	납세의무자 Đối tượng nộp thuế	신고납부기한 Thời hạn kê khai nộp thuế	신고처 Nơi nộp thuế
지방소득세 (특별징수분) Thuế thu nhập địa phương (phần thu thuế đặc biệt)	소득세, 법인세 원천징수 의무자 Đối tượng có nghĩa vụ đóng thuế thu nhập, pháp nhân trước	징수일 다음 달 10일까지 Ngày thu thuế là ngày 10 tháng sau	사업장 관할 구청 Ủy ban quận thuộc nơi kinh doanh
지방소득세 (양도, 종합, 법인) Thuế thu nhập địa phương (phần chuyển nhượng, tổng hợp, pháp nhân)	소득세(양도, 종합) 및 법인세 납세의무가 있는 자 người có nghĩa vụ nộp thuế pháp nhân và thuế thu nhập (chuyển nhượng, tổng hợp)	소득세(법인세) 신고 기간의 만료일까지 Đến ngày hết hạn thời hạn kê khai thuế thu nhập (pháp nhân)	주소지 관할 구청 Ủy ban quận thuộc nơi kinh doanh
지역자원시설세 (특자) Thuế cơ sở vật chất và tài nguyên khu vực (đặc quyền)	특정 자원(지하수 등)을 채수하는 자 Người đặc quyền sở hữu tài nguyên (ống nước ngầm)	다음 달 말일까지 Đến cuối tháng sau	특정 자원 관할 구청 Ủy ban quận trực thuộc đặc quyền tài nguyên

## ▶▶ 지방세·세외수입 체납 관련 안내

Hướng dẫn nộp thuế địa phương và các khoản thu nhập ngoài thuế

담당부서: Bộ phận phụ trách

수원시 징수과: Phòng thu thuế TP Suwon  
☎031-5191-3189/2730

### ✔ 체납시 행정제재 Phạt hành chính trường hợp nộp thuế trễ hạn

구 분 Phân loại	내 용 Nội dung
지방세 Local tax	<p>정당한 사유 없이 3천만 원 이상 체납할 경우 ▶ <b>출국금지 요청</b> Trường hợp trễ hạn nộp thuế trên 30 triệu won và không có lý do hợp lý ▶ <b>cấm xuất cảnh</b></p> <p>체납발생 후 1년 경과 1천만 원 이상 체납할 경우 ▶ <b>체납자명단 공개</b> Trường hợp trễ hạn nộp trên 1 năm với mức trên 10 triệu won ▶ <b>bị công khai danh sách của người trễ hạn nộp thuế</b></p> <p>3회 이상 체납하고 체납액이 30만 원 이상 체납할 경우 ▶ <b>관허사업 제한 요구</b> Trường hợp trễ hạn nộp thuế trên 3 lần với mức trên 300 nghìn won ▶ <b>bị hạn chế kinh doanh do chính phủ cấp phép</b></p> <p>「출입국관리법」 제31조에 따른 외국인등록 또는 「재외동포의 출입국과 법적 지위에 관한 법률」 제6조에 따른 국내거소신고를 한 외국인이 체류기간 연장허가 등 대통령령으로 정하는 체류 관련 허가 등을 법무부장관에게 신청하는 경우 납세증명서 제출(체납시) ▶ <b>체류기간 연장허가시 6개월제한 연장</b></p> <p>Trường hợp trễ hạn nộp thuế đối với người nước ngoài đăng ký theo điều 31 「luật quản lý xuất nhập cảnh」 hoặc Điều 6 của 「luật xuất nhập cảnh và địa vị pháp lý của kiều bào ở nước ngoài」 đã khai báo cư trú trong nước phải nộp giấy chứng nhận nộp thuế cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc cho phép lưu trú theo lệnh chủ tịch nước, chẳng hạn như giấy phép gia hạn thời gian lưu trú. ▶ <b>bị hạn chế gia hạn thời hạn cư trú 6 tháng khi gia hạn.</b></p> <p>* 외국인 비자연장 전 세금체납 확인제도 시행(2017년) * Thi hành chế độ xác nhận nộp thuế trước khi gia hạn cho người nước ngoài (năm 2017)</p> <p>* 업무순서별 관련법령: 지방세징수법 제8조, 제11조, 제7조, 제5조-제10조 * Liên quan theo luật trình tự làm việc: Điều 8, 11, 7, 5 và 10 của Luật thu thuế địa phương</p>

지방세·  
세외수입 공통  
Thuế địa phương·  
các khoản thu nhập  
ngoài thuế

## 한국신용정보원 체납자료 제공 ▶ 카드 발급·신용대출 제한

Cung cấp dữ liệu nợ thuế cho viện thông tin tín dụng Hàn Quốc

### ▶ bị giới hạn đăng ký thẻ ngân hàng và vay tín dụng

- **지방세**: 체납 발생 후 1년 경과 체납액 500만 원 이상인 경우 또는 1년에 3회 이상 체납하고 체납액이 500만 원 이상인 경우

**Thuế địa phương**: Trường hợp trễ hạn nộp trên 1 năm với mức trên 5 triệu won, hoặc trên 3 lần với mức trên 5 triệu won

※ **관련법령**: 지방세징수법 제9조 ※ **Luật liên quan**: Điều 9 của Luật thu thuế địa phương

- **세외수입**: 체납 발생 후 1년 경과 체납액 500만 원 이상인 경우 또는 3회 이상 체납하고 체납액이 500만 원 이상인 경우

**Thu nhập ngoài thuế**: Trường hợp trễ hạn nộp trên 1 năm với mức trên 5 triệu won, hoặc trên 3 lần với mức trên 5 triệu won

※ **관련법령**: 지방행정제재부과금법 제6조, 질서위반행위규제법 제53조

※ **Luật liên quan**: Điều 6 của Đạo luật phụ thu xử phạt chính quyền địa phương, Điều 53 của Đạo luật quy định vi phạm trật tự công cộng

## 자동차 등록번호판 영치

Giám biển số xe Ô tô

- **지방세**: 납세의무자가 독촉기간 내 체납된 자동차세를 납부하지 아니하는 경우

**Thuế địa phương**: Trường hợp người nộp thuế không nộp thuế ô tô chưa thanh toán trong thời gian thúc giục

※ **관련법령**: 지방세법 제131조 ※ **Luật liên quan**: Điều 131 của Luật thuế địa phương

- **세외수입**: 「자동차관리법」 제2조제1호에 따른 자동차의 운행관리 등에 관한 질서위반행위 중 대통령령으로 정하는 질서위반행위로 부과받은 과태료를 납부하지 아니한 경우

**Thu nhập ngoài thuế**: Theo điều 2 số 1 của 「Luật quản lý ô tô」 Trường hợp không nộp phạt vì vi phạm trật tự liên quan đến vận hành, quản lý ô tô do hành vi vi phạm trật tự quy định theo lệnh chủ tịch nước

※ **관련법령**: 질서위반행위규제법 제55조 ※ **Điều 55** luật quy định hành vi vi phạm trật tự

## ✓ 체납 시 체납처분 진행 Tiến hành xử lý tình huống trễ hạn nộp thuế

구분 Phân loại	내용 Nội dung
지방세· 세외수입 공통 Thuế địa phương· các khoản thu nhập ngoài thuế chung	체납자의 모든 재산 압류 가능 (단, 조세채권과 그 집행비용 변상에 필요한 한도를 넘는 범위의 재산 압류금지) Có thể tịch thu tất cả các tài sản của người nợ thuế. (Tuy nhiên, cấm thu giữ tài sản trong phạm vi số tiền cần hoàn trả vượt quá mức yêu cầu thu thuế)

※ **관련법령**: 지방세징수법 제33조~제107조, 지방행정제재부과금법 제8조~제19조, 질서위반행위규제법 제16조~제24조의4

※ **Luật liên quan**: Luật thuế địa phương Điều 33 đến 107, Luật phụ thu xử phạt hành chính địa phương Điều 8 đến 19, Điều 16 đến 24-4 của Luật kiểm soát vi phạm trật tự công cộng

## 외국인 세대별 주민등록표 기록 Hướng dẫn đăng ký thường trú người nước ngoài

**담당부서:** Bộ phận phụ trách

**장안구 종합민원과:** Phòng tiếp dân quận Jangan (☎031-5191-5245)

**권선구 종합민원과:** Phòng tiếp dân quận Gwonseon (☎031-5191-6246)

**팔달구 종합민원과:** Phòng tiếp dân quận Paldal (☎031-5191-7245)

**영통구 종합민원과:** Phòng tiếp dân quận Yeongtong (☎031-5191-8544)

### ✓ 준수사항 Những điều cần tuân thủ

- 등록을 한 외국인 또는 국내 거소 신고를 한 외국 국적 동포를 세대별 주민등록표에 기록하여 줄 것을 신청하거나 그 기록사항의 정정·변경 또는 삭제를 신청하려는 사람은 외국인 등의 체류지를 관할하는 시장·군수 또는 구청장에게 신청서를 제출하여야 함

Người đã đăng ký hoặc Kiêu bào quốc tịch nước ngoài đã khai báo nơi cư trú tại Hàn Quốc và được ghi chú trong Bảng đăng ký thường trú, nếu có mong muốn đăng ký hoặc đính chính, sửa đổi, hoặc xóa hồ sơ thì phải nộp đơn yêu cầu đến các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến nơi cư trú người nước ngoài như Chủ tịch Ủy ban thành phố hoặc Chủ tịch Ủy ban Quận, Huyện.

※ **관련법령:** 주민등록법 시행규칙 제1조의2

※ **Điều Luật liên quan:** Theo Khoản 2 Điều 1 Nguyên tắc thi hành Luật thường trú

## 외국인 부동산 취득 신고 제도 Chế độ khai báo sở hữu bất động sản dành cho người nước ngoài

**담당부서:** Bộ phận phụ trách

**장안구 세무과:** Phòng Thuế quận Jangan (☎031-5191-5398)

**권선구 세무과:** Phòng Thuế quận Gwonseon (☎031-5191-6541)

**팔달구 세무과:** Phòng Thuế quận Paldal (☎031-5191-7390)

**영통구 세무2과:** Phòng Thuế 2 quận Yeongtong (☎031-5191-8440)

### ✓ 준수사항 Những điều cần tuân thủ

#### 신고의무자

Người có nghĩa vụ khai báo

대한민국 국적을 보유하고 있지 아니한 자(영주권자·재외국민은 허가나 신고 대상이 아님)

Người không có quốc tịch Hàn Quốc (Người có quyền định cư vĩnh viễn · Hàn Kiêu không phải là đối tượng đăng ký xin cấp phép hoặc khai báo)

외국 법령에 따라 설립된 법인이나 단체

Tổ chức hoặc công ty pháp nhân được thành lập theo pháp luật nước ngoài

사원 구성원의 반수 이상 또는 임원의 반수 이상이 외국인인 법인이나 단체

Tổ chức hoặc công ty pháp nhân mà trong đó có hơn phân nửa nhân viên hoặc có trên / phân nửa thành viên ban lãnh đạo là người nước ngoài

자본금의 반액 이상 또는 의결권의 반수 이상을 외국인 또는 외국의 법령에 따라 설립된 법인이나 단체가 가지고 있는 법인 또는 단체

Tổ chức hoặc công ty pháp nhân có tổ chức hoặc công ty pháp nhân được thành lập theo pháp luật nước ngoài, hoặc có hơn một nửa vốn đầu tư nước ngoài, hoặc có hơn một nửa quyền ý kiến thuộc về người nước ngoài

구분 Phân loại	신고대상 Đối tượng khai báo	신고기한 Thời hạn khai báo	구비서류 Hồ sơ cần thiết
계약 Hợp đồng	토지/건축물/분양권 취득계약, 증여 Biếu tặng, hợp đồng nhận(sở hữu) về đất đai/ công trình kiến trúc (cao ốc)/ quyền phân lô	원인발생일로부터 60일 이내 Từ ngày phát sinh nguyên nhân đến trong vòng 60 ngày	신분증, 신고서, 매매계약서/증여계약서 Chứng minh thư, đơn khai báo, Hợp đồng mua bán / hợp đồng biếu tặng
계약외 Ngoài hợp đồng	상속, 경매, 환매권 행사, 법원의 확정판결 Thừa kế, đấu giá, các sự kiện về việc mua lại, phán quyết của tòa án	원인발생일로부터 6월 이내 Từ ngày phát sinh nguyên nhân đến trong vòng 6 tháng	신분증, 신고서, 계약외 원인 입증서류 Chứng minh thư, đơn khai báo, tài liệu chứng minh nguyên nhân ngoài hợp đồng
계속보유 Bảo lưu lâu dài	외국 국적을 취득한 경우 Trường hợp nhận quốc tịch nước ngoài	원인발생일로부터 6월 이내 Từ ngày phát sinh nguyên nhân đến trong vòng 6 tháng	신분증, 신고서, 국적변경 증명서 Chứng minh thư, đơn khai báo, giấy chứng nhận thay đổi quốc tịch

※ 부동산 거래 신고 등에 관한 법률 제3조에 따라 거래 신고 한 경우, 따로 신고하지 않아도 됨

※ Trường hợp đã khai báo giao dịch theo Điều 3 của Luật về Khai báo giao dịch bất động sản, thì không cần phải khai báo riêng.

※ 단독·공동주택 30호 이하, 단지형 연립·다세대 50세대 이하, 오피스텔 30실 이하, 분양 면적 3천 미터제곱 이하로서 건축물 사용승인 전 계약 건은 검인 신고 후 반드시 외국인 부동산 취득 신고하여야 함

※ Trường hợp nhà riêng chung cư dưới 30 hộ gia đình, nhà tập thể (liền kề), nhà đa thế hệ (theo khu) dưới 50 hộ gia đình, office hotel dưới 30 phòng, diện tích lô dưới 3 nghìn m<sup>2</sup>, thì cần phải khai báo đóng dấu kiểm tra hồ sơ hợp đồng, sau đó khai báo đăng ký bất động sản cho người nước ngoài trước khi được phê duyệt cho phép sử dụng.

### ✔ 과태료 기준 Mức phạt căn bản

구분 Phân loại	내용 Nội dung	
신고하지 않은 경우 Trường hợp không khai báo	300만 원 이하의 과태료 부과 Phạt tiền dưới 3 triệu won	
자진신고 할 경우 Trường hợp tự nguyện khai báo	100% 면제 Miễn 100%	조사 시작 이전 신고 관청에 단독으로 신고한 최초의 자 위반 사실 입증에 필요한 자료 제공 등 성실하게 협조한 경우 Đối với trường hợp trước khi bắt đầu điều tra, cá nhân tự nguyện khai báo thành thật và hợp tác trong việc cung cấp tài liệu chứng minh vi phạm với cơ quan có thẩm quyền khai báo
	50% 면제 Miễn 50%	조사 시작 후 신고 관청에 단독으로 신고한 최초의 자 위반 사실 입증에 필요한 자료 제공 등 성실하게 협조한 경우 Đối với trường hợp sau khi bắt đầu điều tra, cá nhân tự nguyện khai báo thành thật và hợp tác trong việc cung cấp tài liệu chứng minh vi phạm với cơ quan khai báo có thẩm quyền

※ 관련법령 : 부동산 거래신고 등에 관한 법률 제8조/ 제28조

※ Điều Luật liên quan : Theo Điều 8 / Điều 28 Luật quản lý xe ô tô

## 자전거 이전·변경 등록

### Hướng dẫn đăng ký thay đổi chuyển nhượng xe Ô Tô

담당부서: Bộ phận phụ trách

수원시 자동차등록과: Phòng đăng ký xe ô tô TP Suwon (☎031-5191-1604)

구분 Phân loại	내용 Nội dung
준수사항 Những điều cần tuân thủ	<p>자동차 명의 이전 시 이전일로부터 15일 이내에 신고하여야 함 Trường hợp sang tên xe, phải khai báo trong vòng 15 ngày kể từ ngày chuyển nhượng.</p> <p>차량 소유자 사망 시 사망일이 속하는 달의 말일로부터 6개월 이내에 상속 이전등록 신고를 하여야 함 Trường hợp chủ sở hữu xe tử vong, phải khai báo đăng ký chuyển nhượng thừa kế trong vòng 6 tháng kể từ ngày cuối cùng của tháng mà chủ sở hữu tử vong.</p>
처벌내용 Nội dung xử phạt	<p>명의 이전일로부터 15일 경과 후, 16일째 되는 날부터 10일간 10만 원, 그 이후로는 1일마다 1만 원 추가, 최대 50만 원의 범칙금이 부과될 수 있음 Sau khi quá hạn 15 ngày kể từ ngày sang tên, từ ngày thứ 16 đến cho đến 10 ngày (tiếp theo) có thể bị phạt với mức là 100 nghìn won, và sau ngày đó mỗi ngày phạt thêm 10 nghìn won, cho đến tối đa là 500 nghìn won.</p> <p>차량 소유자 사망 시, 사망일이 속하는 달의 말일로부터 6개월 경과 시 그다음 날부터 10일간 10만 원, 그 이후로는 1일마다 1만 원이 추가되어 최대 50만 원의 범칙금 부과될 수 있음 Trường hợp chủ sở hữu xe tử vong và quá hạn 6 tháng kể từ ngày cuối cùng của tháng mà chủ sở hữu tử vong thì từ ngày hôm sau cho đến 10 ngày (tiếp theo) có thể bị phạt với mức là 100 nghìn won, và sau ngày đó mỗi ngày phạt thêm 10 nghìn won, cho đến tối đa là 500 nghìn won.</p>

※ 관련법령: 자동차관리법 제11조/ 제12조

※ Điều Luật liên quan: Theo Điều 11 / Điều 12 Luật quản lý xe ô tô

## 자전거 말소등록

### Hướng dẫn đăng ký xử lý xe phế thải

담당부서: Bộ phận phụ trách

수원시 자동차등록과: Phòng đăng ký xe ô tô TP Suwon (☎031-5191-1616)

구분 Phân loại	내용 Nội dung
준수사항 Những điều cần tuân thủ	<p>자동차 폐차 후 1개월 이내에 자동차 말소등록을 신청해야 함 Phải đăng ký hủy xe trong vòng 1 tháng sau khi xử lý xe phế thải.</p>
처벌내용 Nội dung xử phạt	<p>자동차 폐차 후 1개월이 경과할 경우 50만 원 이하의 과태료가 부과됨 Trường hợp sau khi xử lý xe phế thải quá hạn hơn 1 tháng thì sẽ bị phạt tiền dưới 500 nghìn won.</p>

※ 관련법령: 자동차관리법 제13조/ 제84조

※ Điều Luật liên quan: Theo Điều 13 / Điều 84 Luật quản lý xe ô tô

## 자동차 의무보험 가입

### Hướng dẫn đăng ký bảo hiểm xe Ô Tô bắt buộc

담당부서: Bộ phận phụ trách **수원시 자동차관리과**: Phòng quản lý xe ô tô TP Suwon (☎031-5191-1561)

구분 Phân loại	내용 Nội dung
준수사항 Những điều cần tuân thủ	<p><b>자동차 보유자는 실제 운행여부와 관계없이 다른 사람에게 차량을 이전 등록하거나 말소 등록하기 전까지 의무보험에 가입하여야 함</b></p> <p>Chủ xe phải đăng ký bảo hiểm bắt buộc trước khi chuyển nhượng cho người khác hoặc đăng ký hủy bỏ phương tiện, bất kể xe đó có thực sự được điều khiển hay không.</p> <p><b>장기간 차량을 운행할 수 없을 때(3개월 이상 2년 이하의 범위에서 해외 체류 등)는 사전에 관청의 승인을 받아 가입 의무 면제를 신청할 수 있음</b></p> <p>Nếu bạn không thể lái xe trong thời gian dài (ví dụ: ở nước ngoài trong 3 tháng trở lên nhưng dưới 2 năm), bạn có thể nộp đơn xin miễn nghĩa vụ đăng ký với sự chấp thuận trước từ cơ quan chính phủ.</p> <p><b>보험 만기일이 공휴일인 경우에는 미리 보험을 갱신하여야 함</b></p> <p>Nếu ngày hết hạn bảo hiểm là ngày nghỉ lễ, bảo hiểm phải được gia hạn trước ngày đó</p>
처벌내용 Nội dung xử phạt	<p><b>의무보험에 가입하지 않은 모든 자동차 소유자는 미가입 기간에 따라 비사업용은 최대 90만 원, 사업용은 최대 230만 원의 과태료가 부과됨</b></p> <p>Tất cả các chủ sở hữu ô tô không đăng ký bảo hiểm bắt buộc sẽ bị phạt tối đa 900,000 won dành cho người không kinh doanh, 2,3 triệu won dành cho người kinh doanh tùy thuộc vào thời gian không đăng ký.</p> <p><b>사전 의견 제출 기간 내 납부할 경우 과태료 20%까지 감경 가능함</b></p> <p>Trường hợp thanh toán trong thời hạn gửi ý kiến khiếu nại thì tiền phạt có thể được giảm 20%</p> <p><b>본 부과 납부 기간 경과 시 매월 가산금이 추가됨(최대 75%)</b></p> <p>Trường hợp quá thời hạn thanh toán nợ thuế, sẽ bị cộng thêm phí hàng tháng(tối đa 75%)</p> <p><b>의무보험 미가입 자동차를 운행한 자동차 소유자는 과태료와 별개로 1년 이하의 징역 또는 1천만 원 이하의 벌금에 처할 수 있음</b></p> <p>Chủ sở hữu của ô tô chưa đăng ký bảo hiểm bắt buộc khi vận hành sẽ bị phạt tiền và có thể xử phạt riêng dưới một năm tù hoặc bị phạt dưới 10 triệu won.</p>

※ **관련법령** : 자동차손해배상 보장법 제5조

※ **Relevant Law** : Guarantee of Automobile Accident Compensation Act(Article 5)

# 자동차 종합검사 안내

## Hướng dẫn kiểm tra tổng hợp xe Ô Tô

담당부서: Bộ phận phụ trách

수원시 자동차관리과: Phòng quản lý xe ô tô TP Suwon (☎031-5191-1564)

구분 Phân loại	내용 Nội dung
<p><b>준수사항</b> Những điều cần tuân thủ</p>	<p><b>자동차 소유자는 실제 운행 여부와 관계없이 다른 사람에게 차량을 이전 등록하거나 말소 등록하기 전까지 정기적으로 종합 검사를 받아야 함</b></p> <p>Bất kể chủ sở hữu xe có thực sự điều khiển phương tiện hay không thì chủ sở hữu phương tiện phải kiểm tra tổng hợp xe theo định kỳ trước khi đăng ký hủy xe hoặc chuyển nhượng cho người khác.</p> <p><b>부득이한 사유(해외 체류, 차량 수리, 병원 입원 등)로 자동차를 운행할 수 없을 때, 검사 기간 내 관청의 승인을 받아 검사 유효기간을 연장할 수 있음</b></p> <p>Trường hợp không thể vận hành xe với lý do không tránh khỏi(cư trú nước ngoài, xe đang sửa chữa, nhập viện v.v.) trong thời hạn kiểm tra xe có thể khai báo lý do và xin xác nhận với cơ quan quản lý trực thuộc để được gia hạn ngày kiểm tra định kỳ</p> <p><b>검사 기간은 자동차등록증 뒷면 또는 사이버검사소(<a href="https://www.cyberts.kr/">https://www.cyberts.kr/</a>)에서 수시로 확인하여야 함</b></p> <p>Thời hạn kiểm tra xe có thể kiểm tra bất cứ lúc nào trên trang web(<a href="https://www.cyberts.kr/">https://www.cyberts.kr/</a>) hoặc phía sau giấy chứng nhận đăng ký xe</p>
<p><b>처벌내용</b> Nội dung xử phạt</p>	<p><b>자동차 종합 검사 미이행자는 검사 지연 기간에 따라 최대 60만 원의 과태료가 부과됨</b></p> <p>Người không thi hành kiểm tra tổng hợp xe sẽ bị phạt tối đa là 600 ngàn won tính theo thời gian trì hoãn.</p> <p><b>사전 의견 제출 기간 내 납부할 경우 과태료 20%까지 감경받을 수 있으며, 납부 기간 경과 시에는 매월 가산금이 추가됨(최대 75%)</b></p> <p>Trường hợp nộp phí trong thời gian phản hồi có thể được giảm đến 20% phí phạt, và nếu quá hạn nộp phí thì sẽ bị cộng thêm phí phạt mỗi tháng (tối đa 75%)</p> <p><b>자동차 검사명령 위반 시, 자동차 운행정지(1년 이상 경과)나 1년 이하의 징역 또는 1천만원 이하의 벌금에 처할 수 있음</b></p> <p>Khi vi phạm mệnh lệnh kiểm tra xe, có thể bị phạt dưới 10 triệu won, dưới 1 năm tù hoặc đình chỉ vận hành xe(trên 1 năm)</p>

\* **관련법령** : 자동차관리법 제43조

\* **Điều luật liên quan** : điều 43 của luật quản lý xe ô tô



## ▶▶ 무단 방치 차량 처리 안내

### xử lý tình huống bỏ xe trái phép

담당부서: Bộ phận phụ trách

수원시자동차관리과: Phòng quản lý xe ô tô TP Suwon (☎031-5191-1585)

구분 Phân loại	내용 Nội dung
준수사항 Những điều cần tuân thủ	<p>자동차를 일정한 장소에 고정시켜 운행 외의 목적으로 사용 불가함 Xe được cố định ở một nơi nhất định và không được sử dụng cho mục đích khác ngoài việc lái xe</p> <p>자동차를 계속해서 도로에 방치 불가함 không thể bỏ mặc xe trên đường liên tục</p> <p>정당한 사유 없이 자동차를 타인의 토지에 2개월 이상 방치 불가함 không thể đậu xe trên đất của người khác trên 2 tháng nếu không có lý do chính đáng</p>
처벌내용 nội dung xử phạt	<p>자동차의 방치행위자에 대하여 자동차 관리법 제26조 및 제85조에 의하여 범칙금이 부과되며, 이를 납부하지 않을 경우 법 제81조 제8호에 의하여 1년 이하의 징역 또는 1천만 원 이하의 벌금에 처할 수 있음</p> <p>Đối với người có hành vi đậu xe trái phép sẽ bị phạt tiền theo điều 85 và điều 26 của luật quản lý xe ô tô Trường hợp không nộp phạt có thể sẽ bị phạt dưới 10 triệu won hoặc dưới 1 năm tù theo theo số 8 điều 81 của luật</p>

※ 관련법령 : 자동차관리법 제26조

※ Điều luật liên quan: điều 26 của luật quản lý xe ô tô

## ▶▶ 장애인전용 주차구역 위반 과태료 부과

### xử phạt khi đậu xe trái phép nơi ưu tiên người khuyết tật

담당부서: Bộ phận phụ trách

장안구 사회복지과: Phòng phúc lợi xã hội quận Jangan(☎031-5191-5472)

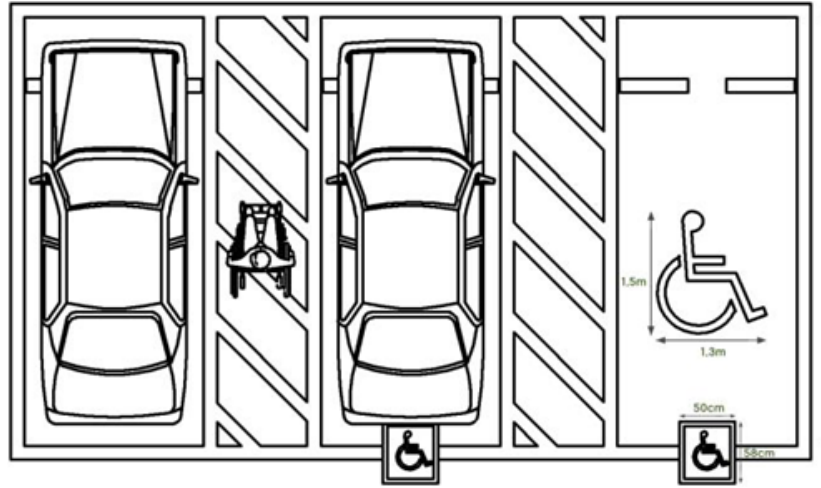
권선구 사회복지과: Phòng phúc lợi xã hội quận Gwonseon(☎031-5191-6315)

팔달구 사회복지과: Phòng phúc lợi xã hội quận Paldal(☎031-5191-7290)

영통구 사회복지과: Phòng phúc lợi xã hội quận Yeongtong (☎031-5191-8866)

#### ✓ 준수사항 Những điều cần tuân thủ

- '주차 가능' 표지를 발급받은 장애인 차량만이 장애인 전용 주차구역을 이용 가능함  
Chỉ những phương tiện của người khuyết tật được cấp biển hiệu 'được phép đỗ xe' thì mới có thể đỗ xe ở khu vực (đỗ xe) dành cho người khuyết tật.
- '주차 가능' 표지가 있어도, 장애인이 운전하거나 타고 있지 않으면 주차 불가함  
Cho dù có biển hiệu 'được phép đỗ xe', nhưng người khuyết tật không lái xe hoặc không đi xe thì cũng không được phép đỗ xe.
- 장애인 전용 주차구역 주차 면을 가로막는 이중주차 등을 할 경우 과태료 부과함  
Trường hợp đỗ xe đôi chắn ngang khu vực đỗ xe của người khuyết tật, v.v... thì có thể bị phạt tiền.



✔ 과태료 기준 Mức phạt căn bản

구분 Phân loại	내용 Nội dung	과태료 Mức phạt
주차위반 Vi phạm đỗ xe	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 주차가능 표지가 없는 차량의 주차 Khi phương tiện không có biển hiệu 'được phép đỗ xe' có hành vi đỗ xe</li> <li>- 보행에 장애가 있는 사람 미탑승 Khi người khuyết tật không có trên xe</li> </ul>	10만원 100 nghìn won
주차방해 Gây cản trở đỗ xe	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 장애인 전용 주차구역 내 물건 적재 Bốc xếp hàng hóa trong khu vực đỗ xe dành cho người khuyết tật</li> <li>- 이중주차 등으로 인한 진입 방해 Gây cản trở lối vào do đỗ xe đôi, v.v...</li> </ul>	50만원 500 nghìn won
표지위반 Vi phạm về biển hiệu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 부정 사용(표지 위조 및 변조) Sử dụng gian lận(giả mạo và sửa đổi biển hiệu)</li> <li>- 부당 사용(표지 대여 및 양도) Sử dụng không đúng cách(cho thuê và chuyển nhượng biển hiệu)</li> </ul>	200만원 2 triệu won

※ 관련법령: 장애인·노인·임산부 등의 편의증진 보장에 관한 법률 제17조

※ Điều Luật liên quan: Theo Điều 17, Luật về đảm bảo khuyến khích sự tiện lợi cho người khuyết tật·người cao tuổi·phụ nữ mang thai, v.v.

## ▶▶ 배출가스 5등급 차량 운행 제한 및 저공해 조치 신청

Đăng ký biện pháp giảm ô nhiễm và hạn chế vận hành phương tiện phát thải cấp 5

담당부서: Bộ phận phụ trách 수원시 기후에너지과: Phòng khí hậu và năng lượng TP Suwon (☎031-5191-2968)

### ✓ 준수사항 Những điều cần tuân thủ

구분 Phân loại	내용 Nội dung	
제도개요 Khái quát về chế độ	<p><b>배출가스 5등급 차량 운행 제한</b> Hạn chế vận hành phương tiện phát thải cấp 5</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ <b>단속시기</b> Thời kỳ kiểm soát                     <ul style="list-style-type: none"> <li>- 계절 관리제 기간(12~3월) 06~21시 Chế độ quản lý theo mùa(tháng 12~3), từ 6h ~ 21h</li> <li>- 미세먼지 비상저감조치 발령 시 06~21시 Thời gian ban hành biện pháp giảm thiểu bụi mịn, từ 6h ~ 21h</li> <li>※ 주말, 공휴일 미시행 ※ Không thi hành vào ngày nghỉ và cuối tuần</li> </ul> </li> <li>○ <b>단속대상</b>: 전국 5등급 차량 <b>Đối tượng kiểm soát</b>: Xe cấp 5 trên toàn quốc</li> <li>○ <b>제외대상</b>: 저감장치 부착 차량, 긴급 차, 장애인·국가유공자 차량 등 <b>Đối tượng loại trừ</b>: Xe gắn thiết bị giảm tốc, xe cấp cứu, xe người khuyết tật·xe công ích quốc gia v.v.. Hạn chế vận hành xe thải khí cấp 5</li> <li>○ <b>유예대상</b> Đối tượng ngoại lệ                     <ul style="list-style-type: none"> <li>- 저감장치 부착 불가 차량 중 취약계층(기초생활수급자, 차상위계층), 소상공인 차량 trong các phương tiện không thể gắn thiết bị giảm khí thải như xe doanh nghiệp nhỏ, hộ nghèo(người nhận tiền sinh hoạt cơ bản, tầng lớp hạ lưu)</li> <li>※ 저공해 조치 신청만으로는 운행 제한에서 제외되지 않음</li> <li>※ không ngoại lệ giới hạn điều hành phương tiện khi chỉ đăng ký biện pháp giảm thải khí ô nhiễm</li> </ul> </li> </ul>	
저공해조치 방법 Cách đăng ký xử lý giảm ô nhiễm	조기폐차 Phế xe sớm	<p><b>4, 5등급 경유차 조기 폐차 시 보조금 지원</b> ※ 4등급은 경유차 한정, 5등급은 전 차종 가능 Trợ cấp khi phế xe sớm loại xe chạy bằng dầu cấp 5 ※ Giới hạn xe chạy bằng dầu cấp 4, chỉ áp dụng các loại xe cấp 5 có sẵn</p>
	저감장치부착 Lắp đặt thiết bị giảm ô nhiễm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>5등급 경유 차량 저감장치 부착 지원</b> Hỗ trợ lắp đặt thiết bị giảm ô nhiễm cho xe chạy bằng dầu cấp 5</li> <li>- <b>부착비용 약 90% 지원, 자부담금 약 10%(약 40만원)</b> Hỗ trợ phí lắp đặt khoảng 90%, Phí cá nhân khoảng 10%(400 nghìn won)</li> </ul>

### ✓ 과태료 기준 Mức phạt căn bản

구분 Thành phần	내용 Nội dung	과태료 Phí phạt
운행 제한 위반 Vi phạm lệnh hạn chế vận hành	최초 적발지에서 1일 1회 Từ lần đầu tiên bị phát hiện tại địa điểm 1 ngày 1 lần	10만원 100 nghìn won

※ **관련법령**: 미세먼지 저감 및 관리에 관한 특별법 제18조, 제21조

※ **Điều luật liên quan**: Điều 18 và điều 21 của luật đặc biệt về giảm thiểu và quản lý bụi mịn

## ▶▶ 무단투기 과태료 부과 안내

Hướng dẫn nội dung xử phạt hành vi vứt rác trái phép

**담당부서:** bộ phận phụ trách

**장안구 환경위생과:** Phòng vệ sinh môi trường quận Jangan (☎031-5191-5339)

**권선구 환경위생과:** Phòng vệ sinh môi trường quận Gwonseon (☎031-5191-6361)

**팔달구 환경위생과:** Phòng vệ sinh môi trường quận Paldal (☎031-5191-7329)

**영통구 환경위생과:** Phòng vệ sinh môi trường quận Yeongtong (☎031-5191-8909)

### ✔ 과태료 기준 Mức phạt cơ bản

위반행위 Hành vi vi phạm	과태료 부과 금액 (원) Mức phạt		
	1차 위반 vi phạm lần 1	2차 위반 vi phạm lần 2	3차 위반 vi phạm trên 3 lần
담배꽂초, 휴지 등 휴대하고 있는 폐기물을 버린 경우 Trường hợp vứt rác thải sinh hoạt nhỏ như: giấy, tàn thuốc	50,000	50,000	50,000
비닐봉지, 천보자기 등 간이보관기구를 이용하여 폐기물을 버린 경우 (비규격 봉투) Trường hợp sử dụng dụng cụ bảo quản đơn giản như túi bóng, túi vải để vứt rác (không phải túi đựng rác quy định)	200,000	200,000	200,000
휴식 또는 행락 중 발생한 쓰레기를 버린 경우 Trường hợp vứt rác phát sinh khi vui hoặc chơi nghỉ ngơi	200,000	200,000	200,000
차량, 손수레 등 운반장비를 이용하여 폐기물을 버린 경우 Trường hợp sử dụng xe hoặc xe đẩy để vứt rác	500,000	500,000	500,000
사업활동 과정에서 발생하는 생활폐기물을 버린 경우 Trường hợp vứt rác sinh hoạt được phát sinh trong quá trình hoạt động nghiệp vụ	1,000,000	1,000,000	1,000,000
생활폐기물을 매립한 경우 Trường hợp chôn lấp rác thải sinh hoạt	700,000	700,000	700,000
생활폐기물을 매립한 경우 trường hợp đốt rác thải sinh hoạt	500,000	500,000	500,000
단독주택, 연립주택, 아파트 등의 건물에서 주거생활과 관련하여 폐기물을 배출한 경우 (장소·시간·분리배출 위반) Trường hợp bỏ rác thải liên quan đến đời sống dân cư trong các tòa nhà, chung cư, dãy nhà, căn hộ (vi phạm về phân loại rác, thời gian địa điểm bỏ rác)	100,000	200,000	300,000

\* 관련법령 : 폐기물관리법 제68조, 폐기물관리법시행령 제38조

※ Điều luật liên quan : điều 68 của luật quản lý chất thải, điều 38 của nghị quyết thi hành luật quản lý chất thải

## ▶▶ 환경친화적 자동차의 전용주차구역 등 위반 과태료

Mức phạt vi phạm khu vực đỗ xe chuyên dụng cho Ô tô thân thiện với môi trường

**담당부서:** bộ phận phụ trách **장안구 환경위생과:** Phòng vệ sinh môi trường quận Jangan (☎031-5191-5349)  
**권선구 환경위생과:** Phòng vệ sinh môi trường quận Gwonseon (☎031-5191-6339)  
**팔달구 환경위생과:** Phòng vệ sinh môi trường quận Paldal (☎031-5191-7348)  
**영통구 환경위생과:** Phòng vệ sinh môi trường quận Yeongtong (☎031-5191-8918)

※ **환경친화적 자동차:** 전기자동차, 태양광자동차, 하이브리드자동차, 수소전기자동차, 산업통상자원부장관이 환경부장관과 협의하여 고시한 자동차

※ **Ô tô thân thiện với môi trường:** Ô tô điện, ô tô năng lượng mặt trời, ô tô hybrid, ô tô điện hydro, ô tô được Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng công bố sau khi tham khảo ý kiến của Bộ trưởng Bộ Môi trường.

### ✓ 준수사항 Những điều cần tuân thủ

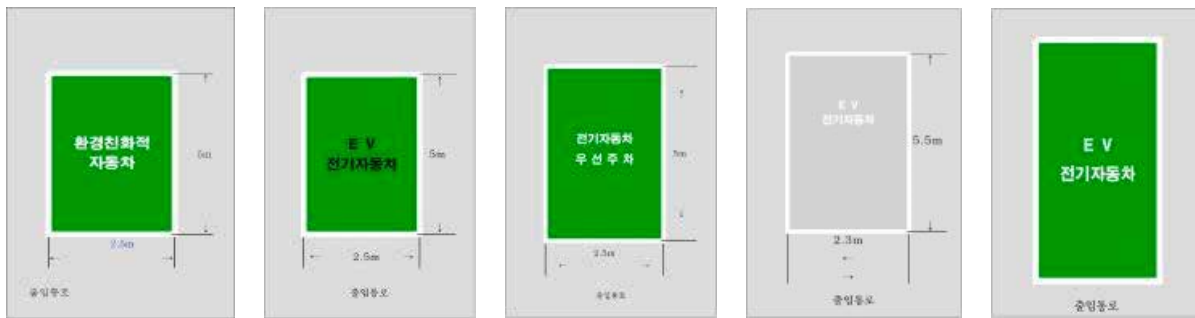
구 분 Thành phần	이용대상 Đối tượng sử dụng	단속대상 Đối tượng bị kiểm soát
<b>환경친화적 자동차 충전구역</b> Khu vực sạc xe thân thiện với môi trường	<b>전기자동차</b> Xe ô tô điện  * 위 차량도 급속1시간, 완속14시간 초과시 과태료 ※ Các phương tiện nêu trên bị phạt khi sạc quá 1 tiếng với tốc độ cao, hoặc 14 tiếng với tốc độ chậm	<b>내연기관자동차</b> xe ô tô có động cơ đốt trong  <b>수소전기자동차</b> ô tô điện hydro  <b>외부충전식이 아닌 하이브리드 자동차</b> Xe hybrid không sạc pin bên ngoài
<b>환경친화적 자동차 전용주차구역</b> Khu vực sạc xe thân thiện với môi trường	<b>전기자동차</b> Xe ô tô điện  <b>하이브리드자동차</b> ô tô hybrid,  <b>수소전기자동차</b> ô tô điện hydro	<b>내연기관자동차</b> xe ô tô có động cơ đốt trong

### ✓ 과태료 기준 Mức phạt căn bản

위반내용 Nội dung vi phạm	과태료 Mức phạt
<b>환경친화적 자동차 충전구역 및 전용주차구역에 일반차량 주차하는 행위</b> Đỗ xe ở khu vực sạc xe thân thiện với môi trường và khu vực đỗ xe dành riêng.	<b>10만원</b> 100 nghìn won
<b>환경친화적 자동차 급속충전시설 1시간, 완속충전시설 14시간을 초과하여 계속 주차하는 행위</b> Ô tô thân thiện với môi trường đỗ xe liên tục và sạc quá 1 tiếng với tốc độ cao, hoặc 14 tiếng với tốc độ chậm tại cơ sở sạc điện * 외부충전식 하이브리드 자동차의 경우, 급속 1시간/ 완속 7시간 Đối với xe ô tô hybrid sạc điện bên ngoài : sạc nhanh tối đa 1 giờ / sạc chậm tối đa 7 giờ	
<b>충전시설 및 충전구역에 물건을 적치하는 등 충전을 방해하는 행위</b> Cản trở việc sạc, đặt đồ vật vào thiết bị sạc hoặc khu vực sạc.	
<b>충전시설을 환경친화적 자동차 충전 이외의 용도로 사용하는 행위</b> Sử dụng thiết bị sạc cho các mục đích khác ngoài việc sạc xe thân thiện với môi trường	
<b>환경친화적 자동차 충전시설 및 충전구역 표시 등을 고의로 훼손하는 행위</b> Cố ý làm đánh dấu làm hư hỏng thiết bị sạc xe thân thiện với môi trường và khu vực sạc, v.v.	<b>20만원</b> 200 nghìn won

## ✓ 환경친화적 자동차 충전시설 및 전용주차구역 예시

Ví dụ về cơ sở sạc ô tô thân thiện với môi trường và khu vực đỗ xe chuyên dụng



## ✓ 준수사항 Những điều cần tuân thủ

- 환경친화적 자동차 충전시설의 충전구역에 전기자동차를 주차 시 급속1시간, 완속 14시간을 초과할 수 없음
- Khi đỗ xe điện trong khu vực sạc điện của thiết bị sạc xe thân thiện với môi trường, không được vượt quá 1 giờ tốc độ nhanh và 14 giờ tốc độ chậm.
- 환경친화적 자동차 충전시설의 충전구역에 외부충전식 하이브리드자동차 주차 시 급속1시간, 완속 7시간 초과할 수 없음
- Khi đỗ xe hybrid sạc điện bên ngoài trong khu vực sạc của thiết bị sạc xe thân thiện với môi trường, không được vượt quá tốc độ nhanh 1 tiếng và tốc độ chậm 7 tiếng.
- 환경친화적 자동차 충전시설 및 충전구역에 물건을 쌓거나 그 통행로를 가로막는 등 충전을 방해하는 행위를 하여서는 아니 됨
- Các hành vi cản trở việc sạc, xếp chồng chất các đồ vật hoặc đứng chặn lối đi trong các trạm sạc và khu vực sạc xe thân thiện với môi trường.

## 보이스피싱 등 신종사기수법 주의

Chú ý lừa đảo tài khoản ngân hàng qua điện thoại(Voice phishing)

담당기관: Bộ phận phụ trách

경찰청: Sở Cảnh sát(☎1394)

금융감독원: Viện Kiểm sát Tài chính (☎1332)

구분 Phân loại	내용 Nội dung	
<b>준수사항</b> Những điều cần tuân thủ	<b>보이스피싱에 휘말릴 경우 피해자이면서 피의자가 될 수 있으므로 각별한 주의가 요구됨</b> Vì vừa có thể là nạn nhân và cũng vừa có thể là nghi phạm nên cần chú ý đặc biệt các trường hợp liên quan đến lừa đảo tài khoản ngân hàng qua điện thoại(Voice phishing)	
	<b>금전 피해자이면서 피의자가 될 수 있는 유형</b> Các hình thức có thể vừa là nạn nhân vừa là nghi phạm <ul style="list-style-type: none"> <li>○ 신용등급을 올려야 한다며 일정 금액을 인출해서 달라고 요구한 경우                          Trường hợp yêu cầu rút tiền nạp vào tài khoản để tăng cấp tín dụng</li> <li>○ 대출해 줄 테니 담보로 통장·체크카드 등을 주면 보관하겠다는 경우                          Trường hợp hứa sẽ cho vay với điều kiện thế chấp thẻ và sổ ngân hàng v.v...</li> <li>○ 금융기관이나 관공서에서 개인정보·돈을 요구하는 전화가 온 경우                          rường hợp giả mạo cơ quan tín dụng hoặc cơ quan hành chính điện thoại đến yêu cầu đồng ý cung cấp thông tin cá nhân để hoàn tiền</li> <li>○ 포인트 환급 등을 이유로 통장·카드 비밀번호를 알려달라는 경우                          Trường hợp yêu cầu cung cấp số bí mật thẻ và sổ ngân hàng để hoàn tiền điểm tích lũy</li> <li>○ 단기 고액 아르바이트며 통장을 빌려달라고 하는 경우                          Trường hợp yêu cầu cho mượn sổ ngân hàng để hợp tác làm thêm ngắn hạn được số tiền lớn</li> <li>○ 대출받으려면 거래내역이 필요하니 보내는 돈을 다른 지정 계좌로 이체하라는 경우                          Trường hợp cần in nhật ký sổ ngân hàng nên yêu cầu chuyển khoản vào sổ tài khoản chỉ định</li> </ul>	
<b>처벌내용</b> Nội dung xử phạt	<b>통장·카드 대여</b> Cho mượn thẻ và sổ ngân hàng	<b>3년 이하 징역 또는 2천만 원 이하 벌금</b> Dưới 3 năm tù hoặc dưới 20triệu wo
	<b>현금 인출 전달</b> Rút tiền mặt chuyển qua tay	<b>최대 10년 이하 징역 또는 2천만 원 이하 벌금</b> Tối đa dưới 10 năm tù hoặc dưới 20triệu won

※ **관련법령** : 전자금융거래법 제6조

※ **Điều Luật liên quan** : Luật giao dịch tài chính điện tử điều 6

### 수원시 휴먼콜센터

Tổng đài TP Suwon (☎1899-3300/031-5191-2114)

#### 운영현황

Thông tin hoạt động

- **운영시간:** 평일 08:30~18:30(야간 및 토/일/공휴일 : 당직실)

Thời gian làm việc : Ngày thường từ 08:30~18:30(Ngày nghỉ/ thứ 7/ chủ nhật và ban đêm : Phòng thường trực)

#### 주요상담분야

Lĩnh vực tư vấn chủ yếu

- **일반상담:** 시정정책, 각종 행사, 민원 안내 등 시정 전반

Tư vấn cơ bản : Chính sách thành phố, các sự kiện, hướng dẫn dân sự trong toàn thành phố v.v..

- **행정업무 연계 상담:** 5개 분야

Tư vấn kết nối bộ phận hành chính : 5 lĩnh vực

- ▶ 지방세, 상·하수도 요금, 세외수입, 환경개선부담금, 교통유발부담금

Thuế địa phương, phí cấp thoát nước, các khoản thu ngoài thuế, phí cải thiện môi trường, phí gây ùn tắc giao thông

- **생활불편 민원 접수**

Tiếp nhận khiếu nại dân sự bất tiện trong sinh hoạt

### 가사홈서비스 - Yes생활민원처리반 운영

Hỗ trợ dịch vụ tại nhà

- Đội xử lý sinh hoạt dân sự Yes

#### 서비스 대상

사회취약계층(기초생활수급자, 차상위계층 등)

Đối tượng : Người có mức sống thấp trong xã hội (thu nhập dưới mức trung bình, thu nhập cơ bản, v.v..)

#### 서비스 분야

가정 내 생활불편사항 처리

Lĩnh vực : Giúp xử lý các tình huống bất tiện trong sinh hoạt

#### 전기설비

Lắp đặt thiết bị điện



형광등, 전구, 콘센트, 센서등, 스위치, 전기선 연결 등

Fluorescent lights, light bulb, sockets, sensitive light, switch, connection of electric cable, etc.

#### 전자기기

Thiết bị điện tử



가전·통신제품 점검 및 소규모 수리

Inspection and minor repair of home electronics, communication products

#### 배관설비

Lắp đặt đường ống



수도꼭지, 배관막힘, 에어컨·보일러 점검 등

Faucet, pipe blockage, inspection of air-conditioners and boilers, etc.

#### 소규모 집수리

Tu sửa nhà với quy mô nhỏ



문고리 수리, 부분 도배, 장판수리, 방충망 보수 등

Repairing doorknob, partial wallpaper work, repairing floor paper, repairing window screen, etc.

#### 기타

Dịch vụ khác



기타 생활에 불편을 주는 사항의 처리 등

Treatment of other discomforts in the daily lives

\* 대규모 공사, 공동이용시설 등은 서비스 불가

\* Không hỗ trợ các dịch vụ như : lắp đặt thiết bị dùng công cộng hay sửa chữa với quy mô lớn

✔ **운영시간:** 월~금, 09:00~18:00

Thời gian làm việc: 09:00 ~ 18:00 từ thứ 2 ~ 6

✔ **처리비용:** 기본 자재 및 서비스 무료 (Yes 생활민원처리반이 보유하고 있지 않은 자재는 민원인 직접 구매)

Chi phí sửa chữa: Miễn phí dịch vụ và phí mua thiết bị cơ bản

(Trong trường hợp trung tâm không có thiết bị thì cá nhân phải trực tiếp mua)

✔ **신청 및 문의:** 수원시 휴먼콜센터 (☎1899-3300(031-5191-2114))

Liên hệ và đăng ký: Tổng đài TP Suwon

## ▶▶ **민원 서류 발급 서비스** Dịch vụ cấp hồ sơ hành chính

✔ **정부24** Trang web chính phủ 24 (☎1588-2188/ [www.gov.kr](http://www.gov.kr))

인터넷을 이용하여 어디서나 365일 24시간 필요한 민원을 안내받고 신청·발급·열람할 수 있는 온라인 정부민원포털 서비스  
Đây là dịch vụ cổng thông tin nhân dân trực tuyến hướng dẫn đăng ký hồ sơ dân sự cần thiết và đăng ký·xin cấp phát·tìm hiểu qua online 24 giờ/ 365 ngày, bất cứ nơi nào.

○ 주민등록등·초본, 토지대장, 외국인등록사실증명, 국내거소사실증명, 건축물대장 등 즉시 발급(47종 무료, 일부 유료)

Cấp ngay giấy đăng ký cư trú · bản sao hộ khẩu thường trú, sổ đăng ký đất đai, giấy chứng nhận đăng ký người nước ngoài, giấy chứng nhận cư trú trong nước, sổ đăng ký tòa nhà, v.v.  
(47 loại miễn phí, một số loại có phí)

○ 전입신고, 지방세납세증명 등 인터넷 신청, 인허가 등 민원사무처리절차 안내

Hướng dẫn thủ tục xử lý việc dân sự và đăng ký qua internet như đăng ký cư trú, giấy chứng nhận nộp thuế địa phương, các loại giấy phép v.v..

✔ **무인민원발급기** Máy cấp hồ sơ hành chính tự động (☎1899-3300 / [www.suwon.go.kr](http://www.suwon.go.kr))

○ 행정기관 방문 없이 가까운 수원시 무인민원발급기에서 빠르고 편리하게 주민등록등본 등 124종의 민원 증명 서비스 제공

Cung cấp 124 loại dịch vụ chứng minh dân sự như bản sao đăng ký chứng minh nhân dân một cách nhanh chóng và tiện lợi từ máy cấp hồ sơ hành chính tự động gần nhất trong TP Suwon mà không cần đến cơ quan hành chính

## ▶▶ 국민기초생활보장사업 Dịch vụ hỗ trợ hộ nghèo

- ✔ 생활이 어려운 저소득 가구에 기본적인 생활을 보장하고, 자립할 수 있도록 각 가구의 특성이나 처한 상황에 따라 생계비, 의료비, 주거비, 교육비 등을 지원하는 제도  
 Để đảm bảo kế sinh nhai cơ bản cho hộ thu nhập thấp, có hoàn cảnh khó khăn và giúp tự lập bằng cách hỗ trợ chi phí sinh hoạt, y tế, nhà ở, học tập theo từng hoàn cảnh

### ✔ 외국인 적용 대상 Những người nước ngoài đủ điều kiện hưởng trợ cấp

「출입국관리법」 제31조에 따라 외국인등록을 한 자로서 다음에 해당하여야 한다.

Người nước ngoài đã hoàn thành việc đăng ký người nước ngoài theo điều 31 「Luật quản lý xuất nhập cảnh」

- 대한민국 국민과 혼인 중인 사람으로서 다음 중 어느 하나에 해당하는 사람  
 Là người kết hôn với công dân Hàn Quốc có đủ một trong các điều kiện sau đây
  - 본인 또는 대한민국 국적의 배우자가 임신 중인 사람  
 Bản thân hoặc vợ/chồng của người có quốc tịch Hàn Quốc đang mang thai.
  - 대한민국 국적의 미성년 자녀(계부자·계모자 관계와 양친자 관계를 포함)를 양육하고 있는 사람  
 Người đang nuôi dưỡng trẻ vị thành niên mang quốc tịch Hàn Quốc(bao gồm kế phụ, kế mẫu, quan hệ con nuôi)
  - 배우자의 대한민국 국적인 직계존속과 생계나 주거를 같이 하는 사람  
 Người đang cùng cư trú và sinh kế với người có quan hệ chính thống quốc tịch Hàn Quốc của vợ/ chồng.
- 대한민국 국민인 배우자와 이혼하거나 그 배우자가 사망한 사람으로서 대한민국 국적의 미성년 자녀 (계부자·계모자 관계와 양친자 관계를 포함)를 양육하고 있는 사람  
 Người ly hôn với người Hàn Quốc hoặc người vợ/chồng người Hàn Quốc đã mất nhưng phải nuôi dưỡng trẻ vị thành niên(bao gồm kế phụ, kế mẫu, quan hệ con nuôi) mang quốc tịch Hàn Quốc
- 「난민법」 제2조 제2호에 따라 법무부 장관이 난민으로 인정한 사람으로 「난민법」 제32조에 따라 국내에 체류 중인 외국인  
 Là người nước ngoài đang cư trú tại Hàn Quốc theo điều 32 「Luật dân tị nạn」 do bộ trưởng bộ tư pháp chứng nhận theo điều 2 khoản 2 「Luật dân tị nạn」
- 「재한외국인 처우 기본법」 제14조의 2에 따라 법무부 장관이 아프간 특별 기여자로 인정한 사람으로 국내에 체류 중인 외국인  
 Theo mục 2 điều 14 của 「Luật cơ bản đối với người nước ngoài tại Hàn Quốc」 người nước ngoài đang cư trú tại Hàn Quốc, được Bộ trưởng Bộ Tư pháp công nhận là người có đóng góp đặc biệt cho Afghanistan.

### ✔ 문의처 Liên hệ

- 주소지 동 행정복지센터 Ủy ban phường theo địa chỉ cư trú
- 생계·의료·교육급여 Chi phí sinh hoạt, y tế, học tập:  
 보건복지상담센터 Trung tâm tư vấn phúc lợi y tế (☎129) 복지로 bộ phận phúc lợi (www.bokjiro.go.kr)
- 주거급여 Trợ cấp nhà ở  
 국토교통부 콜센터 Tổng đài bộ giao thông vận tải và đất đai(☎1599-0001)  
 LH주거급여 콜센터 tổng đài trợ cấp nhà ở LH(☎1600-0777) 마이홈 My Home (www.myhome.go.kr)

## ▶▶ 긴급복지지원

### Hỗ trợ phúc lợi khẩn cấp

- ✔ 갑작스러운 위기상황으로 생계유지가 곤란한 저소득층에게 생계, 의료, 주거지원 등의 서비스를 지원하여 위기상황에서 벗어날 수 있도록 돕는 제도

Là chế độ giúp thoát khỏi tình huống nguy cơ cho những người có thu nhập thấp gặp khó khăn trong việc duy trì kế sinh nhai, do tình trạng gặp nguy cơ đột ngột, bằng cách hỗ trợ các dịch vụ như sinh kế, y tế, nhà ở v.v..

- ✔ **외국인 적용 대상** Những người nước ngoài đủ điều kiện hưởng trợ cấp

「긴급복지지원법」 제5조의 2에 따라 국내에 체류하고 있는 외국인 중 다음에 해당되어야 한다.

Theo mục 2 điều 15 của 「Luật hỗ trợ phúc lợi khẩn cấp」 người nước ngoài cư trú hợp pháp trong nước phải có điều kiện như sau.

\* 만약 지원받을 상황이 아니거나 자격조건을 갖추지 못한 것으로 결정되면 지원받은 금액을 반환하여야 한다.

※ Nếu xem xét không phải hoàn cảnh hỗ trợ hoặc không đủ điều kiện thì phải hoàn trả lại số tiền đã nhận hỗ trợ.

- 대한민국 국민과 혼인 중인 사람  
Là người kết hôn với công dân Hàn Quốc
- 대한민국 국민인 배우자와 이혼하거나 그 배우자가 사망한 사람으로서 대한민국 국적을 가진 직계존비속(부모, 자녀)을 돌보고 있는 사람  
Người ly hôn với công dân Hàn Quốc hoặc người vợ/chồng công dân Hàn Quốc đã mất nhưng đang nuôi dưỡng người có quan hệ chính thống với người đó mang quốc tịch Hàn Quốc (cha mẹ hoặc con)
- 「난민법」 제2조 제2호에 따른 난민으로 인정된 사람  
Người được thừa nhận là dân tị nạn theo điều 2 khoản 2 「Luật dân tị nạn」
- 본인의 귀책 사유 없이 화재, 범죄, 천재지변으로 피해를 입은 사람  
Người bị thiệt hại do thảm họa thiên tai, tội phạm, hỏa hoạn mà nguyên nhân không thuộc về họ
- 그 밖에 보건복지부 장관이 긴급한 지원이 필요하다고 인정하는 사람  
Ngoài ra, Bộ trưởng Bộ y tế và Phúc lợi thừa nhận là người cần được nhận sự hỗ trợ khẩn cấp  
- 본인의 귀책 사유 없이 재난 등으로 피해를 입은 사람  
Người bị thiệt hại do thiên tai v.v.. mà nguyên nhân không thuộc về họ  
- 「난민법」 제2조 제3호에 따른 인도적 체류자  
Người cư trú theo chế độ nhân đạo của điều 2 khoản 3 「Luật dân tị nạn」  
- 특별 기여자: 법무부 장관이 대한민국에 특별한 기여를 했거나 공익의 증진에 이바지했다고 인정하는 사람  
Người có công đặc biệt: người được Bộ trưởng Bộ Tư pháp công nhận là có đóng góp đặc biệt cho Hàn Quốc hoặc đóng góp vào việc thúc đẩy lợi ích cộng đồng

- ✔ **문의처** Liên hệ

- 주소지 동 행정복지센터 Ủy ban phường theo địa chỉ cư trú
- 보건복지상담센터 Trung tâm tư vấn phúc lợi y tế (☎129)

## 수원새빛돌봄(누구나) 사업

Dịch vụ chăm sóc Sae-Bit TP Suwon (dành cho bất cứ ai)

✔ **사업대상:** 돌봄이 필요한 수원시민(실거주자, 외국인 포함)

Đối tượng: Công dân cư trú thực tế tại TP Suwon cần được chăm sóc (bao gồm người nước ngoài)

✔ **지원대상:** 중위소득 120% 이하, 국가유공자

Điều kiện: Những người có thu nhập trung bình 120% trở xuống, những người có công với quốc gia

※ 관내 체류지 신고가 된 「긴급복지지원법 시행령」에 근거한 외국인 (반려동물 일시보호는 외국인 미지원[수원시 조례])

※ Người nước ngoài đã khai báo nơi lưu trú trong phạm vi thẩm quyền theo “Nghị định thi hành Luật hỗ trợ phúc lợi khẩn cấp”  
(Dịch vụ chăm sóc tạm thời cho thú cưng không áp dụng cho người nước ngoài (theo quy định của thành phố Suwon))

✔ **지원내용:** 연 150만원 이내 서비스 제공, 8대 서비스 중 선택

(생활돌봄, 동행돌봄, 주거안전, 식사지원, 일시보호, 재활돌봄, 심리상담, 방문의료)

**Chi tiết hỗ trợ:** Chọn 1 trong 8 dịch vụ, trợ cấp trong 1,5 triệu won mỗi năm

(Chăm sóc tại nhà, chăm sóc đồng hành, an toàn nơi ở, hỗ trợ bữa ăn, bảo vệ tạm thời, chăm sóc phục hồi chức năng, tư vấn tâm lý, dịch vụ y tế thăm khám tại nhà)

✔ **신청:** 동 행정복지센터, “새빛톡톡” 모바일앱

Đăng ký: Ủy ban nhân dân phường, ứng dụng di động “Sae-Bit Talk Talk”

✔ **문의처** Liên hệ

○ 수원시 돌봄정책과 Phòng Chính sách chăm sóc TP Suwon (☎031-5191-2742)

○ 수원시 휴먼콜센터 Tổng đài Human TP Suwon (☎1899-3300)



## 외국인 건강보험 당연 가입 안내

Hướng dẫn đăng ký bảo hiểm y tế bắt buộc dành cho người nước ngoài

### 지역건강보험 당연가입 요건

Điều kiện đăng ký bảo hiểm bắt buộc khu vực

가입대상: 재외국민, 외국국적동포, 외국인

Đối tượng đăng ký: Người nước ngoài tại Hàn Quốc, kiều bào quốc tịch nước ngoài

### 외국인가입 지역 시 체류자격코드 Visa người nước ngoài thuộc đối tượng đăng ký

D-1	문화예술 Văn hóa nghệ thuật	E-1	교수 Giáo sư	F-1	방문동거 Thăm viếng người thân	H-1	관광취업 Lao động du lịch
D-2	유학 Du học	E-2	회화지도 Giảng viên ngoại ngữ	F-2	거주 Định cư	H-2	방문취업 Lao động nghề nghiệp
D-3	기술연수 Đào tạo kỹ thuật	E-3	연구 Nghiên cứu	F-3	동반 Bảo lãnh	G-1(일부) (phần nhỏ)	기타 Visa khác
D-4	일반연수 Đào tạo ngôn ngữ	E-4	기술지도 Hỗ trợ kỹ thuật	F-4	재외동포 Kiều bào		
D-5	취재 Phóng viên	E-5	파견직원 Chuyên gia	F-5(5E)	영주권 Định cư/vĩnh viễn		
D-6	종교 Truyền giáo	E-6	예술공연 Nghệ thuật, giải trí	F-6	결혼이민 Kết hôn di trú		
D-7	파견원 Hợp tác đầu tư	E-7	특정활동 Kỹ sư chuyên ngành				
D-8	기업투자 Hợp tác đầu tư						
D-9	무역경영 Hợp tác thương mại	E-9	비전문취업 Lao động phổ thông				
D-10	구직 Tìm việc	E-10	선원취업 Lao động trên tàu thuyền				

- G-1(기타)는 G-1-6(인도적체류허가자), G-1-12(인도적체류허가자의가족)만 적용대상

G-1(Visa khác) là G-1-6(người được cấp giấy phép lưu trú nhân đạo), G-1-12 chỉ áp dụng cho(thành viên gia đình của người có giấy phép lưu trú nhân đạo)

### 가입시기: 대한민국에 6개월 이상 체류

Thời gian đăng ký: Cư trú tại Hàn Quốc trên 6 tháng

6개월 동안 출국 기간의 합이 30일 이하인 경우에는 계속 국내에 체류한 것으로 간주

Trường hợp trong 6 tháng cư trú mà thời gian xuất cảnh dưới 30 ngày thì được xem là liên tục cư trú ở Hàn Quốc

1회 1개월 초과하여 출국하는 경우에는 재입국일로부터 6개월 이상 체류해야 가입 가능

Trường hợp xuất cảnh trên 1 lần và cư trú hơn 1 tháng, có thể đăng ký sau 6 tháng kể từ ngày tái nhập cảnh

- 6개월 기간 중 2회 이상 출국하여 통산 30일을 초과하는 경우에는 최초입국일의 다음 달부터 매달 1일마다 6개월 체류기간을 기산함

Trường hợp xuất cảnh trên 2 lần trong 6 tháng và tổng thời gian lưu trú vượt quá 30 ngày, thời gian lưu trú 6 tháng được tính vào ngày 1 hàng tháng bắt đầu từ tháng sau ngày nhập cảnh đầu tiên.

- 예외) 국내 입국 후 즉시 가입 대상 : 유학(D-2), 초중고생(D-4-3), 비전문취업(E-9), 결혼이민(F-6), 영주(F-5)(다만, 외국인등록 이후 가입 가능)

Ngoại trừ) đối tượng có thể đăng ký ngay sau khi nhập cảnh : Visa du học(D-2), visa học sinh từ tiểu học-trung học phổ thông(D-4-3), visa lao động phổ thông(E-9), visa kết hôn di trú(F-6), visa định cư(F-5) (lưu ý: có thể đăng ký sau khi đăng ký thẻ chứng minh người nước ngoài)

- 한국 출생 신생아 취득: 부 또는 모가 출생일 당시 지역가입자인 경우 출생한 날, 부 또는 모의 지역가입자 취득일자가 출생일보다 늦을 경우 신생아의 외국인등록일로 취득

Đăng ký cho trẻ sơ sinh tại Hàn Quốc: Trường hợp Ba hoặc Mẹ đã đăng ký bảo hiểm trước khi sinh con, thì trẻ cũng được tính bảo hiểm từ ngày sinh, nếu đăng ký trễ hơn ngày sinh con thì tính từ ngày ra chứng minh người nước ngoài của trẻ

✔ **피부양자 가입요건 변경(2024. 4. 3. 이후)**

Thay đổi điều kiện đăng ký dành cho người được hưởng bảo hiểm(Sau ngày 3. 4. 2024)

○ **2024. 4. 3.이후 입국 후 6개월 이상 국내 거주할 경우, 외국인 및 재외국민 피부양자 자격 취득 가능**

Người nước ngoài hoặc người dân cư trú nước ngoài được tư cách hưởng bảo hiểm với trường hợp nhập cảnh sau ngày 3. 4. 2024 và cư trú trên 6 tháng

\*예외) 아래에 해당하는 경우 입국 즉시 취득

※ Ngoại trừ) đối tượng có thể đăng ký ngay sau khi nhập cảnh

배우자 Vợ hoặc chồng	19세 미만 자녀 Trẻ em dưới 19 tuổi	유학(D-2), 일반연수 초.중고생(D-4-3), 비전문취업(E-9), 영주(F-5), 결혼이민(F-6) Visa du học(D-2), visa học sinh từ tiểu học~trung học phổ thông(D-4-3), visa lao động phổ thông(E-9), visa định cư(F-5), visa kết hôn di trú(F-6)
----------------------	----------------------------------	---

✔ **가족 인정 및 서류제출 기준** Tiêu chuẩn nộp hồ sơ và công nhận hộ gia đình

○ **동일세대 인정기준** Tiêu chuẩn công nhận cùng hộ gia đình

- 국내 체류지(거소지)가 동일한 배우자 및 미성년자 자녀(만 19세 미만)  
Vợ/chồng và con chưa thành niên(dưới 19 tuổi) cùng nơi cư trú (nơi ở) tại Hàn Quốc

○ **가족관계 서류 제출기준** Tiêu chuẩn nộp hồ sơ chứng nhận quan hệ gia đình



- 번역공증은 대한민국에서도 가능하며, 국적국에서 번역 공증받은 경우에는 번역본도 외교부 또는 아포스티유 확인 필요  
Có thể dịch thuật công chứng tại Hàn Quốc, trường hợp dịch thuật công chứng tại bốn quốc thì văn bản dịch cần phải được xác nhận của bộ ngoại giao hoặc xác nhận của Apostille

✔ **가족관계 서류 유효기간** Thời hạn hiệu lực của hồ sơ xác nhận quan hệ gia đình

○ **국내 서류**: 서류 발급일로부터 3개월

Hồ sơ tại Hàn Quốc : 3 tháng kể từ ngày cấp

○ **국적국 서류**: 서류 발급일 또는 외교부(아포스티유) 확인일로부터 9개월

Hồ sơ tại bốn quốc:

9 tháng kể từ ngày cấp hoặc ngày xác nhận của bộ ngoại giao(Apostille)

\* 단, 혈연관계의 경우 유효기간 상관없이 가능

※ Nhưng, trường hợp giấy tờ quan hệ huyết thống thì không liên quan đến thời hạn

✔ **전자고지·자동이체 및 환급 사전 계좌 신청: 전화, 홈페이지, 센터, 지사에서 신청**

Đăng ký số tài khoản nhận tiền hoàn trả, giấy báo điện tử·chuyển khoản tự động: đăng ký qua điện thoại, trang web, trung tâm, chi nhánh bảo hiểm

○ **우편 대신 이메일 고지서 또는 모바일 고지서 신청 가능**

Có thể đăng ký giấy thông báo qua điện thoại hoặc email thay thư bưu điện

○ **자동이체 신청으로 편리한 납부·환급 사전 계좌 등록으로 빠른 지급**

Được chi trả nhanh hơn và tiện lợi hơn khi đăng ký chuyển khoản tự động khi đóng phí · số tài khoản nhận hoàn tiền trước

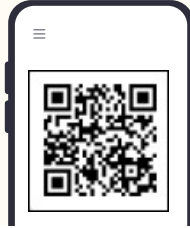
**전자고지 신청 가능**

Tải ứng dụng sau để đăng ký giấy báo điện tử

**"The건강보험 APP"**

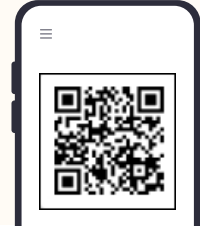
**아이폰 [IOS]**

Mã số của iPhone [IOS]



**안드로이드**

Android



✔ **문의** Liên hệ

○ **국민건강보험공단 고객센터: (☎1577-1000) ... 전화 후 "6"번 누르면, 외국어 서비스 가능**

Trung tâm khách hàng tổng công ty bảo hiểm y tế quốc dân : 1577-1000 nếu nhấn phím số 6 có thể nhận dịch vụ tư vấn tiếng nước ngoài

○ **외국인 전담 상담번호** Số dt tư vấn dành cho người nước ngoài (☎033-811-2000)

▶▶ **국민건강보험공단 외국인 민원센터(수원) 안내**

Trung tâm tiếp dân, người nước ngoài của công ty Bảo hiểm quốc dân (Suwon)

✔ **외국인 밀집 지역인 수원(수원, 용인, 화성, 오산, 성남 관할)에 외국인 민원센터를 운영하며 외국인 건강보험 자격 취득·변경 업무 처리**

Điều hành trung tâm tiếp dân người nước ngoài ở những khu vực đông người nước ngoài cư trú(thuộc Suwon, Yongin, Hwaseong, Osan) để xử lý việc thay đổi·tư cách tham gia bảo hiểm y tế của người nước ngoài

✔ **이용대상** Đối tượng sử dụng

○ **지역가입자:** 외국인 등록증 상 주소지가 수원, 용인, 화성, 오산, 성남인 외국인 및 재외국민

Người đăng ký trực thuộc khu vực:

Người nước ngoài hoặc người nước ngoài gốc Hàn đăng ký cư trú tại Suwon, Yongin, Hwaseong, Osan, Seongnam

○ **직장가입자:** 사업장 소재지가 위 지역인 외국인 및 재외국민 직장가입자

Người đăng ký tại nơi làm việc : Doanh nghiệp đăng ký bảo hiểm cho người nước ngoài hoặc người gốc Hàn thuộc khu vực trên

○ **위치:** 경기도 수원시 팔달구 효원로 119, 1층(매교동) (지하철: 수인·분당선 매교역 5번 출구)

Vị trí:

119, Hyowon-ro, Paldal-gu, Suwon City, Gyeonggi-do(Maeyo-dong, Cheonggung building tầng 1) (tàu điện ngầm: cửa số 5 đường tàu Suin·Bundang, ga Meagy)

## 아이사랑 보육 포털 Cổng thông tin điện tử chăm sóc trẻ em

임신 · 출산 · 육아 전문가로 이루어진 상담위원이 각 분야에 대해 상담 진행하는 안내 포털입니다.

Đây là cổng thông tin hướng dẫn, nơi các cố vấn gồm các chuyên gia về thai kỳ, sinh nở và chăm sóc trẻ em cung cấp tư vấn về từng lĩnh vực.

### 문의 Liên hệ

- 아이사랑 헬프데스크 (☎1566-3232(단축번호 1번))  
Tổng đài hỗ trợ chăm sóc trẻ em (☎1566-3232(extension no. 1))
- 임신·출산·육아 상담 (☎1644-7373)  
Tư vấn về mang thai, sinh con, chăm sóc trẻ (☎1644-7373)
- 홈페이지 : <https://www.childcare.go.kr>  
Website : <https://www.childcare.go.kr>

## 외국인 자녀 보육료 지원 Hỗ trợ học phí cho trẻ em con người nước ngoài

외국인 자녀의 보육료를 일부 지원함으로써 외국인의 보육 기회 제공, 외국인 가정의 경제적 부담을 경감 하고자 합니다.

Tạo điều kiện cho người nước ngoài nuôi dạy con, bằng cách hỗ trợ học phí cho trẻ em con người nước ngoài, nhằm giảm gánh nặng tài chính cho các gia đình nước ngoài

- ✓ 지원대상: 경기도 내 어린이집에 다니는 외국인 자녀(도내 거주 90일 이상, 체류 기간 만료 이전)  
Đối tượng hỗ trợ: Trẻ em người nước ngoài đang theo học tại các nhà trẻ trong tỉnh Gyeonggi (Phải còn thời hạn lưu trú và cư trú trong tỉnh trên 90 ngày)
- ✓ 신청기간: 연중  
Thời hạn đăng ký Trong năm
- ✓ 사업내용 Nội dung hỗ trợ
  - 외국인 자녀 1인당 월 15만원 보육료 지원  
Mỗi trẻ em con người nước ngoài 150 nghìn won/ tháng – có thể thay đổi
  - 변동 가능성 있음(국민행복카드 결제 시 바우처 지원)  
có thể thay đổi (Chỉ hỗ trợ khi thanh toán bằng thẻ hạnh phúc quốc dân)
- ✓ 문의: 수원시 가족정책과 (☎ 031-5191-3214)  
Liên hệ: Phòng chính sách gia đình thành phố Suwon (☎031-5191-3214)

## 아이돌봄 지원 사업 Chương trình hỗ trợ trông trẻ

**담당부서:** Bộ phận phụ trách

**장안구 가정복지과:** Quận Jangan Phòng Phúc lợi Gia đình (☎031-5191-5228)

**권선구 가정복지과:** Quận Gwonseon Phòng Phúc lợi Gia đình (☎031-5191-6429)

**팔달구 가정복지과:** Quận Paldal Phòng Phúc lợi Gia đình (☎031-5191-7227)

**영통구 가정복지과:** Quận Yeongtong Phòng Phúc lợi Gia đình (☎031-5191-8339)

✓ **지원대상:** 부모의 맞벌이 등의 사유로 양육공백이 발생한 가정의 12세 이하 아동

**Đối tượng hỗ trợ:** Trẻ em dưới 12 tuổi thuộc gia đình thiếu người trông trẻ vì lý do bố mẹ cùng đi làm, v.v.

✓ **신청기간:** 연중

**Thời gian nộp hồ sơ:** Quanh năm

✓ **사업내용** Nội dung và quy trình thực hiện



- 가구의 소득에 따라 서비스 유형별 정부지원 범위상이, 양육공백 미발생시 자부담

Mức hỗ trợ của Chính phủ khác nhau tùy theo thu nhập của hộ gia đình, Trường hợp không thiếu người trông trẻ, gia đình phải tự chi trả

- 영아종일제: 생후 3개월 ~ 36개월 이하 영아 (1회 3시간 이상 신청 원칙)

Chăm sóc cả ngày cho trẻ sơ sinh : Trẻ từ 3 tháng đến dưới 36 tháng tuổi (mỗi lần đăng ký tối thiểu 3 giờ)

- 시간제돌봄: 생후 3개월 ~ 12세 아동 (1회 2시간 사용 원칙)

Chăm sóc theo giờ : Trẻ từ 3 tháng đến 12 tuổi (mỗi lần sử dụng tối thiểu 2 giờ)

\* 기본형 : 12,790원 (시간/인), 종합형 : 16,620원 (시간/인)

\* Loại cơ bản : 12.790 won/giờ/trẻ, Loại tổng hợp : 16.620 won/giờ/trẻ

## ▶▶ 결식아동급식 지원 사업 Chương trình hỗ trợ bữa ăn cho trẻ em có nguy cơ thiếu ăn

저소득가정의 아동들이 건강하게 자랄 수 있도록 급식지원을 통해 결식 예방 및 영양개선

Nhằm giúp trẻ em thuộc các gia đình thu nhập thấp phát triển khỏe mạnh thông qua việc hỗ trợ bữa ăn, phòng ngừa tình trạng thiếu ăn và cải thiện dinh dưỡng.

### ✔ 지원대상 : 저소득층에 해당하는 아동 중에서 결식우려가 있는 아동

Đối tượng hỗ trợ : Trẻ em thuộc hộ gia đình thu nhập thấp, có nguy cơ bị thiếu ăn

- 결식우려 : 보호자가 근로, 질병·장애 등의 사유로 주식과 부식을 준비하기 어렵거나, 주·부식을 준비하는 경우에도 아동 스스로 식사를 차려 먹기 어려운 경우

- Nguy cơ thiếu ăn : Trường hợp người bảo hộ khó chuẩn bị bữa ăn chính và phụ cho trẻ với lý do làm việc, bệnh tật, khuyết tật, hoặc dù có chuẩn bị thức ăn nhưng trẻ không thể tự mình dọn ra ăn.

- 아동 : 18세 미만의 취학 및 미취학 아동(단, 18세 이상인 경우 (초·중·고) 재학중인 아동 포함)

- Trẻ em : Trẻ dưới 18 tuổi đang đi học hoặc chưa đi học (bao gồm cả trường hợp từ 18 tuổi trở lên nhưng vẫn đang theo học tiểu học, trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông)

### ✔ 자격기준 : 동 행정복지센터 방문 상담

Tiêu chuẩn đủ điều kiện : Ủy ban phường/xã

### ✔ 지원기간 : 연중

Thời gian hỗ trợ : Quanh năm

### ✔ 사업내용 : 조식, 석식, 토 · 공휴일 및 방학 중 중식 지원

Nội dung hỗ trợ : Hỗ trợ bữa sáng, bữa tối, bữa trưa vào cuối tuần, ngày lễ và trong kỳ nghỉ học

### ✔ 담당부서 : 수원시 아동돌봄과 ☎031-5191-2358

Đơn vị phụ trách : Phòng Chăm sóc Trẻ em, Thành phố Suwon

## ▶▶ 경기도 등록외국인 거주아동 초등학교 입학 안내

Hướng dẫn nhập học tiểu học dành cho trẻ em cư trú là người nước ngoài đã đăng ký tại tỉnh Gyeonggi

등록외국인 아동의 가정에 초등학교에 입학할 수 있는 안내를 통해 외국인 아동의 적령기에 교육권 보장 및 사회적 고립 방지

Thông qua việc cung cấp thông tin nhập học tiểu học cho các gia đình có trẻ em là người nước ngoài đã đăng ký cư trú, chương trình nhằm bảo đảm quyền được học tập của trẻ em nước ngoài trong độ tuổi đi học và ngăn ngừa tình trạng bị cô lập trong xã hội.

### ✔ 지원대상 : 수원시 내 초등학교 입학 연령에 도래한 등록 외국인 아동

Đối tượng hỗ trợ : Trẻ em là người nước ngoài đã đăng ký cư trú, đến độ tuổi nhập học tiểu học tại thành phố Suwon

### ✔ 안내기간 : 매년 12월(예정)

Thời gian : Dự kiến vào tháng 12 hằng năm

✔ **사업내용 Nội dung chương trình**

- 초등학교 입학 연령에 도래한 등록외국인 아동 가정에 취학안내문 발송(법무부 회신 자료)
- Gửi thông báo hướng dẫn nhập học đến các gia đình có trẻ em nước ngoài đã đăng ký cư trú đến độ tuổi nhập học tiểu học (dựa trên dữ liệu phản hồi từ Bộ Tư pháp)
- 학구도안내서비스 홈페이지 : <https://schoolzone.emac.kr>
- Trang web dịch vụ hướng dẫn khu vực trường học: <https://schoolzone.emac.kr>

✔ **문의 : 수원시 이주민정책과 ☎ 031-5191-2708**

Liên hệ : Phòng Chính sách Người nhập cư TP. Suwon

## ▶▶ 육아지원종합센터 Trung tâm Hỗ trợ Tổng hợp Nuôi dạy Trẻ em

수원시 육아종합지원센터는 신뢰받는 보육, 함께하는 육아복지 실현을 위해 수원시가 설립하고 영유아를 둔 부모와 어린이집 지원을 위하여 다양한 보육 및 육아서비스를 제공하는 지역사회 내 보육 및 육아지원 전문기관입니다.

Trung tâm Hỗ trợ Tổng hợp Nuôi dạy Trẻ em là một tổ chức thực hiện dự án phúc lợi và hỗ trợ chăm sóc trẻ em chuyên biệt đáng tin cậy trong cộng đồng địa phương, được thành phố Suwon thành lập để hỗ trợ các bậc phụ huynh có con nhỏ và hỗ trợ cho các nhà trẻ thuận lợi cung cấp các dịch vụ trông trẻ đa dạng.

### ✔ 장난감도서관 안내 Hướng dẫn thư viện đồ chơi

- 대상: 수원시에 거주하는 취학 전 영유아가정

Đối tượng: Gia đình có trẻ chưa đến tuổi vào tiểu học

- 모집기간: 매월 1일 ~ 7일 \* 이용기간: 신청 익월 ~ 1년간

Thời hạn đăng ký: Từ ngày 1~ ngày 7 hàng tháng \* Thời hạn sử dụng: Từ tháng đăng ký ~ 1 năm

- 신청방법: 육아종합지원센터, 수원시동부육아종합지원센터 홈페이지 신청

Cách đăng ký: Đăng ký tại trang web Trung tâm hỗ trợ chăm sóc trẻ em phía đông và Trung tâm hỗ trợ chăm sóc trẻ em

- 연회비: 10,000원

Phí thường niên: 10,000won

- 사업내용: 장난감, 도서 대여

Nội dung hỗ trợ: Cho thuê đồ chơi và sách

### ✔ 문의 Liên hệ

- 육아종합지원센터([www.suwonscc.or.kr](http://www.suwonscc.or.kr)) (☎ 031-255-5682)

Trung tâm hỗ trợ chăm sóc trẻ em ([www.suwonscc.or.kr](http://www.suwonscc.or.kr)) (☎031-255-5682)

- 수원시동부육아종합지원센터([www.swescc.or.kr](http://www.swescc.or.kr)) (☎ 031-273-6690)

Trung tâm hỗ trợ chăm sóc trẻ em phía đông thành phố Suwon ☎ 031-273-6690

- 수원시 가족정책과 (☎ 031-5191-2872)

Phòng chính sách gia đình thành phố Suwon (☎031-5191-2872)

- 홈페이지: <https://www.swchildcare.or.kr>

Website : <https://www.swchildcare.or.kr>



## 아이와 함께 이모저모

Những thứ lặt vặt của trẻ em

### 수원시도서관 이용 안내 Hướng dẫn sử dụng thư viện TP.Suwon

#### 이용시간 Thời gian sử dụng

도서관명 <small>Tên thư viện</small>	구분 <small>Phân loại</small>	이용시간 <small>Giờ sử dụng</small>		
		평일 <small>Ngày thường</small>	토·일요일 <small>Thứ 7, chủ nhật</small>	
선경 Sunkyung 중앙 Jungang 서수원 Seo-suwon 북수원 Buk-Suwon 광고홍재 Gwanggyo Hongjae 영통 Yeongtong 태장마루 Taejang Maru	일반 열람실 <small>Phòng đọc chung</small>	07:00 ~ 23:00		
	자료실 <small>Phòng tài liệu</small>	종합자료실 <small>Phòng tài liệu tổng hợp</small>	09:00 ~ 22:00	09:00 ~ 18:00
		어린이자료실 <small>Phòng tài liệu thiếu nhi</small>	09:00 ~ 18:00	
대추골 Daechugol 한림 Hanlim 창룡 Changyoung 버드내 Buk-Suwon 일월 Irwol 화서다산 Hwaseo Dasan 광교푸른숲 Gwanggyo Pureunsup 망포글빛 Mangpo Geulbit	자료실 <small>Phòng tài liệu</small>	종합자료실 <small>Phòng tài liệu tổng hợp</small>	09:00 ~ 22:00	09:00 ~ 18:00
		개인학습자 이용 <small>Khu vực dành cho người học cá nhân</small>		개인학습자 이용 <small>Khu vực dành cho người học cá nhân</small>
	어린이자료실 <small>Phòng tài liệu thiếu nhi</small>	09:00 ~ 18:00		
호매실 Homaesil 매여울 Maeyeonwool	자료실 <small>Phòng tài liệu</small>	종합자료실 <small>Phòng tài liệu tổng hợp</small>	09:00 ~ 22:00	09:00 ~ 18:00
		어린이자료실 <small>Phòng tài liệu thiếu nh</small>	09:00 ~ 22:00	
	정기간행물실 <small>Phòng báo và tạp chí</small>	07:00 ~ 23:00	07:00 ~ 21:00	

○ 휴관일 Ngày thư viện nghỉ

구 분 Thành phần	도서관명 Tên thư viện	휴관일 Ngày nghỉ định kỳ
공공도서관 Thư viện công cộng	선경, 화서다산, 호매실, 버드내, 복수원, 광고홍재, 망포글빛 Thư viện Seonkyeong, Hwaseo Dasan, Homaesil, Beonae, Buxsuwon, Gwanggyo Hongjae, Yeongtong, Mangpogeulbit	매주 월요일 및 법정공휴일 Chủ nhật hàng tuần và ngày lễ
	중앙, 창릉, 서수원, 한림, 대추골, 일월, 태장마루, 광고푸른숲, 매여울 Thư viện Jungang, Changryong, Seosuwon, Hallim, Daechugol, Ilwol, Taejangmaru, Rừng xanh Gwanggyo, Maeyeoul	매주 금요일 및 법정공휴일 Thứ 6 hàng tuần và ngày lễ
어린이도서관 Thư viện thiếu nhi	슬기샘·지혜샘·바른샘어린이도서관 Thư viện thiếu nhi Đứng dẫn·Trí tuệ·Thông minh	매주 월요일 및 법정공휴일 Chủ nhật hàng tuần và ngày lễ

※ 영통도서관 : 휴관 (2027년 상반기까지)

※ Thư viện Yeongtong : Đóng cửa (đến đầu năm 2027)

※ 도서대출 : 회원 1인당 7권, 대출기간 14일(1회에 한하여 7일간 반납기한 연장 가능)

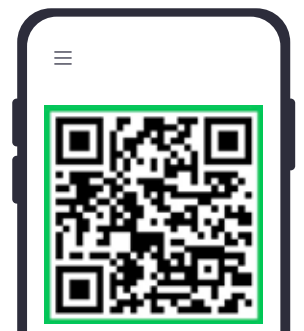
※ Giới hạn thuê sách : Mỗi thành viên 7 cuốn, tối đa 14 ngày (Chỉ gia hạn thêm khi trả sách sau 7 ngày trong 1 lần)

○ 문의 : 수원시 도서관정책과 (☎031-5191-1214)

Liên hệ : Phòng chính sách thư viện thành phố Suwon(☎031-5191-1214)

○ 홈페이지 : <https://www.suwonlib.go.kr/>

Trang web: <https://www.suwonlib.go.kr/>



수원시립미술관/전시관 안내 Hướng dẫn tham quan phòng triển lãm/bảo tàng mỹ thuật TP.Suwwon

공공기관 cơ quan công cộng	운영 시간 Thời gian làm việc	관람료 phí tham quan	휴관일 Ngày nghỉ định kỳ
수원시립미술관 Bảo tàng Mỹ thuật TP Suwon	하절기 Summer Season 10:00 ~ 19:00 Mùa hè 10:00 ~ 19:00 (Tháng 3 - Tháng 10)	일반 4,000원 Người lớn 4,000won 청소년, 군인 2,000원 Thanh niên, Quân nhân	매주 월요일 Thứ 2 hàng tuần
	동절기 Winter Season 10:00 ~ 18:00 Mùa đông 10:00 ~ 18:00 (Tháng 11 - Tháng 2)	어린이 1,000원 Trẻ em 1,000won	
수원시립아트스페이스 광고 Tòa trưng bày Mỹ thuật khu vực Gwanggyo TP Suwon	10:00 ~ 18:00	무료 Miễn phí	
수원시립만석전시관 Trung tâm triển lãm Manseok TP Suwon	10:00 ~ 18:00		
수원시립북수원전시관 Trung tâm triển lãm Bắc Suwon TP Suwon	10:00 ~ 18:00		

※ 관람시간 1시간 전까지 입장이 가능합니다.

※ Có thể vào trước giờ tham quan 1 tiếng

문의 : 수원시 학예전시과 (☎ 031-5191-3800)

Liên hệ : Phòng triển lãm nghệ thuật TP Suwon(☎ 031-5191-3800)



## 수원시 보건소 소개

Giới thiệu Trung tâm Y tế thành phố Suwon

수원시 보건소는 의료 취약계층을 위한 방문보건사업을 통해 기본적인 의료서비스를 제공하고, 외국인주민을 포함한 모든 시민의 건강증진을 위해 보건의료 정보 제공과 모자·영유아 건강관리, 구강·정신·재활보건, 의·약무 관리 등 다양한 공공보건 서비스를 수행하는 공공 보건의료기관입니다.

Trung tâm Y tế thành phố Suwon là cơ sở y tế công lập, Cung cấp dịch vụ y tế cơ bản thông qua dự án chăm sóc sức khỏe tại nhà cho các tầng lớp gặp khó khăn về y tế, trung tâm cũng phục vụ người nước ngoài và toàn thể người dân với các dịch vụ như: cung cấp thông tin y tế - quản lý sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh, Y tế răng miệng · sức khỏe tâm thần · phục hồi chức năng, quản lý y · dược và các dịch vụ y tế công cộng khác

☑ **홈페이지 :** <https://health.suwon.go.kr/> **Trang web :** <https://health.suwon.go.kr/>

문의: Liên hệ

**수원시 장안구보건소:** Trung tâm Y tế Quận Jangan (☎031-5191-0119)

**수원시 권선구보건소:** Trung tâm Y tế Quận Gwonseon (☎031-5191-0318)

**수원시 팔달구보건소:** Trung tâm Y tế Quận Paldal (☎031-5191-0518)

**수원시 영통구보건소:** Trung tâm Y tế Quận Yeongtong (☎031-5191-0718)

## 수원시정신건강복지센터

Trung tâm Phúc lợi Sức khỏe Tâm thần thành phố Suwon

생애주기별로 아동, 성인, 노인분야 뿐 아니라 자살예방, 중독관리, 행복증진을 위한 특화된 정신건강복지센터를 운영

Thành phố Suwon vận hành các trung tâm phúc lợi sức khỏe tâm thần chuyên biệt không chỉ theo từng giai đoạn cuộc đời như trẻ em, người trưởng thành, người cao tuổi mà còn bao gồm phòng ngừa tự tử, quản lý nghiện và nâng cao hạnh phúc tinh thần.

☑ **정신건강관련센터 홈페이지:** 생애주기별 기초정신건강복지센터(<http://www.suwonmental.org/>)

**Trung tâm Phúc lợi Sức khỏe Tâm thần Cơ bản theo giai đoạn cuộc đời**  
(<http://www.suwonmental.org/>)

**자살예방센터**(<http://www.csp.or.kr/>) **Suicide Prevention Center**

**Trung tâm Phòng ngừa Tự tử:** <http://www.csp.or.kr/>

**중독관리통합지원센터**(<http://www.kosacc.or.kr/>)

**Trung tâm Hỗ trợ Tổng hợp Quản lý Nghiện:** <http://www.kosacc.or.kr/>

☑ **디지털 정신건강 플랫폼 앱 마로 :** 전문가가 직접 설계한 맞춤형 알고리즘 처방, 정신건강관리 습관형성 등을 통해 지속적으로 관심과 관리가 이루어질 수 있도록 서비스를 제공

**Ứng dụng nền tảng sức khỏe tâm thần kỹ thuật số “Maro”:**

Cung cấp dịch vụ quản lý sức khỏe tâm thần liên tục thông qua thuật toán cá nhân hóa do chuyên gia trực tiếp thiết kế, giúp hình thành thói quen chăm sóc sức khỏe tâm thần và duy trì sự quan tâm, quản lý lâu dài.

문의 Liên hệ:

**수원시행복정신건강복지센터 :** Trung tâm Phúc lợi Sức khỏe Tâm thần Hạnh phúc thành phố Suwon (☎031-253-5737)

**수원시아동청소년정신건강복지센터 :** Trung tâm Phúc lợi Sức khỏe Tâm thần Trẻ em & Thanh thiếu niên thành phố Suwon(☎031-242-5737)

**수원시성인정신건강복지센터 :** Trung tâm Phúc lợi Sức khỏe Tâm thần Người trưởng thành thành phố Suwon (☎031-247-0888)

**수원시노인정신건강복지센터 :** Trung tâm Phúc lợi Sức khỏe Tâm thần Người cao tuổi thành phố Suwon (☎031-273-7511)

**수원시자살예방센터 :** Trung tâm Phòng ngừa Tự tử thành phố Suwon (☎031-247-3279)

**수원시 중독관리통합지원센터 :** Trung tâm Hỗ trợ Tổng hợp Quản lý Nghiện thành phố Suwon (☎31-256-9478)

## ▶▶ 어린이 국가예방접종 지원사업 Chương trình tiêm chủng quốc gia cho trẻ em

**담당부서:** Bộ phận phụ trách

**장안구보건소 감염병관리과:** Trung tâm Y tế Quận Jangan Phòng Quản lý Bệnh truyền nhiễm (☎031-5191-0175)

**권선구보건소 보건행정과:** Trung tâm Y tế Quận Gwonseon Phòng Hành chính Y tế (☎031-5191-0369)

**팔달구보건소 보건행정과:** Trung tâm Y tế Quận Paldal Phòng Hành chính Y tế (☎031-5191-0569)

**영통구보건소 보건행정과:** Trung tâm Y tế Quận Yeongtong Phòng Hành chính Y tế (☎031-5191-0769)

### ✔ 지원대상 : 12세 이하 어린이(2013년 1월 1일 이후 출생자)

Đối tượng hỗ trợ: Trẻ em dưới 12 tuổi (sinh từ 01/01/2013 trở đi)

### ✔ 신청기간 : 연중(인플루엔자 매년 9월 이후)

Thời gian đăng ký: Quanh năm(Tiêm phòng cúm: từ tháng 9 hằng năm)

### ✔ 사업내용 : 국가예방접종의 접종비용(백신비 및 시행비) 전액 지원

Nội dung hỗ trợ: Miễn phí toàn bộ chi phí tiêm chủng quốc gia(bao gồm giá vắc-xin và chi phí tiêm)

## ▶▶ HPV 국가예방접종 지원사업 Chương trình hỗ trợ tiêm chủng quốc gia HPV

**담당부서:** Bộ phận phụ trách

**장안구보건소 감염병관리과:** Trung tâm Y tế Quận Jangan Phòng Quản lý Bệnh truyền nhiễm (☎031-5191-0175)

**권선구보건소 보건행정과:** Trung tâm Y tế Quận Gwonseon Phòng Hành chính Y tế (☎031-5191-0369)

**팔달구보건소 보건행정과:** Trung tâm Y tế Quận Paldal Phòng Hành chính Y tế(☎031-5191-0569)

**영통구보건소 보건행정과:** Trung tâm Y tế Quận Yeongtong Phòng Hành chính Y tế (☎031-5191-0770)

### ✔ 지원대상 : 12~17세 여성(2008. 1. 1. ~ 2014. 12. 31. 출생자)

18~26세 저소득층\* 여성(1999. 1. 1. ~ 2007. 12. 31. 출생자)

\*「국민기초생활보장법」상 기초생활보장수급자 및 차상위계층

Đối tượng: Nữ từ 12 đến 17 tuổi (sinh từ 01/01/2008 đến 31/12/2014)

Nữ \*từ 18 đến 26 tuổi thuộc hộ gia đình thu nhập thấp(sinh từ 01/01/1999 đến 31/12/2007)

Nữ \*từ 18 đến 26 tuổi thuộc hộ gia đình thu nhập thấp(sinh từ 01/01/1999 đến 31/12/2007)

\* Theo “Luật Bảo đảm mức sống tối thiểu quốc gia”, bao gồm người đang hưởng trợ cấp sinh hoạt cơ bản và đối tượng cận nghèo.

### ✔ 신청기간 : 연중 **Thời gian đăng ký :** Quanh năm

✔ 사업내용

구분 Phân loại	첫접종나이 Độ tuổi tiêm lần đầu	접종횟수 Số lần tiêm	접종일정 Khoảng cách tiêm	백신종류 Loại vắc-xin
HPV 예방접종 HPV Tiêm phòng HPV	12~14세 12~14 tuổi	2회 2 lần	0, 6~12개월 0, 6~12 tháng	HPV4
	15~26세 15~26 tuổi	3회 3 lần	0, 2, 6개월 0, 2, 6 tháng	
건강상담 Tư vấn sức khỏe	12세 여성 청소년(2013. 1. 1. ~ 2014. 12. 31. 출생자) Nữ thanh thiếu niên 12 tuổi (sinh từ 01/01/2013 đến 31/12/2014)			

## ▶▶ 지역 주민 영양관리 사업[영양플러스 사업]

Chương trình quản lý dinh dưỡng cho người dân địa phương

✔ 신청기간: 연중 **Thời gian đăng ký : Quanh năm**

✔ 지원대상 (\*아래의 조건을 모두 만족하는 자)

대상자: 대상자 지원 대상자 (\* Phải đáp ứng tất cả các điều kiện dưới đây)

- 거주기준: 수원시 해당구 거주 **Điều kiện cư trú:** Cư trú tại quận thuộc thành phố Suwon

- 대상기준: 영유아(신청 시 65개월 이하), 임신부, 출산·수유부

**Điều kiện đối tượng:** Trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ (dưới 65 tháng tuổi tại thời điểm đăng ký) Phụ nữ mang thai, Phụ nữ sau sinh và đang cho con bú

- 영양위험요인: 빈혈, 저체중, 성장부진, 영양섭취상태, 유아비만 등(한 가지 이상의 영양 위험요인 보유자)

**Yếu tố nguy cơ về dinh dưỡng:** Thiếu máu, Nhẹ cân, Chậm phát triển, Tình trạng hấp thu dinh dưỡng kém, Béo phì ở trẻ em(Có ít nhất một yếu tố nguy cơ về dinh dưỡng)

- 소득수준: 소득과 재산을 종합 반영한 소득인정액이 기준 중위소득의 80% 이하

**Mức thu nhập:** Thu nhập được công nhận (tổng hợp thu nhập và tài sản) Dưới 80% thu nhập trung bình tiêu chuẩn

✔ 사업내용 **Nội dung hỗ trợ của chương trình**

- 영양교육 및 상담(월 1회) **Giáo dục và tư vấn dinh dưỡng** (1 lần/tháng)

- 맞춤형 영양보충식품 지원(월 2회)

지원: Hỗ trợ thực phẩm bổ sung dinh dưỡng theo từng đối tượng (2 lần/tháng)

- 정기적 영양상태 평가(빈혈검사, 신장/체중측정, 식품섭취조사 등)

Đánh giá định kỳ tình trạng dinh dưỡng xét nghiệm thiếu máu, đo chiều cao/cân nặng, khảo sát khẩu phần ăn, v.v.)

- 보충식품 보관 및 관리를 위한 가정방문

Thăm hộ gia đình để hướng dẫn bảo quản và quản lý thực phẩm bổ sung



✔ 제출서류 **Hồ sơ cần nộp**

- 대상자 가구정보 및 소득재산조사동의서(필수)

Đơn cung cấp thông tin hộ gia đình và giấy đồng ý điều tra thu nhập, tài sản (bắt buộc)

- 행정정보 공동이용 사전동의서(필수)

Giấy đồng ý sử dụng chung thông tin hành chính (bắt buộc)

- 가구원수 확인: 주민등록등본(필수), 가족관계증명서(해당자)

Xác nhận số lượng thành viên hộ gia đình: Bản sao sổ hộ khẩu (bắt buộc), Giấy chứng nhận quan hệ gia đình (nếu có)

- 소득확인: 기초생활수급자 또는 차상위계층 증명서(해당자)

Xác nhận thu nhập: Giấy chứng nhận đối tượng hưởng trợ cấp sinh hoạt cơ bản hoặc cận nghèo (nếu có)

- 임신·출산여부 확인: 의사진단서·소견서 또는 산모수첩(사본)

Xác nhận mang thai/sinh con: Giấy chẩn đoán hoặc giấy xác nhận của bác sĩ, hoặc sổ theo dõi thai sản (bản sao)

✔ 신청방법 : 전화문의 및 방문접수 **Cách thức đăng ký Liên hệ qua điện thoại để được tư vấn và nộp hồ sơ trực tiếp**

**문의:** Liên hệ    **장안구보건소 건강관리과** : Trung tâm Y tế Quận Jangan Phòng Quản lý Bệnh truyền nhiễm (☎031-1591-0207)  
**권선구보건소 건강관리과** : Trung tâm Y tế Quận Gwonseon Phòng Hành chính Y tế (☎031-5191-0407)  
**팔달구보건소 건강관리과** : Trung tâm Y tế Quận Paldal Phòng Hành chính Y tế (☎031-5191-0607)  
**영통구보건소 건강관리과** : Trung tâm Y tế Quận Yeongtong Phòng Hành chính Y tế (☎031-5191-0807)

## ▶▶ '수원 관광' 홈페이지 소개 Giới thiệu trang web 'tham quan TP Suwon'

수원화성, 화성행궁 등 수원의 대표 관광지와 체험, 어트랙션, 숙박시설, 맛집, 카페, 교통 등에 대한 정보를 상세하게 소개하고 있습니다.

Giới thiệu thông tin chi tiết về các điểm tham quan du lịch tiêu biểu của Suwon, như Pháo đài Suwon Hwaseong và Cung điện Hwaseong, cũng như các trải nghiệm, điểm tham quan, chỗ nghỉ, nhà hàng, quán cà phê và phương tiện đi lại.

### ✔ 홈페이지 : <https://www.suwon.go.kr/web/visitsuwon/index.do>

Trang web: <https://www.suwon.go.kr/web/visitsuwon/index.do>

### ✔ 웹 브라우저 검색창 '수원관광' 검색

Tìm kiếm trên trang web bấm 'Tham quan Suwon'

### ✔ 문의 : 수원시 관광과 (☎031-5191-3920)

Liên hệ : Phòng Du lịch TP Suwon ☎031-5191-3920



## ▶▶ 수원 스마트 관광 앱 '터치수원' Ứng dụng du lịch thông minh Suwon 'Touch Suwon'

'터치수원' 앱은 터치 한번으로 수원시의 관광정보를 쉽고 간편하게 즐길 수 있는 올인원 스마트관광앱으로 다양한 체험 및 어트랙션, 숙박시설, 맛집, 카페 등 핫플레이스에 대한 정보 및 구매/예약도 가능하며 보다 편리하게 수원을 여행할 수 있습니다.

Ứng dụng 'Touch Suwon' là ứng dụng du lịch thông minh giúp bạn trọn gói dễ dàng và thuận tiện cập nhật thông tin du lịch của TP Suwon chỉ bằng một lần chạm. Ngoài ra, trang web còn cung cấp thông tin về các trải nghiệm, điểm tham quan, chỗ ở, nhà hàng, quán cà phê và nhiều địa điểm hấp dẫn khác, cũng như thông tin mua sắm/đặt chỗ, giúp bạn di chuyển đến Suwon thuận tiện hơn.

### ✔ 홈페이지 : <https://www.suwon.go.kr/web/visitsuwon/index.do>

Trang web : <https://www.suwon.go.kr/web/visitsuwon/index.do>

### ✔ 플레이스토어, 앱스토어 '터치수원' 검색

Tìm kiếm trên ứng dụng 'Touch Suwon'

### ✔ 문의 : 수원시 관광과 (☎031-5191-3920)

Liên hệ : Phòng Du lịch TP Suwon ☎031-5191-3920



## 수원시 관광 명소 안내 Hướng dẫn tham quan TP Suwon

수원시 관광지 Khu du lịch TP Suwon	관람시간 Thời gian tham quan	관람료 Phí tham quan	문의 Liên hệ
<b>플라이 수원</b> Kinh khí cầu TP Suwon	<b>평일 13:00~22:00</b> (마지막 비행 출발 21:30) / Ngày thường <b>13:00~22:00</b> (21:30 bay lần cuối)	<b>일반(성인) 20,000원</b> Người lớn 20,000won  <b>중·고등학생 18,000원</b> Học sinh cấp 2 và cấp 3 18,000won  <b>초등학생 17,000원</b> Học sinh tiểu học 17,000won  <b>25개월~유치원 14,000원</b> Từ 25 tháng ~ mẫu giáo 14,000won	☎ 플라이수원 Kinh khí cầu TP Suwon ☎ 031-247-1300
<b>일월 수목원</b> Vườn thực vật Ilwol	<b>09:30~17:30</b> (입장 마감시간 17:00)  <b>09:30~17:30</b> (17:00 đóng cửa)	<b>수원시민(성인) 2,000원</b> Người lớn (công dân Suwon) 2,000won  <b>타지역 시민 (성인) 4,000원</b> công dân thành phố khác 4,000won  <b>단체 3,000원</b> Đoàn nhóm 3,000won	<b>일월수목원</b> Vườn thực vật Ilwol ☎ 031-5191-2380
<b>영흥 수목원</b> Vườn thực vật Yeongheung	<b>09:30~17:30</b> (입장 마감시간 17:00)  <b>09:30~17:30</b> (17:00 đóng cửa)	<b>수원시민(성인) 2,000원</b> Người lớn (công dân Suwon) 2,000won  <b>타지역 시민 (성인) 4,000원</b> Người ngoài TP Suwon 4,000won  <b>단체 3,000원</b> Đoàn nhóm 3,000won	<b>영흥수목원</b> Vườn thực vật Yeongheung ☎ 031-5191-2390

\* '수원관광' 홈페이지 참조

※ Tham khảo trang web 'du lịch Suwon'

## 수원시 시민안전보험 Bảo hiểm an toàn công dân TP Suwon

수원시민이 일상생활 속에서 예기치 못한 사고를 당했을 경우 발생한 치료비에 대하여 보험금을 지원받을 수 있는 제도  
 Chế độ hỗ trợ chi trả tiền bảo hiểm cho chi phí điều trị phát sinh khi công dân thành phố Suwon gặp tai nạn bất ngờ trong sinh hoạt hằng ngày

### ✓ 보험대상: 수원시민(등록 외국인, 거소 동포 포함)

**Đối tượng :** Công dân TP Suwon(bao gồm người nước ngoài đã đăng ký và kiều bào Trung Quốc)

\* 수원시민 자동 가입(전출 시 자동 탈퇴)

\* Công dân Suwon được đăng ký tự động(tự động hủy khi chuyển đi)

### ✓ 보장항목 Hạng mục được bảo hiểm

#### ○ 상해의료비(70만원 한도)

: 수원시민이 국내에서 상해사고로 치료를 받은 경우, 발생한 치료비 중 급여항목에 대하여 지급

**Chi phí y tế khi bị thương (tối đa 700 nghìn won)**

Trường hợp công dân Suwon được điều trị thương tích tại Hàn Quốc, sẽ được thanh toán theo các hạng mục nằm trong chi phí điều trị đã phát sinh

\* 상해의료비 청구 시 본인부담 공제금 3만원

\* Khi yêu cầu bồi thường chi phí y tế do thương tích, mức khấu trừ là 30.000 won

#### ○ 상해사망 장례비(1,000만원 한도)

: 수원시민이 국내에서 상해사고로 사망한 경우, 발생한 장례비용에 대하여 지급

**Chi phí tang lễ khi tử vong do thương tích (tối đa 10 triệu won)**

Thanh toán chi phí tang lễ phát sinh khi một công dân Suwon tử vong do tai nạn tại Hàn Quốc

\* 만15세 미만인 경우 「상법」 제732조에 따라 제외

\* Ngoại trừ thanh niên dưới 15 tuổi theo Điều 732 của Luật Thương mại

### ✓ 문의처 Thông tin liên lạc

#### ○ 수원시 시민안전보험 보상센터 (☎ 02-2135-9453)

Trung tâm bồi thường bảo hiểm an toàn công dân TP Suwon (☎ 02-2135-9453)

#### ○ 수원시 안전정책과 (☎ 031-5191-2937)

Phòng Chính sách An toàn TP Suwon ☎ (031-5191-2937)

## 재난안전정보 앱 '안전디딤돌'

Ứng dụng thông tin về thảm họa và an toàn 'An toàn Didimdol'

국민들이 재난안전정보를 신속하고, 정확하게 받을 수 있도록 긴급재난문자, 국민행동요령, 대피소, 무더위쉼터, 병원위치, 재난뉴스 등 다양한 재난안전정보를 제공

Cung cấp nhiều thông tin an toàn về thảm họa như tin nhắn văn bản về thảm họa khẩn cấp, hướng dẫn hành động quốc dân, nơi trú ẩn, nơi trú ẩn chống nhiệt, địa điểm bệnh viện và tin tức về thảm họa để người dân có thể nhận được thông tin an toàn về thảm họa một cách nhanh chóng và chính xác.

- ▶ 'Emergency Ready App'을 별도로 설치하면 재난·안전정보를 영어와 중국어, 일본어로 확인할 수 있으며, 재난문자도 영어, 중국어, 베트남어, 태국어, 일본어로 제공

Nếu bạn cài đặt riêng 'Emergency Ready App', bạn có thể kiểm tra thông tin về thảm họa và an toàn bằng tiếng Anh, tiếng Trung và tiếng Nhật, đồng thời tin nhắn văn bản về thảm họa cũng được cung cấp bằng tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Việt, tiếng Thái và tiếng Nhật.

- 홈페이지 : <https://www.safekorea.go.kr>

Tìm kiếm : <https://www.safekorea.go.kr>

- 플레이스토어, 앱스토어 '안전디딤돌', 'Emergency Ready App' 검색

Tìm kiếm "안전디딤돌", 'Emergency Ready App' trên Play Store và App Store

- 문의: ☎정부민원안내콜센터 콜센터 110

Liên hệ: Tổng đài Hỗ trợ Dịch vụ Chính phủ ☎110

## 수원시 군소음 피해보상금 신청

Đăng ký tiền bồi thường bởi ảnh hưởng tiếng ồn quân sự TP Suwon

- 신청대상: 수원시 소음대책지역 거주자(대상 확인: 국방부 군소음포털: <https://mnoise.mnd.go.kr/>)

**Đối tượng đăng ký** : Người dân TP Suwon bị ảnh hưởng tiếng ồn

(Xác nhận đối tượng: Cổng thông tin tiếng ồn quân sự của Bộ Quốc phòng: <https://mnoise.mnd.go.kr/>)

**Portal** : <https://mnoise.mnd.go.kr/>

- 신청기간: 매년 1 ~ 2월 중

**Thời gian nộp hồ sơ** : Hàng năm từ tháng 1 đến tháng 2

- 신청방법: 방문접수, 정부24홈페이지, 등기우편

Cách đăng ký: Nộp trực tiếp, qua website chính phủ 24, qua thư bảo đảm

- 구비서류: 보상금 신청서 양면, 신분증, 통장사본, 고용보험자격이력내역서(개별사업장), 출입국사실증명서

Hồ sơ cần thiết: Đơn xin bồi thường(cả hai mặt), CMND, bản sao sổ ngân hàng, nhật ký đủ điều kiện tham gia bảo hiểm lao động (nơi làm việc cá nhân), giấy chứng nhận xuất nhập cảnh

- 신청문의: 수원시 군소음보상팀 (☎ 031-369-2196)

Liên hệ: Nhóm phụ trách bồi thường tiếng ồn quân sự TP Suwon ☎ 031-369-2196

## 수원시 전입시민생활안내서

Sổ tay Hướng dẫn Sinh hoạt cho Công dân mới chuyển đến thành phố Suwon

### 수원 새내기 전입주민의 안정적인 정착을 돕는 전입시민 안내서

Tài liệu hướng dẫn dành cho người dân mới chuyển đến Suwon, nhằm hỗ trợ ổn định cuộc sống và thích nghi nhanh chóng với môi trường sinh hoạt tại thành phố.

### 수원시에서 받을 수 있는 복지혜택, 쓰레기 배출 방법, 이사 후 할 일, 종합민원 안내, 교통 정보 등 수원 생활에 필요한 정보 안내

Cung cấp thông tin cần thiết cho cuộc sống tại Suwon như: các chế độ phúc lợi có thể nhận tại thành phố Suwon, cách phân loại và vứt rác, các việc cần làm sau khi chuyển nhà, hướng dẫn giải quyết thủ tục hành chính tổng hợp, thông tin giao thông, v.v.

### 문의처 Nơi liên hệ:

주소지 동 행정복지센터 Trung tâm Phúc lợi Hành chính phường trực thuộc nơi cư trú

## 수원시 이주민 편의지도

Bản đồ Tiện ích dành cho Người nhập cư tại thành phố Suwon

### 주요내용 Nội dung chính

- 이주민지원기관, 사회통합프로그램 지원기관, 교육기관 등 6개분야, 34개 기관 안내

Giới thiệu 34 cơ quan thuộc 6 lĩnh vực, bao gồm: các cơ quan hỗ trợ người nhập cư, cơ quan hỗ trợ chương trình hội nhập xã hội, cơ sở giáo dục, v.v.

- 기관 위치, 연락처, 지원내용 제공 (분야별, 구별 조회 가능)

Cung cấp thông tin về vị trí cơ quan, số điện thoại liên hệ và nội dung hỗ trợ (có thể tra cứu theo từng lĩnh vực hoặc từng quận)

### 이용방법 : 수원시 데이터포털(data.suwon.go.kr) > 데이터활용 > 시각화 현황 > 이주민 편의지도

- 이주민지원기관, 사회통합프로그램 지원기관, 교육기관 등 6개분야, 34개 기관 안내

**Cách sử dụng :** Cổng Dữ liệu thành phố Suwon(data.suwon.go.kr) > Khai thác dữ liệu > Tình trạng trực quan hóa > Bản đồ Tiện ích dành cho Người nhập cư

## »» 병역이행 안내

### Hướng dẫn nghĩa vụ quân sự

- ✔ **대상:** 병역판정검사 대상자는 매년 19세가 되는 사람 또는 유학 등 그 연기사유가 해소된 사람, 기타 법령에 의하여 병역판정검사를 받아야 할 사람 등  
**Đối tượng:** Người đủ 19 tuổi, phải tham gia kỳ thi nghĩa vụ quân sự hàng năm, những người đã giải quyết xong lý do hoãn nghĩa vụ như đi du học và những người phải tham gia kỳ thi nghĩa vụ quân sự theo quy định của pháp luật khác.
- ✔ **방법:** 병역판정검사는 병역판정검사일자 및 장소를 본인이 직접 선택하실 수 있으며, 개인별 병역판정 검사일자 및 장소는 지방병무청장이 송부(발송)하는 병역판정검사 통지서를 참고  
**Phương pháp:** Bạn có thể tự chọn ngày và địa điểm thi nghĩa vụ quân sự. Để biết ngày và địa điểm tổ chức kỳ thi nghĩa vụ quân sự cá nhân, vui lòng tham khảo thông báo tuyển sinh nghĩa vụ quân sự do cơ quan quản lý nhân lực quân sự khu vực gửi.
- ✔ **문의:** 1588-9090, 각 해당 지역 병무청 문의  
**Liên hệ:** 1588-9090, liên hệ với Cục Quản lý Nhân lực Quân sự khu vực trực thuộc

## »» 진로 설계 및 자기소개서 멘토링 사업

### Hỗ trợ viết hồ sơ tự giới thiệu bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp

- ✔ **지원대상:** 19 ~ 39세 수원시 취업 준비 청년(외국인주민 포함)  
**Đối tượng hỗ trợ:** Thanh niên chuẩn bị việc làm tại TP Suwon từ 19~39 tuổi (Bao gồm người nước ngoài)
- ✔ **운영기간:** 2026. 3월 ~ 11월  
**Thời gian hỗ trợ:** từ tháng 3 ~ tháng 11 năm 2026
- ✔ **신청기간:** 2026. 2월 ~ 11월  
**Thời gian đăng ký:** từ tháng 2 ~ tháng 10 năm 2026
- ✔ **사업내용** Nội dung hỗ trợ
  - 구직역량강화 교육(NCS 특강, 직무분석 특강 등)  
Đào tạo nâng cao năng lực tìm việc làm (Giảng chuyên đề NCS, giảng chuyên đề phân tích công việc, v.v.)
  - 1:1 진로적성 검사 및 전문가의 컨설팅  
Chuyên gia tư vấn và kiểm tra năng khiếu về nghề nghiệp 1:1
  - 1:1 자기소개서 첨삭 및 피드백  
Nhận xét và chỉnh sửa hồ sơ tự giới thiệu bản thân 1:1
- ✔ **신청방법:** 온라인 접수(<https://www.swyouth.kr>)  
**Cách đăng ký:** đăng ký online(<https://www.swyouth.kr>)
- ✔ **담당부서:** 수원시청소년청년재단(청년지원센터) (☎ 031-267-3627)  
**Bộ phận phụ trách:** Công đoàn thanh niên và thanh thiếu niên TP Suwon(Trung tâm hỗ trợ thanh niên) (☎031-267-3627)

## 영주(거주)·귀화자 맞춤형 통합 시민교육

Giáo dục công dân tích hợp phù hợp với thường trú nhân (nơi cư trú) và công dân nhập tịch

- ✔ **대상:** 거주(F-2) 및 영주(F-5) 자격 변경 및 거주(F-2) 자격 연장 신청자 중 경미한 법 위반자  
**Đối tượng:** Vi phạm pháp luật nhỏ giữa những người xin thay đổi tình trạng cư trú (F-2) và thường trú (F-5) và gia hạn tình trạng cư trú (F-2)
  - ✔ **내용:** 영주·귀화자의 권리와 의무, 법질서 교육 등  
**Nội dung:** Quyền và nghĩa vụ của thường trú nhân và công dân nhập tịch, giáo dục trật tự pháp luật, v.v.
  - ✔ **담당기관:** 수원출입국·외국인청 이민통합지원센터 (☎ 1345(국번 없이)) 또는 (☎031-695-3821~2)  
**Cơ quan phụ trách:** Trung tâm hỗ trợ hội nhập nhập cư Văn phòng xuất nhập cảnh Suwon  
 ☎ 1345 (without area code) or 031-695-3821~2
- ※ 자세한 사항은 사회통합정보망(www.socinet.go.kr) 알림 마당/공지 사항에서 확인 가능  
 ※ Thông tin chi tiết có thể được tìm thấy trong bảng thông báo/thông báo của mạng thông tin hội nhập xã hội (www.socinet.go.kr).

## 이주여성 가정폭력 신고 안내

Hướng dẫn trình báo bạo hành gia đình dành cho phụ nữ di trú

이주여성 가정폭력은 범죄입니다. Bạo hành phụ nữ di trú là tội phạm  
 폭력, 두려워하지 마시고 신고하세요. Đừng sợ bạo hành hãy trình báo



가정폭력 바로 연락주세요. Liên lạc ngay khi bị bạo lực gia đình  
**1577-1366 다누리콜센터** **Tổng đài Danuri**



- 이주여성 가정폭력은 엄중하게 처벌받습니다 - Xử phạt nghiêm trọng hành vi bạo hành phụ nữ di trú

## 24시간 운영 종합병원 및 응급실 현황

Thông tin của các bệnh viện đa khoa và phòng cấp cứu 24 giờ

연번 STT	병원명 Tên bệnh viện	소재지 Địa điểm	전화번호 Số điện thoại
1	경기도의료원 수원병원 Trung tâm y tế Gyeonggi Bệnh viện Suwon	장안구 수성로245번길 69 (정자동) 69, Suseong-ro 245beon-gil, Janan-gu (Jeongja-dong)	☎ 031-888-0114
2	명인의료재단 화홍병원 Tập đoàn Y tế Myungin Bệnh viện Hwahong	권선구 호매실로90번길 98 (호매실동) 90, Homaesil-ro 90beon-gil, Gwonseon-gu (Homaesil-dong)	☎ 1588-0097
3	수원중앙병원 Bệnh viện trung tâm Suwon	권선구 권선로 654 (권선동) 654, Gwonseon-ro, Gwonseon-gu (Gwonseon-dong)	☎ 031-229-9777
4	가톨릭대학교 성빈센트병원 Bệnh viện đại học công giáo Vincent	팔달구 중부대로 93 (지동) 93, Jungbu-daero, Paldal-gu (Ji-dong)	☎ 1577-8588
5	의료법인 녹산의료재단 동수원병원 Bệnh viện Dongsuwon, tập đoàn y tế Noksan	팔달구 중부대로 165 (우만동) 165 Jungbu-daero, Paldal-gu (Uman-dong)	☎ 031-210-0114
6	의료법인 토마스의료재단 윌스기념병원 Tập đoàn Y tế Thomas Bệnh viện tưởng niệm Wills	팔달구 경수대로 437 (인계동) 437, Gyeongsu-daero, Paldal-gu (Ingye-dong)	☎ 031-223-2233
7	아주대학교병원 Bệnh viện đại học Aju	영통구 월드컵로 164 (원천동) 164, Worldcup-ro, Yeongtong-gu (Woncheon-dong)	☎ 031-219-5114
8	매듭병원 Bệnh viện Maedeub	영통구 태장로 68 (망포동) 68, Taejang-ro, Yeongtong-gu (Mangpo-dong)	☎ 1800-9909

## 유용한 연락처

Số điện thoại cần thiết

연번 Số thứ tự	내용 Nội dung	관련기관 / 연락처 Cơ quan phụ trách/ Số điện thoại
1	<b>화재구조구급-재난신고 및 응급의료 병원 정보</b> Bảo cháy/cứu hộ/khẩn cấp/thảm họa và thông tin y tế/bệnh viện khẩn cấp	<b>119안전신고센터 (☎119)</b> Trung tâm khai báo an toàn
2	<b>범죄 신고</b> Khai báo tội phạm	<b>경찰청 (☎112)</b> Sở cảnh sát
3	<b>학교폭력 예방교육 및 전화문자 상담</b> Điện thoại · nhắn tin tư vấn bạo lực học đường	<b>경찰청 (☎117)</b> Sở cảnh sát
4	<b>청소년 기출, 학업중단, 인터넷 중독, 고민 상담</b> Tư vấn thanh thiếu niên về lo lắng, nghiện internet, nghỉ học, bỏ nhà đi	<b>청소년 사이버상담센터 (☎1388)</b> Trung tâm tư vấn thanh thiếu niên
5	<b>가정폭력, 성폭력, 성매매 긴급 전화상담 및 보호</b> Tư vấn khẩn cấp và bảo vệ khi gặp bạo lực gia đình, bạo lực tình dục và mại dâm	<b>한국여성인권진흥원 (☎1366)</b> Viện xúc tiến nhân quyền phụ nữ Hàn Quốc ☎1366
6	<b>감염병 신고 및 질병 정보 제공</b> Cung cấp thông tin về bệnh tật và khai báo bệnh truyền nhiễm	<b>질병관리청 (☎1339)</b> Cục quản lý bệnh tật ☎1339
7	<b>해킹·스팸·개인정보침해 신고</b> Trình báo tin nhắn · hack mạng xâm phạm thông tin cá nhân	<b>한국인터넷진흥원 (☎118)</b> Viện xúc tiến Internet Hàn Quốc ☎118
8	<b>외국인 종합안내센터</b> Trung tâm tư vấn tổng hợp người nước ngoài	<b>법무부 (☎1345)</b> Bộ tư pháp ☎1345
9	<b>전기 점검 신청</b> Đăng ký kiểm tra điện	<b>한국전기안전공사 (☎1588-7500)</b> Tập đoàn an toàn điện lực Hàn Quốc ☎1588-7500
10	<b>전기 고장 신고</b> Báo sự cố điện	<b>한국전력공사 (☎123)</b> Tập đoàn điện lực Hàn Quốc ☎123
11	<b>외국인 관광통역 안내</b> Thông dịch và hướng dẫn du lịch cho người nước ngoài	<b>한국관광공사 (☎1330)</b> Tổng cục du lịch Hàn Quốc ☎1330
12	<b>가스사고 신고</b> Báo tai nạn khí ga	<b>한국가스안전공사 (☎1544-4500)</b> Tập đoàn an toàn khí ga Hàn Quốc ☎1544-4500
13	<b>교통정보 안내</b> Hướng dẫn thông tin	<b>국토교통부 (☎1333)</b> Bộ giao thông vận tải và Đất đai ☎1333
14	<b>일기예보 안내</b> Dự báo khí tượng	<b>한국기상산업기술원 (☎131)</b> Viện kỹ thuật công nghiệp khí tượng Hàn Quốc ☎131
15	<b>법률 상담</b> Tư vấn pháp luật	<b>대한법률구조공단 (☎132)</b> Công đoàn giải cứu pháp luật Hàn Quốc ☎132
16	<b>인권 침해 상담</b> Tư vấn xâm phạm nhân quyền	<b>국가인권위원회 (☎1331)</b> Ban nhân quyền quốc gia ☎1331
17	<b>병역 관련 상담</b> Tư vấn về nghĩa vụ quân sự	<b>병무청 (☎1588-9090)</b> Cục Quản lý Nhân lực Quân sự ☎1588-9090

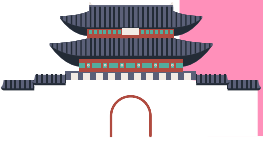
# 외국인·다문화가족지원안내

Hỗ trợ gia đình đa văn hóa và người nước ngoài

- 01. 수원시외국인주민지원사업소개**  
Giới thiệu các chương trình hỗ trợ người nước ngoài tại TP Suwon
- 02. 수원시운영기관사업소개**  
Giới thiệu chương trình của các cơ quan hỗ trợ tại TP Suwon
- 03. 다국어지원서비스**  
Dịch vụ hỗ trợ đa ngôn ngữ
- 04. 수원시외국인·다문화가족지원기관소개**  
Các cơ quan hỗ trợ người nước ngoài·gia đình đa văn hóa tại TP Suwon
- 05. 수원시외국인주민공동체소개**  
Giới thiệu cộng đồng người nước ngoài TP Suwon



Chapter  
03



# Chapter 03

# 외국인·다문화가족지원안내

Hỗ trợ gia đình đa văn hóa và người nước ngoài

01

## 수원시외국인주민지원사업소개

Giới thiệu các chương trình hỗ trợ người nước ngoài tại TP Suwon

### 외국인주민 한국사회 적응지원

Hỗ trợ người nước ngoài thích ứng xã hội hàn quốc



#### 다문화가족 자녀 방문학습 지원

Hỗ trợ học tập tại nhà cho con em gia đình đa văn hóa

다문화가족 부모의 한국어 능력 부족으로 인한 자녀의 한글 및 국어 교육 한계를 전문지도사와 학습지의 도움으로 극복하는 맞춤형 지원사업

Dịch vụ hỗ trợ phù hợp việc học viết và tiếng Hàn chuyên môn cho con em gia đình đa văn hóa kém tiếng Hàn

**2026년 다문화가족 자녀 방문학습지 지원사업**

방문학습지 교사가 다문화가정에 방문하여 자녀 수준에 맞는 1:1 학습 교육을 제공합니다.

- 집중신청기간 : 2026. 1. 19 (토) ~ 2. 6 (금)
- 모집인원 : 105명 내외(신청기준에 따라 상한)
- 모집대상 : 수원시 거주 다문화가족 자녀
  - 4~11세에 다문화가족 자녀(2015.1.1~2022.12.31 출생자)
  - 신청 우선순위 : 국인가조생애보험 수급자, 초순가정, 부모 또는 자녀가 장애인등록자 등
- 신청장소 : 거주지 동 행정복지센터 신청접수
- 신청 통보 : 2월 말
- 유의사항 : 월 3,000원의 가정당 비용이 있으며, 총액 12월까지 학습이 지원됩니다.

문의 : 거주지 동 행정복지센터 및 수원시 이주민정책과

- ☑ **지원대상** : 만 4세~11세 다문화가족 자녀 및 정규-대안학교 초등 1학년~6학년 재학 중인 중도입국자녀  
**Đối tượng hỗ trợ** : Trẻ em gia đình đa văn hóa từ 4 đến 11 tuổi đang theo học lớp 1 đến lớp 6 của các trường chính quy hoặc trường thay thế
- ☑ **지원내용** : 방문학습지(한글, 국어) 지원(주 1회)  
**Nội dung hỗ trợ** : Hỗ trợ (1 lần/tuần) học tập tại nhà (Tiếng Hàn, Quốc ngữ)
- ☑ **신청방법** : 동 행정복지센터 방문 신청  
**Cách thức đăng ký** : Đăng ký qua đến trực tiếp tại Ủy ban Phường
- ☑ **담당부서** : 수원시 이주민정책과(☎031-5191-2709)  
**Cơ quan thực hiện** : Phòng chính sách người nhập cư TP Suwon





## 생활안내서 제작 및 다문화신문 구독

Phân phối báo đa văn hóa và xuất bản sách hướng dẫn sinh hoạt

정보의 사각지대에 있는 외국인주민에게 생활안내서 제작(배포) 및 다문화신문 구독 지원을 통해 이주민정책 및 생활정보 등을 제공하여 안정적인 한국 생활 적응을 지원

Thông qua việc xuất bản(phân phối) sách hướng dẫn sinh hoạt và hỗ trợ đăng ký nhận báo đa văn hóa nhằm cung cấp thông tin về sinh hoạt, chính sách đa văn hóa và hỗ trợ thích nghi ổn định cuộc sống tại Hàn Quốc cho người nước ngoài ở vùng sâu vùng xa.



### ☑️ 외국인주민 생활안내서 제작·배포

Xuất bản phát hành sách hướng dẫn sinh hoạt cho người nước ngoài

### ☑️ 다문화신문 구독지원

Hỗ trợ đăng ký nhận báo đa văn hóa

### ☑️ 담당부서: 수원시 이주민정책과(☎031-5191-2708)

Cơ quan thực hiện: Phòng chính sách người nhập cư TP Suwon



## 외국인주민 생활안전 교육

Thông tin an toàn đời sống cho người nước ngoài

결혼이민자 및 외국인주민에게 아동학대 신고, 보이스피싱 예방, 교통안전 등 피해를 최소화하여 한국 사회 안정적 적응 지원

Hỗ trợ thích nghi ổn định với xã hội Hàn Quốc cho người nước ngoài và người kết hôn di trú qua việc giảm thiểu tối đa thiệt hại của các vấn đề như khai báo bạo lực trẻ em, phòng chống lừa đảo tài chính qua điện thoại, an toàn giao thông v.v..



### ☑️ 사업대상: 외국인주민, 결혼이민자 등

Đối tượng hỗ trợ: Cư dân người nước ngoài và người di trú theo diện kết hôn, v.v.

### ☑️ 사업내용: 환경보호, 교통안전, 범죄 예방 등 교육

Khóa học trải nghiệm: Các khóa học về bảo vệ môi trường, an toàn giao thông, phòng chống tội phạm v.v..

### ☑️ 운영방법: 학습 과정 시 전, 후 동영상 활용

Phương thức thực hiện: tận dụng video trước và sau trong quá trình học

### ☑️ 담당부서: 수원시 이주민정책과(☎031-5191-3215)

Cơ quan thực hiện: Phòng chính sách người nhập cư TP Suwon

## 외국인주민 역량강화 Nâng cao năng lực cho người nước ngoài



### 다(多)어울림 공동체 공모사업

Chương trình tuyển chọn cộng đồng đa hòa hợp TP Suwon

수원시 다문화가족 및 외국인주민의 권익증진을 위해 활동하는 비영리단체를 지원하여 자생적 다문화 공동체 활성화 및 내·외국인이 상생하는 다문화 포용도시 조성

Hỗ trợ các tổ chức phi lợi nhuận hoạt động để thúc đẩy quyền lợi của các gia đình đa văn hóa và người nước ngoài ở Suwon, thúc đẩy cộng đồng đa văn hóa tự sinh và tạo ra một thành phố bao dung đa văn hóa cùng tồn tại với người trong và ngoài nước.



- 신청대상:** 비영리법인(단체), 사회복지법인 등  
**Đối tượng đăng ký:** Cơ quan(đoàn thể) phi lợi nhuận, Pháp nhân phúc lợi xã hội v.v..
- 사업분야:** 문화 체험 프로그램, 역량 강화교육, 자립기반 조성 등  
**Lĩnh vực thực hiện:** Chương trình hướng dẫn, trải nghiệm văn hóa, nâng cao năng lực, hình thành nền tảng tự lập v.v..
- 선정방법:** 공개모집 ⇨ 지방보조금관리위원회 심의·선정  
**hương thức tuyển chọn:** Tuyển chọn công khai ⇨ Ban quản lý ngân sách địa phương Xét duyệt· Bình chọn
- 담당부서:** 수원시 이주민정책과(☎031-5191-2693)  
**Cơ quan thực hiện:** Phòng chính sách người nhập cư TP Suwon



### 결혼이민자 취업교육지원

Hỗ trợ đào tạo việc làm cho người kết hôn di trú

결혼이민자에게 적합한 취업 교육을 실시하고 일자리를 연계하여 결혼이민자의 생활 안정을 돕고 지역사회의 일원으로 육성

Tiến hành đào tạo nghề phù hợp cho người nhập cư kết hôn và kết nối họ với việc làm để giúp người nhập cư kết hôn ổn định cuộc sống và nuôi dưỡng họ trở thành thành viên của cộng đồng địa phương.



- 지원대상:** 결혼이민여성(F-2,F-5,F-6 및 국적취득자)  
**Đối tượng hỗ trợ:** Người kết hôn di trú (F-2,F-5,F-6, người nhập quốc tịch)
- 지원내용:** 결혼이민자 취업기초교육 및 취업지원  
**Nội dung hỗ trợ:** Hỗ trợ đào tạo việc làm cho người kết hôn di trú
- 담당부서:** 수원시 이주민정책과(☎031-5191-2994)  
**Cơ quan thực hiện:** Phòng chính sách người nhập cư TP Suwon

## 외국인주민 생활안정 지원 Hỗ trợ ổn định cuộc sống cho người nước ngoài



### 외국인주민 긴급지원

Hỗ trợ khẩn cấp cho người nước ngoài

외국인주민이 갑작스러운 위기상황에 처할 경우 긴급지원을 통해 기본적인 인권보장과 최소한의 안정적 생활 도모  
 Thông qua dịch vụ hỗ trợ khẩn cấp khi người nước ngoài gặp tình huống nguy cấp, nhằm đảm bảo nhân quyền cơ bản và ổn định cuộc sống.



- 지원대상:** 수원시 거주 저소득 외국인 주민  
**Đối tượng hỗ trợ:** Người nước ngoài có thu nhập thấp tại TP Suwon
- 지원종류:** 긴급의료비, 긴급생계비, 장제비 등  
**Loại hỗ trợ:** chi phí y tế khẩn cấp, chi phí sinh hoạt khẩn cấp, chi phí tang lễ, v.v.
- 접수처:** Nơi đăng ký  
 수원시 외국인복지센터 (☎031-223-0075)  
 Trung tâm phúc lợi người nước ngoài TP Suwon  
 수원시 다문화가족지원센터 (☎031-257-8504)  
 Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa TP Suwon  
 수원시 글로벌청소년드림센터 (☎031-247-1324)  
 Trung tâm ước mơ thanh niên toàn cầu TP Suwon
- 담당부서:** 수원시 이주민정책과(☎031-5191-2708)  
**Cơ quan thực hiện:** Phòng chính sách người nhập cư TP Suwon

## 외국인주민 지역사회 네트워크 구축 Xây dựng mạng lưới trong cộng đồng địa phương người nước ngoài



### 이주민 정책추진 소통 간담회

Cuộc họp chính sách người nhập cư TP Suwon

수원시 다문화 유관기관 간 정보 공유 및 상호 의견을 수렴하여 이주민 정책 발전에 기여  
 Bằng việc chia sẻ thông tin và thu thập ý kiến giữa các cơ quan hỗ trợ đa văn hóa nhằm góp phần phát triển chính sách đa văn hóa tại TP Suwon



- 참여대상:** 유관기관 5개소, 이주민정책과 등  
**Đối tượng tham gia:** 5 cơ quan có liên quan, phòng chính sách người nhập cư TP Suwon
- 회의내용:** 주요 시책 공유, 건의사항 및 주요 현안사항 토론  
**Nội dung cuộc họp:** Chia sẻ các chính sách trọng yếu, thảo luận nội dung kiến nghị và các vấn đề quan trọng còn tồn đọng
- 담당부서:** 수원시 이주민정책과(☎031-5191-2706)  
**Cơ quan thực hiện:** Phòng chính sách người nhập cư TP Suwon



## 다문화가족지원위원회

Hội đồng xét duyệt chính sách hỗ trợ gia đình đa văn hóa

다문화가족 지원을 위한 기본계획 수립에 관한 사항, 다문화가족 지원사업, 다문화가족지원센터 운영에 관한 사항 자문심의  
Xem xét, tư vấn các nội dung liên quan đến việc điều hành trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa, chương trình hỗ trợ gia đình đa văn hóa, thiết lập kế hoạch cơ bản nhằm hỗ trợ gia đình đa văn hóa.



- ✓ **근거:** 수원시다문화가족지원조례 제6조  
**근거:** Điều 6 Điều lệ hỗ trợ gia đình đa văn hóa TP Suwon
- ✓ **구성인원:** 13명 (외국인주민 관련 전문가, 공무원, 유관기관, 외국인주민 등)  
**Số lượng hội viên:** 13 người (chuyên gia về người nước ngoài, công chức, cơ quan liên quan, người nước ngoài, v.v.)
- ✓ **담당부서:** 수원시 이주민정책과 (☎031-5191-2993)  
**Cơ quan thực hiện:** Phòng chính sách người nhập cư TP Suwon



## 외국인지원시책위원회

Ban chính sách hỗ trợ người nước ngoài

외국인주민 지원정책 수립 및 제도 개선에 관한 사항 자문심의

Xét duyệt · Hồi đáp về vấn đề cải tiến chế độ, và lập kế hoạch về chính sách hỗ trợ người nước ngoài



- ✓ **근거:** 수원시거주외국인지원조례 제7조  
**근거:** Điều 7 Điều lệ hỗ trợ người nước ngoài cư trú tại TP Suwon
- ✓ **구성인원:** 15명 (외국인주민 관련 전문가, 공무원, 유관기관, 외국인주민 등)  
**Số lượng hội viên:** 15 người (chuyên gia về người nước ngoài, công chức, cơ quan liên quan, người nước ngoài, v.v.)
- ✓ **담당부서:** 수원시 이주민정책과 (☎031-5191-2708)  
**Cơ quan thực hiện:** Phòng chính sách người nhập cư TP Suwon



## 이주민 상담 사례관리 회의

Họp về nội dung quản lý sự kiện tư vấn cho người nước ngoài

수원시에서 활동하고 있는 이주민 상담활동가들과 상담사례 공유 및 상호토론을 통한 다문화정책발전 기반 마련

Thông qua việc thảo luận và cùng chia sẻ về những tình huống thực tế của các tư vấn viên người nước ngoài đang hoạt động tại TP Suwon nhằm tạo nền tảng cho việc phát triển chính sách đa văn hóa.



- ✓ **참여대상:** 이주민 상담활동가, 변호사, 사례관리사, 공무원 등 20여 명  
**Đối tượng tham gia:** 20 người là tư vấn viên người nước ngoài, uật sư, cán bộ quản lý tình huống, công chức v.v..
- ✓ **회의내용:** 기관별 사례발표, 사각지대 예방, 서비스 발굴·연계  
**Nội dung cuộc họp:** Từng cơ quan trình bày tình huống thực tế, tìm kiếm · kết nối dịch vụ, phỏng vấn mù thông tin đối với người ở vùng sâu vùng xa
- ✓ **담당부서:** 수원시 이주민정책과 (☎031-5191-3215)  
**Cơ quan thực hiện:** Phòng chính sách người nhập cư TP Suwon

## ▶▶ 내·외국인 소통의 장 마련 Tạo không gian giao lưu cho người trong và ngoài nước



### 외국인 시정홍보단 다(多)누리꾼

Hoạt động dân mạng Danuri của người nước ngoài

국가별 이주민으로 구성된 활동가를 모집하여 온라인 커뮤니티를 통한 시정 홍보 및 의견수렴을 통한 다양한 다(多)누리꾼 활동 전개

Chiêu mộ thành viên là những người người nước ngoài theo từng quốc gia và triển khai hoạt động đa dạng thông qua việc thu thập ý kiến và quảng bá qua cộng đồng trực tuyến



- ✓ **사업대상:** 16개국 외국인주민 등 64명  
Đối tượng: 64 người, thuộc 16 quốc gia
- ✓ **활동방법:** 시정홍보 자료를 온라인 커뮤니티 (카카오톡, 페이스북, Wechat, Zalo) 등에 게시 및 오프라인 정례회의를 통한 홍보실적 공유, 아이디어 제안, 의견수렴  
Phương thức hoạt động: Đăng thông tin quảng bá phúc lợi trong TP lên mạng(kakao talk, Facebook, Wechat, Zalo) và họp định kỳ chia sẻ kết quả quảng bá, thu thập đề xuất sáng kiến, ý kiến
- ✓ **인센티브:** 자원봉사 실적 적립, 우수활동자 표창  
Khuyến khích: Tích điểm tình nguyện, khen thưởng người hoạt động xuất sắc
- ✓ **담당부서:** 수원시 이주민정책과(☎031-5191-2693)  
Cơ quan thực hiện: Phòng chính sách người nhập cư TP Suwon



### 내·외국인이 함께하는 말하기 대회

Cuộc thi song ngữ dành cho người trong và ngoài nước

내·외국인의 한국어 말하기 대회를 통해 다문화가족에 대한 안정적인 정착을 돕고 애정과 관심을 갖는 분위기 조성

Thông qua cuộc thi song ngữ dành cho người trong và người ngoài nước, giúp các gia đình đa văn hóa ổn định cuộc sống và tạo bầu không khí thân thương, quan tâm lẫn nhau



- ✓ **일시:** 2026년 10월(예정)  
Thời gian: Tháng 10 năm 2026(dự kiến)
- ✓ **장소:** 수원시청 대강당(별관2층)  
Địa điểm: Hội trường tòa thị chính TP Suwon (tầng 2 toà phụ)
- ✓ **대상:** 수원시 소재 한국어 교육기관을 이용하는 결혼이민자, 외국인, 다문화가족 자녀 등  
Đối tượng: Kết hôn định cư, người nước ngoài, con em các gia đình đa văn hóa
- ✓ **행사내용:** 한국어·이중언어 말하기 경연, 문화공연, 시상  
Nội dung sự kiện: Thi nói tiếng Hàn/song ngữ, biểu diễn văn nghệ, lễ trao giải
- ✓ **담당부서:** 수원시 이주민정책과(☎031-5191-2993)  
Cơ quan thực hiện: Phòng chính sách người nhập cư TP Suwon



## 다문화 한가족 축제

례 hội gia đình đa văn hóa

세계인의 날(5.20)을 기념하여 세계문화의 다양성을 이해하며 외국인주민과 함께 생활하는 글로벌 수원을 조성하는 축제 개최

Khai mạc lễ hội TP nhân loại toàn cầu Suwon, đồng hành cùng người nước ngoài nhằm hiểu sâu sắc hơn về nền văn hóa trên toàn thế giới và kỷ niệm ngày thế giới (20/5)



- ✓ **일시:** 2026년 9월 19일(토)  
Thời gian : Thứ Bảy, ngày 19 tháng 9 năm 2026
- ✓ **장소:** 수원제1아외음악당  
Địa điểm : Hội trường âm nhạc ngoài trời số 1 TP Suwon
- ✓ **대상:** 외국인주민 등  
Đối tượng : Người nước ngoài, v.v..
- ✓ **행사내용:** 기념식, 다문화 퍼포먼스, 세계민속공연, 세계민속의상 깃발퍼레이드, 세계음식문화체험 등  
Nội dung sự kiện : Lễ kỷ niệm, biểu diễn đa văn hóa, biểu diễn truyền thống thế giới, trình diễn trang phục thế giới, trải nghiệm văn hóa và ẩm thực thế giới v.v..
- ✓ **담당부서:** 수원시 이주민정책과 ☎031-5191-2707  
Cơ quan thực hiện : Phòng chính sách người nhập cư TP Suwon

## 기타사업 Chương Trình Khác



## 다문화 인식개선사업

Chương trình nâng cao nhận thức về đa văn hóa

올바른 문화 다양성 이해 교육과 문화체험 등을 통해 세계시민으로서의 인식개선과 상호 이해, 소통의 기회를 제공

Thông qua trải nghiệm văn hóa và giáo dục về đa dạng văn hóa nhằm tạo cơ hội hiểu biết và cải tiến nhận thức về công dân toàn cầu



- ✓ **찾아가는 문화 다양성 이해교육**  
Giảng để hiểu biết sự đa dạng về văn hóa  
**대상:** 미취학, 초등학생, 교사, 일반 시민 등  
**Đối tượng:** Trẻ em dưới tuổi đi học, học sinh tiểu học, giáo viên, công dân, v.v.
- ✓ **문화체험 캠페인 및 홍보부스 운영**  
Thực hiện chương trình quảng bá và chiến dịch trải nghiệm văn hóa  
**홍보영상 제작 및 활용**  
Thiết kế và sử dụng video quảng cáo
- ✓ **공직자 다문화 인식개선 교육**  
Buổi giảng nâng cao nhận thức về đa văn hóa cho công chức nhà nước
- ✓ **담당부서:** 수원시 이주민정책과 ☎031-5191-2706  
Cơ quan thực hiện : Phòng chính sách người nhập cư TP Suwon



## 선주민.다문화 교육 지원 사업

Hoạt động trường chuyên biệt đa văn hóa toàn cầu

지역·학교 특성에 맞는 다문화 특성화 프로그램을 운영할 수 있도록 지원해 청소년의 다문화 이해와 상호존중 실천 기회를 확대

Hỗ trợ triển khai các chương trình chuyên biệt về đa văn hóa phù hợp với đặc điểm của từng địa phương và trường học, qua đó mở rộng cơ hội cho thanh thiếu niên nâng cao hiểu biết về đa văn hóa và thực hành tôn trọng lẫn nhau.



☑ **사업대상:** 다문화가정 학생이 재학 중인 관내 학교

Đối tượng: Học sinh gia đình đa văn hóa hiện đang học tại trường trực thuộc cơ quan

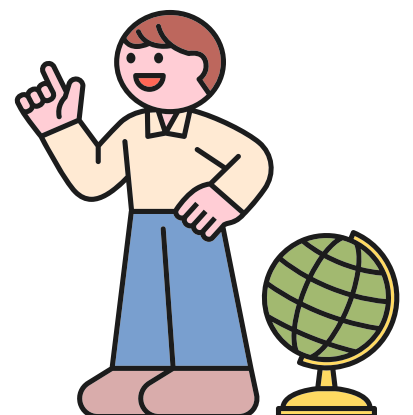
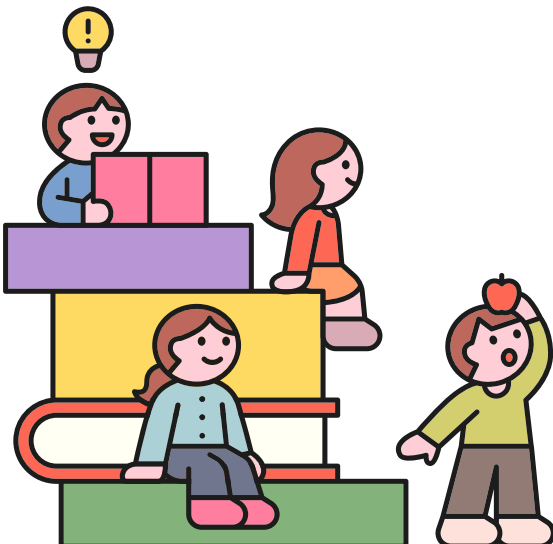
☑ **사업내용 Contents**

선주민 학생과 다문화가정 학생이 함께 참여하는 상호이해·교류 중심 프로그램 운영 지원

Hỗ trợ vận hành các chương trình lấy trọng tâm là tăng cường sự thấu hiểu và giao lưu, với sự tham gia của học sinh bản địa và học sinh thuộc gia đình đa văn hóa

☑ **담당부서:** 수원시 교육청년청소년과(☎031-5191-3993)

Cơ quan thực hiện: Phòng Giáo dục - Thanh Thiếu niên thành phố Suwon



## 수원시 운영기관 사업소개

Giới thiệu chương trình của các cơ quan hỗ trợ tại TP Suwon

### 수원시글로벌청소년드림센터 Trung tâm ước mơ thanh thiếu niên toàn cầu TP Suwon

**이용시간:** 월~금, 09:00~20:00, 필요시 주말 운영

Thời gian sử dụng : Thứ Hai ~ Thứ Sáu, 09:00 ~ 20:00, có thể hoạt động vào cuối tuần khi cần thiết.)

**이용대상:** 9세~24세 이주배경 청소년 및 가족

Đối tượng sử dụng : thanh thiếu niên di trú từ 9 tuổi~24 tuổi và gia đình



#### 정착기반 사업 Dự án hỗ trợ ổn định

**초기상담:** 센터 첫 이용시 서비스 신청 및 DB 구축

Tư vấn cơ bản : Hướng dẫn đăng ký chương trình và quản lý DB khi sử dụng trung tâm lần đầu tiên

**교육생 상담:** 센터 이용자 체류, 교육, 생활 상담 진행

Tư vấn cho học sinh : Tư vấn về việc lưu trú, học tập và sinh hoạt

**맞춤형 서비스지원(사례관리)**

: 수원시외국인주민긴급지원, 집중 및 일반 사례관리, 단순 서비스 연계, 정기적인 상담 및 지역자원 연계

**Hỗ trợ dịch vụ phù hợp (quản lý tình huống)**

Hỗ trợ khẩn cấp cho người nước ngoài tại TP Suwon, quản lý tình huống thường và chuyên sâu, liên kết dịch vụ đơn giản, tư vấn định kỳ và liên kết nhân lực địa phương



#### 맞춤형 교육 사업 Dự án giáo dục theo nhu cầu

**한국어 교육 '훈린(隣)정음'**

: 18세 이하 이주배경청소년 대상 수준별 표준한국어교육(1~4단계), 교육 주제별 특강(말하기-단어반 및 진로 심화활동 등), 시기별 특강(2월, 7~8월), 느린학습자반 운영

**Giáo dục tiếng Hàn "훈린(隣)정음"**

Chương trình giáo dục tiếng Hàn tiêu chuẩn theo trình độ (cấp 1-4) dành cho thanh thiếu niên có nền tảng di cư dưới 18 tuổi, các lớp chuyên đề theo chủ đề (lớp nói, từ vựng, hoạt động định hướng nghề nghiệp nâng cao, v.v.). Các lớp chuyên đề theo thời kỳ (tháng 2, tháng 7-8) vận hành lớp dành cho học sinh học chậm

**경기한국어랭기지사쿨(학교밖) '레츠고스쿨'**

: 중·고등학교 진입을 위한 표준 한국어 과정 교육, 학력 심의 및 공교육 진입 상담 등

Trường Ngôn ngữ Tiếng Hàn Gyeonggi (ngoài nhà trường) "Let's Go School"

Giáo dục tiếng Hàn tiêu chuẩn nhằm chuẩn bị cho việc vào trường trung học cơ sở và trung học phổ thông tư vấn thẩm định học lực và tư vấn tham gia hệ thống giáo dục công lập

**경기한국어랭기지사쿨(단기) '디딤돌학교'(초등)**

: 초기 입국한 초등학생 대상 학교 적응을 위한 위탁형 한국어 및 기초교과목 지원

Trường Ngôn ngữ Tiếng Hàn Gyeonggi (ngắn hạn) "Didimdol School" (tiểu học)

Hỗ trợ tiếng Hàn theo hình thức ủy thác và các môn học cơ bản nhằm giúp học sinh tiểu học mới nhập cảnh thích nghi với trường học

**경기한국어랭기지사쿨(단기) '다모아학교'(중·고등)**

: 초기 입국한 중·고등학생 대상 학교 적응을 위한 위탁형 집중한국어 및 기초교과목 지원

Trường Ngôn ngữ Tiếng Hàn Gyeonggi (ngắn hạn) "Damo School" (THCS & THPT)

Hỗ trợ tiếng Hàn chuyên sâu theo hình thức ủy thác và các môn học cơ bản nhằm giúp học sinh trung học mới nhập cảnh thích nghi với trường học

**방과후 학습지원 '오고(GO)가고(GO)'**

: 개별 학습 환경과 학습 이해도를 높이기 위한 방과후 한국어 교육

Hỗ trợ học tập sau giờ học "Ogo(GO) Gago(GO)"

Giáo dục tiếng Hàn sau giờ học nhằm nâng cao môi trường học tập cá nhân và mức độ hiểu bài của học viên





## 심리 안정화 사업 **Phòng tư vấn chuyên môn “Damso”**

### 전문상담실 “담소”

: 청소년기에 필요한 1:1 진로상담 및 심리상담 지원, 학생 및 부모 상담

### Phòng tư vấn chuyên môn “Damso”

Hỗ trợ tư vấn định hướng nghề nghiệp 1:1 và tư vấn tâm lý cần thiết trong giai đoạn thanh thiếu niên, tư vấn cho học sinh và phụ huynh

### 통합동아리활동

: 기타연주, 밴드 등 이주배경 청소년 욕구에 맞는 동아리 개설 및 운영

### Hoạt động câu lạc bộ tổng hợp

Thành lập và vận hành các câu lạc bộ phù hợp với nhu cầu của thanh thiếu niên có nền tảng di cư như chơi nhạc cụ, ban nhạc, v.v.

### 세계시민교육

: 세계시민의식과 사회문제 인식 및 사회참여 역량을 강화하기 위한 교육 및 문화체험활동 운영

### Giáo dục công dân toàn cầu

Vận hành các chương trình giáo dục và trải nghiệm văn hóa nhằm tăng cường ý thức công dân toàn cầu, nhận thức về các vấn đề xã hội và năng lực tham gia xã hội

### 문화여가존

: 지역주민 대상으로 건전한 여가생활을 위한 센터 내 문화여가공간(플레이존, 맨스존) 공유

### Khu văn hóa – giải trí

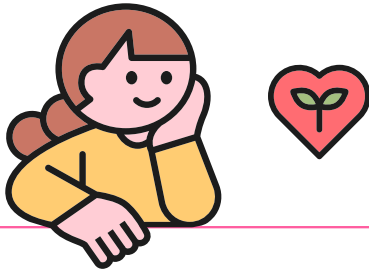
Chia sẻ không gian văn hóa – giải trí trong trung tâm (khu vui chơi, khu nhảy múa) nhằm phục vụ sinh hoạt lành mạnh cho cư dân địa phương

### 지역사회연계 문화체험

: 지역축제 및 행사, 문화체험 등 지역사회 기반한 문화체험 지원, 연합 글로벌청소년체육대회

### Trải nghiệm văn hóa liên kết cộng đồng địa phương

Hỗ trợ trải nghiệm văn hóa dựa trên cộng đồng địa phương như lễ hội, sự kiện khu vực, đại hội thể thao thanh thiếu niên toàn cầu liên hợp



## 자립 역량 강화 사업

### Dự án tăng cường năng lực tự lập

#### 진로한국어 ‘내일 학교’

: 19세 이상 진로, 취업 준비를 하고 있는 후기 이주배경 청소년 대상 수준별 한국어 및 생활용 개별 한국어 보충 교육 지원

#### Tiếng Hàn định hướng nghề nghiệp “Nae:il School”

Hỗ trợ giáo dục tiếng Hàn theo trình độ và giáo dục bổ trợ tiếng Hàn cá nhân hóa có ứng dụng AI cho thanh thiếu niên có nền tảng di cư từ 19 tuổi trở lên đang chuẩn bị cho định hướng nghề nghiệp và việc làm

#### 한국어토픽

: TOPIK 시험 대비 교육을 제공하여 한국어 능력 향상 및 학업·사회 적응 지원 도모

#### Lớp tiếng Hàn TOPIK

Cung cấp chương trình luyện thi TOPIK nhằm nâng cao năng lực tiếng Hàn và thúc đẩy tự lập trong học tập và thích nghi xã hội

#### 리더십 아카데미

: 리더십 교육(셀프리더십, 관계리더십)을 통한 이주배경 청소년의 진로개발 및 자치활동 기획 및 운영

#### Học viện lãnh đạo

Phát triển định hướng nghề nghiệp, lập kế hoạch và vận hành các hoạt động tự quản cho thanh thiếu niên có nền tảng di cư thông qua giáo dục lãnh đạo (lãnh đạo bản thân, lãnh đạo trong mối quan hệ)

#### 자립훈련지원

: 바리스타, IT 자격취득과정 등 자립에 필요한 교육 및 훈련과정, 지역사회 내 현장실습(턴턴십) 활동 연계, 대학 캠퍼스 탐방 및 학과 체험 및 전문기술자격 취득을 위한 학원연계

#### Hỗ trợ đào tạo tự lập

Các khóa đào tạo và huấn luyện cần thiết cho tự lập như lớp pha chế cafe barista, chứng chỉ IT, liên kết thực tập tại cộng đồng địa phương (internship) tham quan khuôn viên đại học và trải nghiệm ngành học, liên kết với các học viện đào tạo chứng chỉ kỹ thuật chuyên môn

#### 검정고시

: 중·고등 학력 취득 지원을 위한 교과 수업 운영

#### Kỳ thi bổ túc

Vận hành các lớp học các môn nhằm hỗ trợ học lực trung học cơ sở và trung học phổ thông





## 지역네트워크구축사업

Dự án xây dựng mạng lưới khu vực

### 지역조직화

: 업무협약, 네트워크 활동, 통번역서비스연계

조직 공동체 동 địa phương

ký kết thỏa thuận hợp tác, hoạt động mạng lưới, liên kết dịch vụ thông dịch · biên dịch

### 자원관리

: 자원봉사자 모집 및 관리, 후원자(단체) 발굴 및 관리

Quản lý nguồn lực

Tuyển dụng và quản lý tình nguyện viên, phát triển và quản lý nhà tài trợ ( cá nhân/tổ chức)

### 홍보

: 지역사회 내 센터 및 프로그램 홍보, 기념일 체험부스, 센터 내방, 센터 홈페이지 및 센터 SNS채널(카카오톡, 페이스북, 인스타그램) 운영

Truyền thông - quảng bá

Quảng bá trung tâm và các chương trình trong cộng đồng địa phương, gian trải nghiệm nhân các ngày kỷ niệm, tham quan trung tâm, vận hành website trung tâm và các kênh SNS (KakaoTalk, Facebook, Instagram)

## 수원시다문화가족지원센터 Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa TP Suwon

이용시간: 월~금 09:00~18:00

Thời gian hoạt động: Từ 09:00~18:00, Thứ 2 ~ Thứ 6



## 센터 사업 Dịch vụ của trung tâm

### 가족 사업 Dịch vụ gia đình

- 다문화가족 학령기 자녀 입학 및 입시 정보 제공 교육  
Giáo dục cung cấp thông tin tuyển sinh và nhập học cho con em gia đình đa văn hóa trong độ tuổi đi học

- 가족관계 향상 프로그램 진행  
Tiến hành chương trình nâng cao quan hệ gia đình

- 자녀교육 프로그램/부모 역할 교육  
Giáo dục vai trò cha mẹ/Chương trình giáo dục con cái

### 성평등·인권 사업

Dịch vụ bình đẳng giới và nhân quyền

- 가족 내 성평등 교육/인권감수성 향상 교육  
Giáo dục bình đẳng giới trong gia đình/Giáo dục nâng cao tính nhạy cảm nhân quyền

- 폭력 피해 대처 및 예방교육  
Đổi phó với nạn bạo lực và giáo dục phòng ngừa

- 다문화 이해교육  
Giáo dục hiểu biết đa văn hóa

### 사회통합 사업 Dịch vụ hội nhập xã hội

- 한국 사회 적응교육/소비자 경제교육  
Giáo dục thích nghi xã hội Hàn Quốc/Giáo dục kinh tế người tiêu dùng

- 취업 기초소양교육  
Giáo dục kiến thức cơ bản về việc làm

- 다문화가족 자조모임  
Hội nhóm gia đình đa văn hóa

### 상담 사업

: 개인 및 가족상담, 부부부모-자녀 관계 개선 상담

### Dự án tư vấn

Tư vấn cá nhân và gia đình, tư vấn cải thiện mối quan hệ vợ chồng và cha mẹ - con cái



## 취약·위기가족 지원사업(온가족보듬사업)

Dự án hỗ trợ gia đình gặp khó khăn · nguy kịch(Dự án chăm sóc toàn thể gia đình)

취약·위기가정의 복합적 문제해결 및 욕구해소를 위한 지속적인 맞춤형서비스 제공  
Liên tục cung cấp các dịch vụ phù hợp để giải quyết các vấn đề phức tạp và đáp ứng nhu cầu cho các gia đình gặp khó khăn · nguy kịch

맞춤형 사례관리, 교육·문화프로그램 및 자조모임, 긴급위기가족 지원 등

Quản lý tình huống phù hợp, chương trình giáo dục và văn hóa, họp nhóm, hỗ trợ khẩn cấp, v.v.



## 특성화 사업 Dịch vụ đặc biệt

### 한국어 사업

: 결혼이민자 대상 한국어 교실 운영(단계별, 토크반)

### Lớp tiếng Hàn

Lớp học tiếng Hàn cho người kết hôn di trú (theo từng giai đoạn, năng lực tiếng Hàn)

### 방문교육 사업

: 한국어교육/부모교육/자녀생활서비스

### Home visiting education program

Lớp tiếng Hàn, lớp phụ huynh, lớp hỗ trợ sinh hoạt cho trẻ em

### 언어발달지원 사업

: 다문화 자녀 언어평가·교육, 부모상담 및 교육

### Dịch vụ phát triển ngôn ngữ

Đánh giá và phát triển ngôn ngữ cho trẻ em đa văn hóa, lớp học và tư vấn phụ huynh

### 통·번역 지원 사업

: 베트남어, 중국어, 태국어, 필리핀/영어 통번역

### Dịch vụ Thông·biên dịch

Thông·biên dịch tiếng Việt và tiếng Trung Quốc, tiếng Thái Lan, tiếng Philipin, tiếng Anh

### 이중언어 교육지원

: 이중언어 부모 코칭, 부모-자녀 상호 작용 프로그램, 이중언어교실 운영

### Chương trình giáo dục song ngữ

Hướng dẫn cha mẹ dạy song ngữ, chương trình tác động tương hỗ cha mẹ-con cái, hoạt động lớp học song ngữ

## 다문화가족 자녀 지원 사업 Dự án hỗ trợ trẻ em gia đình đa văn hóa



### 진로설계지원

: 다문화 아동·청소년 대상 상담과 진로 탐색 및 설계지원

### Hỗ trợ lập kế hoạch nghề nghiệp

Tư vấn, hỗ trợ tìm hiểu và thiết kế nghề nghiệp cho trẻ em và thanh thiếu niên đa văn hóa

### 기초학습지원

: 다문화 아동·청소년 대상 취학 전후 한글, 수학 등 기본 학습 지원을 통한 학교 적응력 향상 도모

### Hỗ trợ học tập cơ bản

thông qua hỗ trợ học tập cơ bản như tiếng Hàn và toán trước và sau giờ học thúc đẩy cải thiện khả năng thích ứng của trường học cho trẻ em và thanh thiếu niên đa văn hóa.

### 저소득 다문화가족 자녀 교육활동비 지원

: 학습능력향상을 위한 학습지원과 교육 활동에 필요한 비용 지원

### Hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em gia đình đa văn hóa có thu nhập thấp

Hỗ trợ học tập nâng cao năng lực học tập và hỗ trợ các chi phí học tập cần thiết

## 기타사업 Dịch vụ khác

### 다문화가족 교류소통공간

Không gian giao lưu và trao đổi gia đình đa văn hóa

- 결혼이민자와 다문화가족, 지역주민이 함께하는 교육·소통·문화교류 공간

Không gian giáo dục, giao lưu và trao đổi văn hóa cho những người kết hôn nhập cư, gia đình đa văn hóa và công dân địa phương

### 결혼이민자 직업훈련 프로그램

Chương trình đào tạo nghề cho người kết hôn nhập cư

- 결혼이민자 대상 사전교육(기초소양교육, 컴퓨터교육) 및 직업훈련 프로그램 진행

Thực hiện các chương trình giáo dục sớm(lớp xóa mù chữ cơ bản, lớp máy tính) và đào tạo nghề cho người kết hôn nhập cư

### 다문화가족 서포터즈 사업

Dịch vụ hỗ trợ thông dịch đồng hành đa văn hóa Supporters

- 신규 결혼이민자 발굴 및 한국 사회 적응을 위한 생활 안내

Hướng dẫn sinh hoạt cho người kết hôn di trú nhập cảnh thời kỳ đầu thích nghi với xã hội Hàn Quốc

### 다문화가족 동아리 모임 활성화 지원 사업

Dịch vụ hỗ trợ phát triển hoạt động câu lạc bộ gia đình đa văn hóa

- 다문화가족 대상 동아리 모임 지원을 통해 정보 교류의 장 제공

Hỗ trợ địa điểm trao đổi thông tin cho các câu lạc bộ gia đình đa văn hóa





이용시간: 월~일 09:00~18:00

Thời gian hoạt động: Từ 09:00~18:00, Thứ 2~chủ nhật



## 외국인주민 고충 상담 지원 사업

Chương trình hỗ trợ tư vấn tình huống khó khăn cho người nước ngoài

### 다국어 상담센터 운영

: 임금체불, 출입국 관련, 사업장 갈등, 가정 상담 등 다국어 상담 지원 (다국어 상담사 10명, 12개 언어 지원)

### Trung tâm tư vấn đa ngôn ngữ

Hỗ trợ tư vấn đa ngôn ngữ về vấn đề thanh toán tiền lương, xuất nhập cảnh, mâu thuẫn trong công việc, quan hệ gia đình, v.v.. (Hỗ trợ 12 ngôn ngữ với 10 chuyên viên tư vấn đa ngôn ngữ)

### 통역지원 사업 운영

: 중국 및 베트남, नेपाल 근로자, 이주여성 등 국내 체류 편의 제공 업무, 노무관리 멘토링, 병원 통번역 지원

### Hỗ trợ thông biên dịch

Hỗ trợ dịch vụ thông, biên dịch y tế, quản lý việc hỗ trợ người lao động Nepal, công việc tiện ích cần thiết khi cư trú trong nước cho phụ nữ di trú v.v..



## 외국인주민 정착 맞춤형 교육지원 사업

Chương trình hỗ trợ giáo dục định cư cho người nước ngoài

### 외국인주민 한국어교육 : 외국인 여성 및 외국인 근로자 한국어 교육

Lớp tiếng Hàn dành cho người nước ngoài  
Giáo dục tiếng Hàn cho phụ nữ và người lao động nước ngoài

### 사회통합프로그램 : 단계별 한국어교육, 한국 사회 이해(기본 · 심화)

Chương trình hội nhập xã hội  
Lớp tiếng Hàn theo trình độ, khóa hiểu biết văn hóa tiếng Hàn (cơ bản · nâng cao)

### 조기 적응 프로그램 : 중국동포 및 결혼이민자 조기 적응 프로그램

Chương trình thích ứng giai đoạn đầu  
Chương trình thích ứng giai đoạn đầu dành cho kiều bào Trung Quốc và người kết hôn di trú

### 직업능력개발교육 : 요양보호사, 지게차운전기능사, 커피바리스타

Lớp phát triển năng lực nghề  
Nhân viên điều dưỡng, tài xế lái xe nâng, pha chế cafe

### 중국동포 시민이카데미 : 역사 및 문화소통교육, 문화탐방

Học viện kiều bào Trung Quốc  
tham quan văn hóa, giáo dục hiểu biết về văn hóa và lịch sử

### 다문화 언어교육 : 베트남어 · 중국어 회화교실

Giáo dục đa văn hoá ngôn ngữ Lớp học hội thoại tiếng Việt Nam · tiếng Trung Quốc



## 외국인주민 복지지원 사업

Chương trình hỗ trợ phúc lợi cho người nước ngoài

### 무료진료

: 무료진료 봉사팀 및 대한 결핵 협회와 연계한 무료진료 및 투약, 결핵검진 서비스 지원

### Chi phí trị liệu

Đội tình nguyện khám chữa bệnh miễn phí và khám chữa bệnh liên kết với Hiệp hội bệnh lao Hàn Quốc và học trợ dịch vụ kiểm tra bệnh lao, kê đơn thuốc

### 외부자원 및 후원물품 연계

Liên kết tài nguyên bên ngoài và vật phẩm tài trợ



## 외국인주민 문화활동 지원 사업

Chương trình hỗ trợ hoạt động văn hóa cho người nước ngoài

### 세계문화체험

: 세계문화체험학습, 세계음식문화체험

Trải nghiệm văn hóa thế giới

Học tập trải nghiệm văn hóa thế giới, trải nghiệm văn hóa món ăn thế giới

### 재수원교민회 운영

: 13개국 14개 교민회 문화교류 지원

Điều hành Hội kiều bào

Hỗ trợ trao đổi văn hóa giữa 14 hội kiều bào thuộc 13 quốc gia

### 외국인주민 자조모임

: 베트남 주민 및 중화권(홍콩, 대만, 중국)주민 대상 정착 지원 및 소통 강화 프로그램 진행

Hội nhóm người di trú nước ngoài

Người Việt Nam và hỗ trợ gắn chặt trung hòa đối tượng người(Hồng Kông, Đài Loan, Trung Quốc) và tiến hành chương trình tăng cường giao tiếp



## 내 · 외국인 소통 및 다문화 이미지 개선 사업

Giao tiếp trong-ngoài nước và dự án cải tiến hình ảnh đa văn hóa

### 지역사회 쿠키 나눔 활동

: 지역사회 내국인 대상 쿠키 나눔 활동

Hoạt động chia bánh quy(cookie) cộng đồng địa phương

Các hoạt động truyền thông đồng cảm theo từng thể hệ:

### 세대별 공감소통 활동

Các hoạt động truyền thông đồng cảm theo từng thế hệ:

#### 1. 청년 공감소통 멘토링

1. Cố vấn truyền thông đồng cảm cho thanh thiếu niên

#### 2. 이주민여성 생활소통 공감활동 지원

2. Hỗ trợ các hoạt động giao tiếp và đồng cảm với sinh hoạt cho phụ nữ nhập cư

#### 3. 이주근로자 스포츠로 공감하기 지원

3. Hỗ trợ sự đồng cảm thông qua thể thao cho người lao động nhập cư

# ▶▶ 사회통합프로그램 Chương trình hội nhập xã hội(Korea Immigration and Integration Program)

- 한국에 체류하는 이민자가 우리사회의 구성원으로 적응하고 자립하는 데 필수적인 기본소양(한국어와 한국문화, 한국사회이해)을 쌓을 수 있도록 마련한 사회통합교육

Chương trình giáo dục hội nhập xã hội được thiết kế nhằm giúp người nhập cư đang sinh sống tại Hàn Quốc trang bị những kiến thức cơ bản cần thiết (tiếng Hàn, văn hóa Hàn Quốc, hiểu biết về xã hội Hàn Quốc) để thích nghi và tự lập với tư cách là thành viên của xã hội

구분단계 Phân loại	0단계 Giai đoạn0	1단계 Giai đoạn1	2단계 Giai đoạn2	3단계 Giai đoạn3	4단계 Giai đoạn4	5단계 Giai đoạn5	
과정 Khóa học	한국어과정 Khóa tiếng Hàn					한국사회이해 Khóa hiểu biết xã hội Hàn Quốc	
	기초 Sơ cấp	초급1 Sơ cấp1	초급2 Sơ cấp2	중급1 Trung cấp1	중급2 Trung cấp2	기본 Cơ bản	심화 chuyên sâu
이수시간 Số giờ hoàn thành	15시간 15tiếng	100시간 100tiếng	100시간 100tiếng	100시간 100tiếng	100시간 100tiếng	50시간 50tiếng	20시간 20tiếng

- 귀화 신청 시 혜택 **Quyền lợi khi xin nhập quốc tịch**

- 귀화신청자 대상 종합평가 합격 인정  
 Công nhận đạt yêu cầu kỳ đánh giá tổng hợp dành cho người xin nhập quốc tịch
- 국적면접심사 면제(단, 귀화용 종합평가 합격에 의한 이수완료 시)  
 Miễn phỏng vấn quốc tịch

- 영주자격 신청 시 혜택 **Chỉ áp dụng khi hoàn thành chương trình thông qua việc đỗ kỳ đánh giá tổng hợp cho nhập quốc tịch**

- 한국어 능력 등 입증 면제  
 Miễn chứng minh năng lực tiếng Hàn
- 실태조사 면제  
 Miễn điều tra thực tế

\* 이수한 교육 단계에 따라 혜택의 범위가 다르며 세부사항은 사회통합정보망 운영지침 참조

Phạm vi quyền lợi khác nhau tùy theo giai đoạn đã hoàn thành; chi tiết tham khảo hướng dẫn vận hành Hệ thống Thông tin Hội nhập Xã hội

- 사회통합정보망(www.socinet.go.kr)에 회원 가입 후, 상단의 '사회통합프로그램'에서 신청

Sau khi đăng ký thành viên tại Hệ thống Thông tin Hội nhập Xã hội(www.socinet.go.kr), chọn mục “Chương trình hội nhập xã hội” ở thanh menu trên để đăng ký

- 법무부가 지정한 사회통합프로그램 운영기관에서 교육 이수

**Hoàn thành khóa học tại các cơ sở được Bộ Tư pháp chỉ định**

- 사회통합정보망 - 사회통합프로그램 전국 운영기관 현황 참조  
 Tham khảo “Danh sách cơ sở vận hành trên toàn quốc” trong mục Hệ thống Thông tin Hội nhập Xã hội → Chương trình hội nhập xã hội
- 문의 : 수원시외국인복지센터 031-223-0075

Liên hệ : Trung tâm phúc lợi người nước ngoài TP Suwon



## ▶▶ 다국어지원 웹사이트 Trang mạng hỗ trợ đa ngôn ngữ

기관명 Tên cơ quan	홈페이지 Trang chủ	운영기관 Cơ quan điều hành	내용 Nội dung
수원시청 Ủy ban TP Suwon	<a href="http://www.suwon.go.kr">http://www.suwon.go.kr</a>	수원시청 Ủy ban TP Suwon	종합민원, 수원소식 등 수원시정 전반안내 Hướng dẫn toàn diện tổng đài khiếu nại, tin tức về Suwon, Ủy ban TP Suwon
다누리다문화가족 지원포털 Cổng thông tin điện tử gia đình đa văn hóa Danuri	<a href="http://www.liveinkorea.kr">http://www.liveinkorea.kr</a>	한국건강가정진흥원 Viện sức khỏe gia đình Hàn Quốc	결혼이주여성 한국생활 안내 Hướng dẫn sinh hoạt Hàn Quốc cho phụ nữ kết hôn di trú
하이코리아 Hi, korea	<a href="http://www.hikorea.go.kr">http://www.hikorea.go.kr</a>	법무부 Bộ Tư Pháp	방문 예약, 재입국 허가, 체류 기간 연장 허가 등 Đăng ký đặt hẹn, cấp giấy phép tái nhập cảnh, gia hạn cư trú, v.v...
누리세종학당 Trường học Nuri Sejong	<a href="http://www.sejonghakdang.org">http://www.sejonghakdang.org</a>	문화체육관광부 Bộ văn hóa thể thao và du lịch	한국어 교육 Đào tạo Tiếng Hàn
EBS 한국어 교육 두리안 Durian-Kênh EBS giáo dục Tiếng Hàn	<a href="http://www.ebs.co.kr/durian/kr">http://www.ebs.co.kr/durian/kr</a>	한국교육방송공사 Đài phát thanh truyền hình giáo dục Hàn Quốc	한국어 교육 Đào tạo Tiếng Hàn
한국어능력시험 TOPIK	<a href="http://www.topik.go.kr">http://www.topik.go.kr</a>	국립국제교육원 Viện giáo dục quốc tế quốc gia	TOPIK시험정보제공 Cung cấp thông tin thi TOPIK
외국인고용관리시스템 Hệ thống quản lý tuyển dụng người nước ngoài	<a href="https://www.eps.go.kr">https://www.eps.go.kr</a>	고용노동부 Bộ Lao Động	외국인고용관리시스템 Hệ thống quản lý tuyển dụng người nước ngoài
KBS 월드뉴스 KBS tin tức thế giới	<a href="http://world.kbs.co.kr">http://world.kbs.co.kr</a>	KBS World Thế giới KBS	다국어뉴스, 시사교양, 연예오락 프로그램 소개 등 Giới thiệu các chương trình giải trí, giáo dục, tin tức đa ngôn ngữ, v.v..
VisitKorea 홈페이지 Trang chủ VisitKorea	<a href="http://www.visitkorea.or.kr">http://www.visitkorea.or.kr</a>	문화체육관광부 Bộ văn hóa thể thao và du lịch	한국의 여행 및 축제 정보 Thông tin lễ hội và du lịch
외국교육기관 및 외국인 학교종합안내 Thông tin tổng hợp về các cơ sở giáo dục nước ngoài và trường học dành cho người nước ngoài	<a href="https://www.isi.go.kr">https://www.isi.go.kr</a>	교육부 Bộ Giáo dục Hàn Quốc	국내에 체류 중인 외국인 등에 외국인교육기관 정보제공 Cung cấp thông tin về các cơ sở giáo dục dành cho người nước ngoài cho người nước ngoài đang sinh sống tại Hàn Quốc

## ▶▶ 다문화가족 지원 다국어 정보제공 '다누리 앱' 안내

Trang hướng dẫn 'Danuri' cung cấp thông tin đa ngôn ngữ hỗ trợ gia đình đa văn hóa

### ✔ 주요정보 Thông tin chính

다문화가족지원센터 찾기, 한국생활 가이드북, 다문화가족 정보 매거진 Rainbow+,  
다문화가족 종합 정보 전화 센터(1577-1366)연결, 긴급전화 안내

Tìm kiếm trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa, Sách hướng dẫn sinh hoạt Hàn Quốc, báo chí thông tin gia đình đa văn hóa Rainbow+, Liên kết trung tâm tổng đài thông tin tổng hợp gia đình đa văn hóa (1577-1366), hướng dẫn điện thoại khẩn cấp

### ✔ 서비스언어(13개 언어) Dịch vụ ngôn ngữ(13 ngôn ngữ)

한국어, 영어, 중국어, 베트남어, 타갈로그(필리핀)어, 크메르(캄보디아)어, 몽골어, 러시아어, 일본어, 태국어, 라오어, 우즈베크어, 네팔어

Tiếng Hàn, Anh, Trung, Việt, Philipin, Campuchia, Mông cổ, Nga, Nhật, Thái, Lào, Uzbek, Nê-pal

### ✔ 다운로드 방법 Cách tải về hỗ trợ gia đình đa văn hóa

<b>QR코드 스캔</b> Bản chụp mã QR	<b>플레이스토어/앱스토어에서 '다누리' 검색</b> Tìm kiếm "App Danuri" tại Cửa hàng tiện ích/App Store	
 <p>안드로이드 Android</p>		
 <p>아이폰 iPhone</p>		

## ▶▶ 다누리콜센터 1577-1366 경기 수원 (☎031-257-1841)

Tổng đài Danuri 1577-1366 Suwon - Gyeonggi

- ✓ 한국생활에 어려움을 겪고 있는 이주여성과 결혼이민자에 대한 각종 다국어 한국생활 안내 및 각종 상담, 여성 폭력 피해자 긴급 지원 및 관련 기관 연계 서비스를 제공합니다.

Hướng dẫn cho phụ nữ kết hôn di trú và người kết hôn di trú đang gặp phải khó khăn trong đời sống Hàn Quốc qua chương trình tư vấn mọi lĩnh vực, hỗ trợ khẩn cấp phụ nữ bị bạo lực và cung cấp liên kết dịch vụ với các cơ quan có liên quan bằng đa ngôn ngữ.

- ✓ **서비스시간:** 연중무휴, 24시간, 365일

**Thời gian:** cả năm, 24 giờ, 365 ngày

- ✓ **서비스언어:** 13개 국어(한국어, 영어, 중국어, 베트남어, 타갈로그어(필리핀), 크메르어(캄보디아어), 몽골어, 러시아어, 일본어, 태국어, 라오어, 우즈베크어, 네팔어)

**Ngôn ngữ:** 13 ngôn ngữ(Tiếng Hàn, Anh, Trung, Việt, Philipin, Campuchia, Mông cổ, Nga, Nhật, Thái, Lào, Uzbek, Nê-pal)

- ✓ **서비스내용:** 다국어 전화상담, 면접/방문상담, 체류, 법률상담 및 법률구조 연결, 다누리 포털 온라인 상담, 6개 지역 센터 운영

**Nội dung:** tư vấn qua điện thoại đa ngôn ngữ, tư vấn trực tiếp/ tại nhà, tư vấn pháp luật. cư trú và liên kết hỗ trợ luật pháp, tư vấn online trên mạng Danuri, điều hành 6 Trung tâm khu vực.

Các cơ quan hỗ trợ người nước ngoài · gia đình đa văn hóa tại TP Suwon

### 수원시 운영기관 (4개소) Các cơ quan hỗ trợ tại TP Suwon (4 cơ quan)

기관명 Tên cơ quan	지원내용 Nội dung hỗ trợ	소재지 Nội dung hỗ trợ	연락처/홈페이지 Số điện thoại/ trang web
수원시청 이주민정책과 Phòng chính sách người nhập cư thành phố Suwon	다문화가족 및 외국인 지원, 결혼중개업 등록·신고 관리 Hỗ trợ chính sách gia đình đa văn hóa, người nước ngoài Quản lý và hỗ trợ đăng ký·khai báo hoạt động văn phòng giới thiệu kết hôn v.v..	수원시 팔달구 효원로 241 (인계동) 241, Hyowon-ro, Paldal-gu, Suwon-si (Ingye-dong)	031-5191-2990 www.suwon.go.kr
수원시 글로벌청소년 드림센터 Trung tâm ước mơ thành niên toàn cầu TP Suwon	이주배경청소년 맞춤형 교육·정서·자립 지원사업 등 Dịch vụ hỗ trợ học tập.tình cảm.tự lập phù hợp với thành thiếu niên toàn cầu	수원시 팔달구 팔달로 141번길 4 (화서동) 4, Paldal-ro 141 beongil, Paldal-gu, Suwon City (Hwaseo-dong)	031-247-1324 www.swglobalyouth.com
수원시 다문화가족 지원센터 Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa TP Suwon	다문화가족 상담, 한국어 교육, 방문교육 등 Tư vấn, dạy tiếng Hàn, dạy học tại nhà cho gia đình đa văn hóa v.v..	수원시 장안구 송원로 63, 3층(송죽동, 신성빌딩) 63, songwon-ro, Jangan-gu, Suwon City, Tầng 3 (Songjuk-dong)	031-257-8504 www.liveinkorea.kr
수원시 외국인 복지센터 Trung tâm phúc lợi người nước ngoài TP Suwon	외국인주민 상담, 교육, 직업능력개발교육 등 Tư vấn, giáo dục, đào tạo phát triển năng lực nghề nghiệp cho người nước ngoài v.v..	수원시 팔달구 중부대로 43, 7층 (지동, 실로암빌딩) 43, Jungbudaero, Paldal-gu, Suwon City, Tầng 7 (Ji-dong)	031-223-0075 www.suwonmcs.com

### 중앙·민간 운영기관 (6개소) Các Cơ Quan Thuộc Trung Ương · Tư Nhân (7 cơ quan)

기관명 Tên cơ quan	주요사업 Công việc chủ yếu	소재지 Địa chỉ	연락처 Số điện thoại
수원출입국·외국인청 이민통합지원센터 Trung tâm hỗ trợ hội nhập Phòng quản lý xuất nhập cảnh Suwon-trung tâm hỗ trợ di dân	사회통합프로그램, 통합시민교육, 이민자네트워크 활동 등 Chương trình hội nhập xã hội, lớp công dân tổng hợp, hoạt động mạng lưới người nhập cư, v.v.	수원시 영통구 반달로 39 (영통동) 39 Bandal-ro, Yeongtong-gu, Suwon City(Yeongtong-dong)	1345 gọi tổng đài 1345 (không có mã vùng) 031-695-3821
수원 이주민센터 Trung Tâm Di Dân Suwon	다양성/이주인권 교육, 다국어 상담, 통/번역, 법률구조연결 Giáo dục nhân quyền cho người di trú/sự đa dạng, tư vấn đa ngôn ngữ, thông/biên dịch, kết nối trợ giúp pháp lý	수원시 권선구 정조로544번길 47,2층(세류동) 2F, 47 Jeongjo-ro 544beon-gil, Gwonseon-gu, Suwon City(Seryu-dong)	070-8671-3111
다누리콜센터 1577-1366 경기수원 Tổng đài Danuri 1577-1366 Suwon - Gyeonggi	24시간 365일 13개 언어 상담, 통역, 생활정보 제공 등 Hỗ trợ giáo dục cho con em gia đình đa văn hóa, phát triển các chương trình giáo dục đa văn hóa	수원시 팔달구 팔달로 131,5층(화서동) 5F, 131 Paldal-ro, Paldal-gu, Suwon City(Hwaseo-dong)	031-257-1841

<b>기관명</b> Tên cơ quan	<b>주요사업</b> Công việc chủ yếu	<b>소재지</b> Địa chỉ	<b>연락처</b> Số điện thoại
<b>(사)수원YWCA</b> Trung tâm YWCA Suwon	<b>결혼이민자 한국어교실 등</b> Lớp học tiếng Hàn cho người kết hôn di trú	<b>수원시 장안구 정자천로 134번길 34(정자동)</b> 34 Jeongiacheon-ro 134beon-gil, Jangan-gu, Suwon City(Jeongja-dong)	<b>031-252-5111</b>
<b>수원여성인력 개발센터</b> Trung tâm phát triển nhân lực phụ nữ Suwon	<b>결혼이민 여성대상 취업준비 집단상담 교육 및 취업 지원</b> Hỗ trợ tư vấn chuẩn bị xin việc làm và việc làm cho người kết hôn di trú	<b>수원시 영통구 반달로 7번길 40, 10층(영통동)</b> 10F, 40 Bandal-ro 7beon-gil, Yeongtong-gu, Suwon City (Yeongtong-dong)	<b>031-206-1919</b>
<b>경기대 다문화교육센터</b> Trung tâm giáo dục đa văn hóa trường đại học Gyeonggi	<b>다문화 교육 프로그램 개발 다문화 가정 자녀 교육지원</b> Hỗ trợ giáo dục cho con em gia đình đa văn hóa, phát triển các chương trình giáo dục đa văn hóa	<b>수원시 영통구 광고산로154-42, 덕문관 5207호(이의동, 경기대학교)</b> #5207Deokmungwan, 154-42 Gwanggyosan-ro, Yeongtong-gu, Suwon City (lui-dong, Gyeonggi University)	<b>031-257-1841</b>

## 결혼이주여성 자조모임

Hội phụ nữ kết hôn di trú

문의: 수원시다문화가족지원센터 ☎031-257-8504

Liên hệ: Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa TP Suwon ☎031-257-8504

자조모임명 Tên hội	결성일자 Ngày thành lập	회원수 Số thành viên	활동내용 Nội dung hoạt động	비고 Ghi chú
계 Tổng		48명		
중국 자조모임 Nhóm tự hỗ trợ người Trung Quốc	2025.09.01.	10명	중국 출신 결혼이민자의 정서적지지 및 정보 공유 활동 Hoạt động hỗ trợ tinh thần và chia sẻ thông tin dành cho người nhập cư kết hôn đến từ Trung Quốc	
베트남 자조모임 Nhóm tự hỗ trợ người Việt Nam	2025.09.01.	10명	베트남 출신 회원 간 문화 교류 및 생활정보 나눔 활동 Hoạt động giao lưu văn hóa và chia sẻ thông tin đời sống giữa các thành viên đến từ Việt Nam	
필리핀 자조모임 Nhóm tự hỗ trợ người Philippines	2024.10.01.	10명	필리핀 출신 회원 간 친목도모 및 상호지지 활동 Hoạt động tăng cường tình thân và hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên đến từ Philippines	
일본 자조모임 Nhóm tự hỗ trợ người Nhật Bản	2026.04.01.	5명	일본 출신 회원 간 문화 이해 증진 및 소통 활동 Hoạt động tăng cường hiểu biết văn hóa và giao lưu giữa các thành viên đến từ Nhật Bản	
페이스 페인팅 자조모임 Nhóm tự hỗ trợ vẽ mặt (Face Painting)	2025.04.01.	5명	페이스 페인팅 기술 연습 및 재능 나눔 활동 Hoạt động rèn luyện kỹ năng vẽ mặt (Face Painting) và chia sẻ tài năng	
가야금 자조모임 Nhóm tự hỗ trợ đàn Gayageum	2024.04.01.	8명	가야금 연습을 통한 전통문화 체험 및 공동체 활동 Hoạt động trải nghiệm văn hóa truyền thống và sinh hoạt cộng đồng thông qua việc luyện tập đàn Gayageum	

## 외국인주민재수원 교민회 Hội kiều dân nước ngoài

☑ 문의: 수원시외국인복지센터 (☎031-223-0075)

Liên hệ: Trung tâm phúc lợi người nước ngoài TP Suwon ☎031-223-0075

교민회명 Tên hội kiều bào	결성일자 Ngày thành lập	회원수 Số lượng hội viên	활동내용 Nội dung hoạt động
계		1,294	
네팔교민회 Kiều bào Nepal	2011. 1. 5.	150	전통 명절 및 축제 행사, 문화 체험, 송년회 Lễ hội truyền thống, trải nghiệm văn hóa, tiệc tất niên
러시아교민회 Kiều bào Nga	2007. 3. 2.	30	전통 명절 및 축제 행사, 문화 체험, 송년회 Lễ hội truyền thống, trải nghiệm văn hóa, tiệc tất niên
몽골교민회 Kiều bào Mông Cổ	2004. 4. 20.	90	북콘서트, 전통 명절 및 축제 행사(세계여성의날, 몽골군인의날 등), 문화 체험, 송년회 Các buổi hòa nhạc, các ngày lễ và lễ hội truyền thống (Ngày Quốc tế Phụ nữ, Ngày Quân đội Mông Cổ, v.v.), các trải nghiệm văn hóa, tiệc tất niên
미얀마교민회 kiều bào Myanmar	2022. 8. 1.	49	전통 명절 및 축제 행사(띠잔, 8888 등), 문화 체험, 송년회 Ngày lễ truyền thống và lễ hội (Thingyan, 8888, v.v.), trải nghiệm văn hóa, tiệc tất niên
방글라데시교민회 Kiều bào Bangladesh	2008. 6. 3.	102	전통 명절 및 축제 행사(독립기념일 등), 송년회 Ngày lễ truyền thống và lễ hội (Ngày giải phóng, v.v.), tiệc tất niên
베트남교민회 Kiều bào Việt Nam	2008. 3. 2.	220	전통 명절 및 축제 행사, 문화 체험, 송년회 Lễ hội truyền thống, trải nghiệm văn hóa, tiệc tất niên
인도교민회 Kiều bào Ấn Độ	2012. 12. 23.	50	전통 명절 및 축제 행사(홀리페스티벌, 체라오바바삭히, 단디아, 디왈리 등), 문화 체험, 송년회 Ngày lễ truyền thống và lễ hội (Lễ hội Holi, Cheraoba Sakhi, Dandiya, Diwali, v.v.), trải nghiệm văn hóa, tiệc cuối năm
인도네시아교민회 Kiều bào Indonesia	2009. 10. 1.	50	전통 명절 및 축제 행사, 문화 체험, 송년회 Ngày lễ truyền thống và lễ hội
일본교민회 Kiều bào Nhật Bản	2008. 7. 1.	70	문화 체험, 송년회 Trải nghiệm văn hóa, tiệc tất niên
중국(귀한동포) Kiều bào Trung Quốc (kiều bào hồi quốc)	2010. 8. 1.	100	전통 명절 행사 Ngày lễ truyền thống và lễ hội
중국교민회 Kiều bào Trung Quốc	2002. 3. 1.	250	전통 명절 및 축제 행사, 문화 체험, 송년회 Ngày lễ truyền thống và lễ hội, trải nghiệm văn hóa, tiệc tất niên
캄보디아교민회 Kiều bào Campuchia	2008. 6. 2.	21	전통 명절 및 축제 행사, 문화 체험, 송년회 Ngày lễ truyền thống và lễ hội, trải nghiệm văn hóa, tiệc tất niên
태국교민회 Kiều bào Thái Lan	2008. 4. 13.	42	전통 명절 및 축제 행사(송크란, 로이크라통 등), 문화 체험, 송년회 Ngày lễ truyền thống và lễ hội( sự kiện Songkran, Loy Krathong, v.v.), trải nghiệm văn hóa, tiệc tất niên
필리핀교민회 Kiều bào Philipin	2003. 7. 6.	70	문화 체험, 송년회 Trải nghiệm văn hóa, tiệc tất niên

## 외국인주민 자조모임 Hội người nước ngoài

문의: 수원시외국인복지센터 (☎070-4440-0922)

Liên hệ: Trung tâm phúc lợi người nước ngoài TP Suwon ☎070-4440-0922

자조 모임명 Tên hội	결성일자 Ngày thành lập	회원수 Số thành viên	활동내용 Nội dung hoạt động	비고 Ghi chú
계 計		179		
민들레 Nhóm bồ công anh	2014. 1. 1.	10	베트남 전통 무용 연습 및 공연 Luyện tập và biểu diễn múa truyền thống Việt Nam	베트남(이주여성) Phụ nữ kết hôn đi trú Việt Nam
레인보우 Nhóm cầu vồng	2023. 1. 1.	5	중국 전통 춤 연구 및 전통문화 알리기 활동 Hoạt động nghiên cứu và hoạt động múa truyền thống Trung Quốc để quảng bá văn hóa truyền thống	중국(이주여성) Phụ nữ di trú Trung Quốc
필리핀공연팀 Đội biểu diễn Philippin	2015. 1. 1.	8	필리핀 전통 무용 연습 및 공연 Luyện tập và biểu diễn múa truyền thống Philippin	필리핀(이주여성) Phụ nữ di trú Philippin
인도공연팀 Đội văn nghệ Ấn Độ	2022. 1. 1.	6	인도 전통춤 연구 및 전통문화 알리기 활동 nghiên cứu về múa truyền thống Ấn Độ và quảng bá văn hóa truyền thống	인도 Ấn Độ
수원시중국동포협회 Hội kiều bào Trung Quốc tại TP Suwon	2016. 10. 1.	50	중국 동포와 지역사회 화합을 위한 행사 기획 및 봉사활동 전개 Lên kế hoạch cho các sự kiện và phát triển các hoạt động tình nguyện, chia sẻ vì sự hòa hợp giữa người Hàn Quốc và cộng đồng	중국동포 kiều bào Trung Quốc
중국치안봉사단 Đội tình nguyện viên an ninh Trung Quốc	2019. 9. 5.	40	매월 넷째 주 목요일 중부경찰서와 연계하여 지동을 중심으로 야간자율방범순찰 및 안전교육 진행 Liên kết với sở cảnh sát phía đông hoạt động tuần tra phòng ngừa tội phạm ban đêm và giáo dục an toàn khu vực phường Jidong vào thứ 5 của tuần thứ 4 hàng tháng	중국동포 및 중부서관계자 Cán bộ phụ trách tại sở cảnh sát và kiều bào Trung Quốc

## 참고자료 (Tài liệu tham khảo)

다누리 다문화가족지원포탈 | 성평등가족부

Cổng thông tin hỗ trợ gia đình đa văn hóa Danuri | Bộ Bình đẳng giới và Gia đình

2024년 외국인주민 현황 | 행정안전부

Tình trạng người nước ngoài năm 2024 | Bộ an toàn hành chính

## 2026년 외국인생활안내서

2026 Guidebook for Foreign Residents

발행일 (Ngày phát hành) 2026년 4월 (tháng 4 năm 2026)

발행인 (Người phát hành) 수원시장 (Thị trưởng TP Suwon)

기획 (Người biên dịch) 이주민정책과 (☎ 031-5191-2708) Phòng chính sách người nhập cư thành phố Suwon (☎ 031-5191-2708)

경기도 수원시 팔달구 효원로 241 (인계동)

241, Hyowon-ro, Paldal-gu, Suwon City, Gyeonggi-do (Ingye-dong)

www.suwon.go.kr